

DAVE ROBINSON, CHRIS GARRATT

Đinh Gia Hưng & Hoàng Giang dịch

Introducing Ethics:
A Graphic Guide

TRIẾT HỌC
lý thú

ĐẠO ĐỨC HỌC bằng tranh



ĐẠO ĐỨC HỌC bằng tranh

TRIẾT HỌC lý thú

Bản chất thật sự của con người là gì? Ích kỷ và tham lam hay rộng lượng và tốt bụng?

Liệu có một số người có đạo đức "tốt hơn" so với người khác, hay mọi người đều tốt như nhau?

Hãy đặt câu hỏi về những đạo lý đã được người ta chấp thuận, và đừng bao giờ ngừng làm việc này.

Thực ra xã hội nên chịu trách nhiệm về những điều xấu xa của con người.

CÔNG TY CỔ PHẦN ZENBOOKS

473/8 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, TP.HCM
Điện thoại: (028) 3868 2890 - 3862 0281
Website: zenbooks.vn
Email: info@zenbooks.vn

ISBN : 978-604-84-3373-4



Đạo đức học bằng tranh



Giá: 98.000đ

TRIẾT HỌC LÝ THỨ

ĐẠO ĐỨC HỌC
BẰNG TRANH



CÔNG TY CỔ PHẦN ZENBOOKS

473/8 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, TP. HCM

Tel: 028.38682890; 38620281

Email: info@zenbooks.vn

Website: www.zenbooks.vn

INTRODUCING ETHICS: A GRAPHIC GUIDE

Text copyright © 1996 Dave Robinson

Illustrations copyright © 1996 Chris Garratt

The author and artist have asserted their moral rights.

TRIẾT HỌC LÝ THỨ – ĐẠO ĐỨC HỌC BẰNG TRANH

Công ty cổ phần ZENBOOKS giữ bản quyền xuất bản và phát hành
ấn bản tiếng Việt theo hợp đồng chuyển giao bản quyền với Icon
Books Ltd, thông qua The Marsh Agency.

Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý
của ZENBOOKS đều bất hợp pháp và vi phạm Luật xuất bản
Việt Nam, Luật bản quyền quốc tế và công ước bảo vệ
quyền sở hữu trí tuệ Berne.

DAVE ROBINSON
& CHRIS GARRATT

TRIẾT HỌC LÝ THỨ

ĐẠO ĐỨC HỌC BẰNG TRANH

Đình Gia Hưng & Hoàng Giang dịch

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

VẤN ĐỀ LUÂN LÝ

Mọi người đều quan tâm tới đạo đức. Mỗi chúng ta đều có quan điểm riêng và biết cách phân biệt lẽ đúng điều sai. Các triết gia và lãnh đạo tôn giáo cùng nhau thảo luận về “mê cung” của luân lý trên đài phát thanh. Con người giờ không còn biết xử sự theo chuẩn mực chung nữa.



Ta thường được nghe nói như vậy. Thế nhưng trong cuộc sống này vẫn luôn hiện diện “sự hoảng loạn về luân lý”¹. Plato kết luận rằng vào thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên, Athens chịu kết cục bi thảm chính là do chủ nghĩa hoài nghi về đạo đức hết sức nguy hiểm của các Triết gia phái Ngụy biện và sự cả tin của đồng bào ông.

1. Moral panic – do Jock Young đặt ra năm 1971, mô tả để chỉ tâm lý của đám đông khi mà có một nhân vật/ sự kiện nào đó có vẻ như đe dọa trật tự xã hội, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, luân thường đạo lý, ví dụ như những cuộc săn phù thủy thời Trung cổ.

CON NGƯỜI XÃ HỘI

Tất cả chúng ta đều là sản phẩm của từng xã hội cụ thể. Ta không “tự tạo ra bản thân mình” được. Phần nhiều những gì ta xem là “bản sắc” và “ý kiến cá nhân” của mình đều đến từ cộng đồng nơi ta sống. Điều này hoàn toàn tương đồng với ý kiến của Aristotle. Ông cho rằng chức năng đầu tiên của Nhà nước là giúp con người sống tập thể tham gia vào những thảo luận có tính triết học để cuối cùng đồng thuận với những qui ước đạo đức chung.



VỐN DĨ CON NGƯỜI LÀ SINH
VẬT CHÍNH TRỊ. ĐƯƠNG NHIÊN
HỌ PHẢI SỐNG TRONG MỘT
NHÀ NƯỚC.

Nhưng ngay khi trưởng thành, hầu hết chúng ta bắt đầu chất vấn xã hội đã tạo ra ta theo những cách khác nhau. Socrates nhấn mạnh rằng đó mới thực sự là bốn phận của chúng ta.



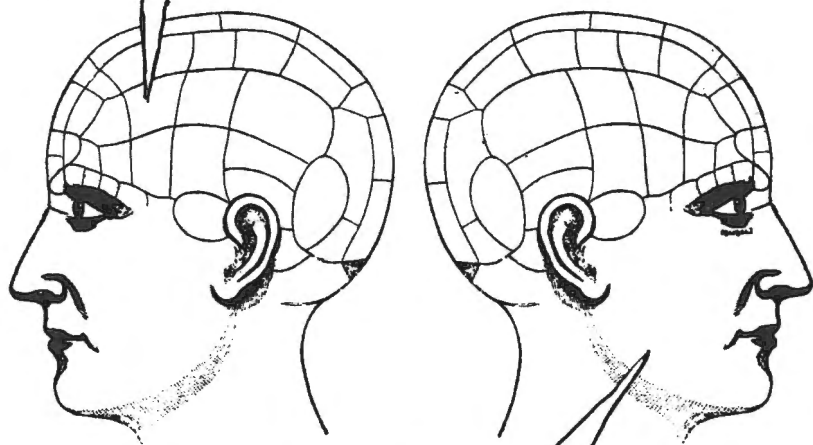
HÃY ĐẶT CÂU HỎI VỀ
NHỮNG ĐẠO LÝ ĐÃ ĐƯỢC
NGƯỜI TA CHẤP THUẬN, VÀ
ĐỪNG BAO GIỜ NGỪNG
LÀM VIỆC NÀY.

Nhà nước có thể phán quyết lẽ đúng và điều sai về mặt pháp lý, nhưng **luật pháp** và **luân lý** lại là hai phạm trù hoàn toàn khác nhau.

CỘNG ĐỒNG LUẬN HAY CÁ NHÂN LUẬN?

Đạo đức học mang tính phức tạp bởi vì luân lý của chúng ta hình thành từ sự kết hợp kỳ lạ giữa truyền thống đạo lý với ý kiến cá nhân.

MỘT SỐ TRIẾT GIA NHẤN MẠNH
TẦM QUAN TRỌNG CỦA CỘNG ĐỒNG
VÀ CHO RẰNG ĐẠO ĐỨC CÁ NHÂN XUẤT
PHÁT TỪ ĐÓ.



CÁC NHÀ TƯ TƯỞNG KHÁC THÌ XEM
TRỌNG CÁ NHÂN ĐỘC LẬP VÀ KHẲNG
ĐỊNH RẰNG XÃ HỘI CHỈ LÀ SỰ SẮP ĐẶT
TIỆN LỢI. NÓ PHẢI HƯỚNG THEO CÁC
MỤC ĐÍCH VÀ THAM VỌNG CỦA CÁC CÁ
THỂ THÀNH VIÊN.

Triết gia của cả hai trường phái **cá nhân luận** và **cộng đồng luận** đều miễn cưỡng biện minh rằng đạo đức học không gì hơn là “các quy định của câu lạc bộ” được các thành viên nhất trí và áp dụng. Cả hai đều hợp thức hóa đạo đức cộng đồng hoặc nhu cầu đạo đức cá nhân bằng cách viện dẫn một loại tập hợp “trung hòa” các lý tưởng. Phần lớn nội dung đó đề cập đến những nỗ lực khác nhau nhằm đưa ra một nền tảng cho đạo đức học.

TẠO DỰNG BỐI CẢNH

10 CÂU HỎI CƠ BẢN

Như các triết gia vẫn thường thực hiện, chúng ta hãy bắt đầu bằng việc đặt một số câu hỏi khó và lạ. Những câu hỏi này rất quan trọng, mặc dù hiếm khi có câu trả lời xác thực và rõ ràng.

Liệu có sự khác nhau giữa quy luật của luân lý và pháp luật của xã hội hay không?

Nếu có thì tại sao lại như vậy?

Bản chất thật sự của con người là gì? Ích kỷ và tham lam hay rộng lượng và tốt bụng?

Liệu có một số người có đạo đức "tốt hơn" so với người khác, hay mọi người đều tốt như nhau?

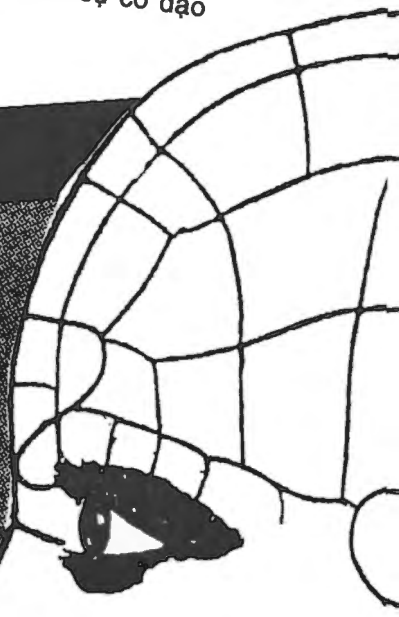
Có những phương pháp chuẩn để dạy trẻ em xử sự có đạo đức không?

look

Liệu có ai được quyền tuyên bố với mọi người về bản chất của điều tốt và cái xấu không?

evil
exist?

erry Porter on Dunblair



Liệu có những hành vi (chẳng hạn như tra tấn trẻ em) luôn luôn là sai trái không? Nếu có, những hành vi đó là gì?

Theo bạn thì câu trả lời hợp lý nhất cho câu hỏi "Tại sao tôi nên trở thành một người tốt" là gì?

Phải chăng đạo đức học là một lĩnh vực tri thức đặc biệt? Nếu vậy, thì đó là loại tri thức gì và chúng ta có thể lĩnh hội nó như thế nào?

Luân lý phải chăng là việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hay là tư duy nghiêm túc về kết quả

Khi người ta tuyên bố "Tôi biết việc giết người là sai trái", phải chăng họ biết đó là điều sai hay họ thực sự tin tưởng vào vào điều này?

'Vegeta...

Case raises doubts over doctors' ability to diagnose 'brain deaths'

Dyer
Correspondent

MAN who for seven years was thought to be in the same permanent unconscious state as the "right to die" Hillsborough victim, Tony, has become aware of his surroundings and is communicating with hospital staff.

At one time the health authority caring for the man in

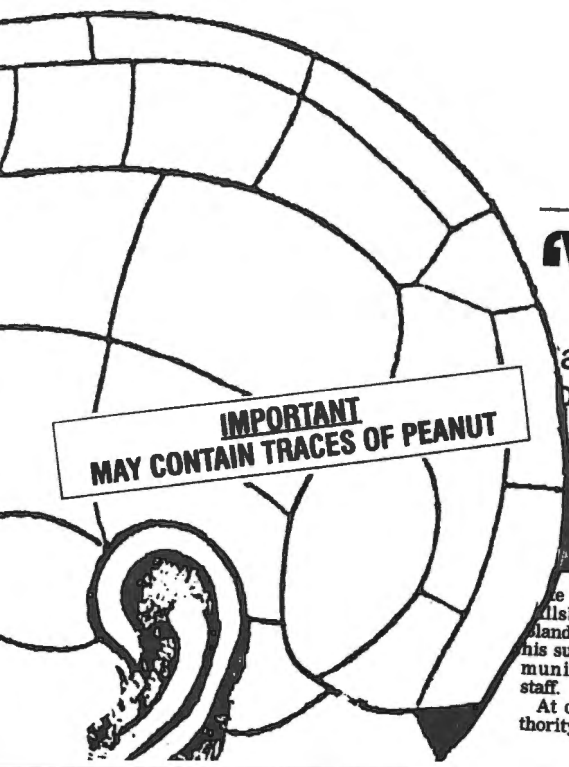
the north of England discussed asking the High Court to sanction the withdrawal of the artificial feeding keeping him alive. But his wife was implacably opposed and the idea was not pursued, although relatives have no right legally to veto doctors' decisions in such cases.

The case of the former businessman, diagnosed as in a persistent vegetative state (PVS), puts a huge question mark over experts' ability to diagnose such cases reliably

and re
about
against
die case

This
musicia
tal, who
nosed a
via a c
how he
night tr
ago.

The b
much n
cause of
was the
scious, i
error (o
operation
Cases



CÁC NGUỒN GỐC XÃ HỘI CỦA HỆ THỐNG ĐỨC TIN

Hầu như chẳng có xã hội nào trong thực tế mà các thành viên ở đó chấp nhận được việc giết người. Thi thoảng ở đâu đó xuất hiện một tên sát thủ hàng loạt, thì đại đa số chúng ta nghĩ rằng đây là trường hợp loạn trí cá biệt, hoặc thậm chí “không phải là con người”.



Luôn có những quy luật khi xảy ra trường hợp người sát hại người khác – thông thường là người nhóm này chống đối lại người nhóm khác.



Những hiểu biết về luân lý như thế thường được mã hóa và quy định thành những loại cấm kỵ khác nhau mang tính pháp lý và tôn giáo. Con người dường như miễn cưỡng chấp nhận luân lý, là điều đã được họ xây dựng nên và họ có khuynh hướng hợp pháp hóa những quy tắc về luân lý bằng cách thần thoại hóa nguồn gốc của chúng: “Vẹt Trắng Vĩ Đại phán rằng việc trộm cắp là sai trái”. Ở chừng mực nào đó, câu chuyện đạo đức học mô tả những nỗ lực như thế này nhằm hợp pháp hóa đạo lý.

LUÂN LÝ VÀ TÔN GIÁO

Đa số người dân sống trong xã hội Kitô giáo Phương Tây cho rằng tín niệm và hành vi của họ được xây dựng trên nền tảng mười điều răn bất khả vi phạm, hơn là những điều răn được khắc bất tiện trên tấm bia đá mà Thiên Chúa trao cho Moses. (Trong mười điều răn, chỉ có sáu điều thật sự mang tính đạo đức.)



Quy tắc "tương hổ" này đã được ghi nhận từ lâu và thể hiện trong nhiều tôn giáo khác nhau trên thế giới. Nó khá giống một sự bảo hộ thận trọng – một lối sống thuận hòa hợp lý trong thế giới, ngay cả nếu nó không hoàn toàn giống điều Chúa Jesus đã dạy. (Quy tắc đạo đức của Ngài triệt để hơn nhiều và không hề mang tính "tương hổ". Con người phải đối xử tốt đối với những kẻ đã làm điều xấu với mình. Điều này lý giải vì sao Kitô giáo chân chính là giáo lý khó thực hành.)

Có phải tôn giáo là nơi bắt nguồn luân lý? Phải chăng có đạo đức đơn giản chỉ là vấn đề tuân thủ các quy định tôn giáo hay không? Những nhân vật có tư tưởng độc lập như Socrates (trong tác phẩm “Euthyphro” của Plato) cho rằng vấn đề nền tảng là luân lý chứ không phải là sự tuân phục tôn giáo. Một lý do được đưa ra là trong các tôn giáo khác nhau thì những quy định tôn giáo cũng không giống nhau.

BẠN CÓ THỂ LẤY BỐN VỢ NẾU THEO TÔN GIÁO NÀY, NHƯNG BẠN CHỈ CÓ THỂ CƯỚI MỘT VỢ NẾU THEO TÔN GIÁO KHÁC.

CÁC QUY TẮC ĐẠO ĐỨC CỦA KITÔ GIÁO THƯỜNG CÓ VÊ MÂU THUẤN NHAU

THIÊN CHÚA TRONG CỰU ƯỚC ĐƯỜNG NHƯ CHỒNG ĐỒNG TÍNH KỊCH LIỆT VÀ NGÀI KHÔNG CHỦ TRƯỞNG ĐA NGUYÊN...

QUÁ ĐÚNG, ANH BẠN À! TRƯỚC TA, CÁC NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC THỜ PHỤNG THÁNH THẦN NÀO KHÁC... VÌ TA - THIÊN CHÚA CỦA CÁC NGƯỜI, LÀ THIÊN CHÚA GHEN TUÔNG ĐỐ KỲ...

Những người vô thần hoặc bất khả tri lẽ dĩ nhiên không tuân theo bất cứ mệnh lệnh nào của Chúa Trời vì họ không tin vào điều đó. Tự thân tôn giáo không chứng tỏ là nền tảng thỏa đáng và toàn vẹn để lý giải tín niệm đạo đức con người. Điều mà nhiều triết gia nỗ lực tìm kiếm là làm sao để chứng minh các giá trị đạo lý luôn độc lập với niềm tin tôn giáo.

LUÂN LÝ VÀ BẢN CHẤT CON NGƯỜI

Một cách lý giải khác là luân lý không bắt nguồn từ các lực lượng siêu nhiên bên ngoài mà nằm ngay trong bản thân con người. Điều này đẩy lên các câu hỏi lớn của mọi thời đại.



Tư duy về đạo đức học thường bắt đầu với giả định rằng bản chất con người là tích cực hoặc tiêu cực. Chẳng hạn, khái niệm Kitô giáo về "tội tổ tông" phát biểu rằng bản chất con người chúng ta là "sa ngã" và về cơ bản là xấu xa. Nếu đúng thế, thì chính môi trường xã hội và hình phạt pháp lý đã buộc chúng ta trở nên có đạo đức. Nhưng lý do hầu hết chúng ta không hành hạ trẻ em là vì ta nghĩ đó là điều **sal trái**, chứ không phải lo sợ cảnh sát sẽ đến thẩm vấn.



Nhận định tiêu cực này của Kitô giáo là một ví dụ cho loại quan niệm “tiền định” về bản tính con người. Ngược lại, Trào lưu Lãng mạn lại cho rằng bản tính con người vốn dĩ là tốt đẹp.

ĐA PHẦN MỌI NGƯỜI ĐỀU TỰ
HUYỄN MÌNH RẰNG HỌ LỰA CHỌN
THỰC HIỆN NHỮNG ĐIỀU TỐT ĐẸP
CHỨ KHÔNG PHẢI BỊ “TIỀN ĐỊNH”
BUỘC THỂ HIỆN NHỮNG HÀNH VI
TỐT ĐẸP ẤY.

VÌ THẾ, CÓ LẼ XÃ HỘI RẤT ÍT CÓ
ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHỮNG NỀN
TẢNG ĐẠO ĐỨC CƠ BẢN CỦA
TÍNH CÁCH CHÚNG TA?

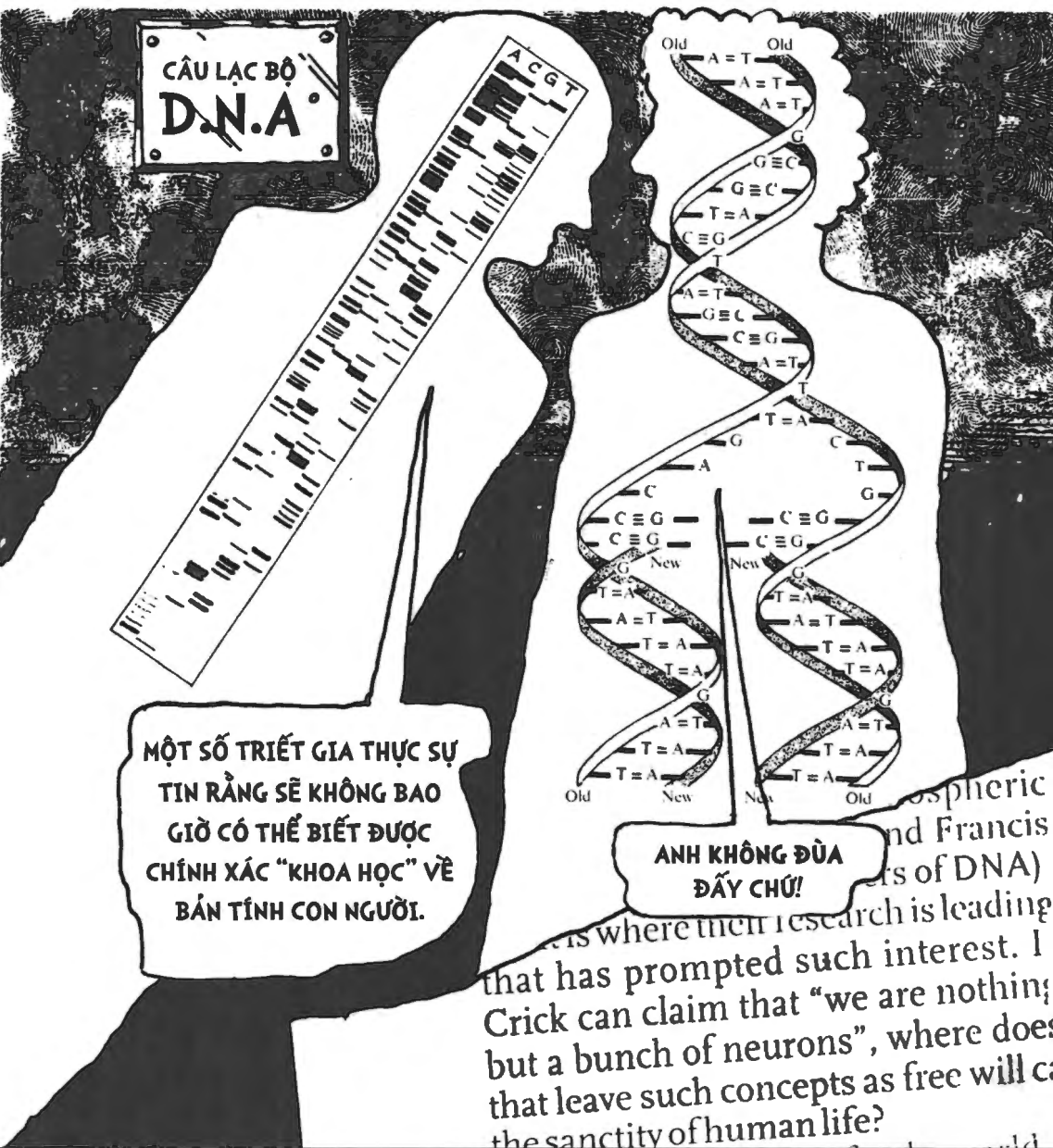


THỰC RA XÃ HỘI NÊN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ
NHỮNG ĐIỀU XẤU XA CỦA CON NGƯỜI.

Người ta có thể sát hại người thuộc tầng lớp khác bởi lẽ cộng đồng của họ
khích lệ hành động như vậy, nhưng có lẽ bản năng di truyền đã thúc giục
họ làm những việc khác như chơi bóng đá hoặc uống bia cùng nhau.

DI TRUYỀN HỌC

Giờ đây, những tranh luận về bản tính con người ngày càng quy về di truyền học. Các thuật ngữ như “gien vị kỷ” hay “gien vị tha” đã xuất hiện trên các bài viết khoa học thường thức nhưng không ai thấu đạt nội hàm hay hàm ý toàn vẹn của các cụm từ này. Các nhà di truyền học sử dụng từ “vị kỷ” không theo lối diễn dịch thông thường, vì thế hiện nay nhiều người đã lầm tưởng rằng có thể nhận biết được “tính tội phạm” từ DNA. Di truyền học là khoa học thực nghiệm, nhưng những cuộc thảo luận và tranh cãi hậu nghiệm về “bản tính con người” mà “những dữ kiện” di truyền mới mẻ khơi gợi lên lại sặc mùi ảo tưởng chính trị, tuyên ngôn ý thức hệ và lối lộng ngôn nguy hại.



Toàn bộ cuộc tranh luận đều mang tính suy đoán và phản khoa học. Tệ hơn, nó còn được các triết gia gọi là một hình thái “**mê luận ngôn ngữ**.” Chúng ta giả định rằng con người đã tạo ra những thuật ngữ tiện dụng chỉ về mình như “tốt đẹp”, “xấu xa” rồi “bản tính con người” nên mới có những thực thể hữu hình cụ thể thật sự mà những từ ngữ này quy chiếu. Rất có thể nó không tồn tại trong “gien” tí nào. Các nhà di truyền học thích dùng những từ như “tiềm năng”, “xu hướng” và “khích lệ” hơn là “gây nên” hay “quyết định”.



GIEN CÓ THỂ GÂY RA TRIỆU CHỨNG CHỐNG
MẶT CHO MỘT SỐ NGƯỜI NÊN ĐẶC TÍNH
NÀY CÓ THỂ THỨC ĐẨY HỌ SINH SỐNG Ở
NHỮNG VÙNG ĐẤT PHẪNG THẤP.

NHƯNG ĐIỀU NÀY KHÔNG CẢN TRỞ
TÔI TRỞ THÀNH NGƯỜI LEO NÚI.
ẢNH HƯỞNG XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA THỜI
THƠ ẤU CỦA TÔI KHÁ LỚN GIÚP TÔI
HUN ĐÚC SỨC MẠNH Ý CHÍ.

Bàn về vấn đề gien đồng nghĩa với cuộc tranh luận lâu đời và không bao giờ dứt lý về “tự nhiên hay nuôi dưỡng”¹ tiếp tục được xới lên và kéo theo cả mớ lý luận chính trị quen thuộc. Những người muốn bảo vệ cấu trúc quyền lực chính trị thường rất hăng hái theo đuổi **quan điểm tất định về gien**.

1. “Nature versus nurture” - Cuộc tranh luận của các nhà khoa học về việc liệu hành vi của con người bị ảnh hưởng bởi môi trường – từ những hóa chất mà bào thai trong bụng mẹ hấp thụ cho đến các loại vật chất trong suốt cuộc đời – hay là do gien quy định.

CHÚNG TA CÓ ĐƯỢC LỰA CHỌN KHÔNG?

Một số triết gia khẳng định rằng ADN và môi trường xã hội hầu như hoặc không có ảnh hưởng đến con người mà chúng ta mong muốn vươn tới hay những lựa chọn đạo đức của mình. Chúng ta gần như là những cá nhân hoàn toàn độc lập tự quyết định các vấn đề đạo đức của mình trong cuộc sống, vì thế chỉ có chúng ta mới chịu trách nhiệm về điều tốt hay xấu mà ta đã làm. Xét cho cùng, nếu không nhờ có ý chí tự do, chúng ta sẽ chẳng hơn gì người máy và cũng chẳng thể nào trở thành những hữu thể có đạo đức được. Trong đạo đức học có một thuật ngữ là “**nên làm hàm nghĩa có thể làm.**” Chúng ta không thể mở miệng bàn về đạo đức luân lý được trừ phi phải giả định rằng con người có sự tự do lựa chọn.

KHÔNG NÊN PHÁN CON MÈO LÀ
“ÁC ĐỘC” NẾU THẤY NÓ GIẾT
CON CHUỘT

NHƯNG CHÚNG TA THỰC SỰ
NGHĨ RẰNG HITLER VÀ CHARLES
MANSON ĐÃ BỊ TRỪNG TRỊ ĐÍCH
ĐÁNG VỀ NHỮNG HÀNH VI TÀN
ĐỘC CỦA CHÚNG.

BẢN CHẤT DI TRUYỀN VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI
BAN SƠ KHÔNG LÝ GIẢI THỎA ĐÁNG NHỮNG GÌ HỌ
ĐÃ THỰC HIỆN.

Tuy nhiên, tư duy “cảm quan chung” như thế này có vẻ khá ngây thơ hoặc thiên kiến. Một xã hội bạo hành thì thường có thể để lại tác động rất tiêu cực về sự hình thành đạo đức của cá nhân.

MỌI SỰ ĐỀU DO XÃ HỘI?

Ngay cả khi cho rằng ADN hầu như hoặc không có tác động đến đạo đức cá nhân, thì có lẽ chúng ta vẫn là những sản phẩm của môi trường văn hóa – xã hội. Khi sinh ra, ta như tờ giấy trắng rồi dần dần cha mẹ, thầy cô, bạn bè, truyền thông và tất cả mọi lực lượng ý thức hệ khác ghi dấu lên đó. Ảnh hưởng của xã hội đối với nhân cách cá nhân mạnh hơn nhiều so với bất cứ sự thừa hưởng di truyền nào và hầu như chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi thứ đã kiến thiết nên con người và đạo đức của chúng ta. Tức là thật vô nghĩa khi đề cập đến những điều suy diễn phi lý như “bản chất con người”, như thể nó đã tồn tại trước khi xuất hiện xã hội vậy. Quan điểm này được nhiều nhà xã hội học nhất trí:

KHÔNG CÓ CÁI GỌI LÀ “BẢN CHẤT CON NGƯỜI” BẨM SINH – CHỈ CÓ CÔNG ĐÂN BỊ NỘI TÂM HÓA NHỮNG QUY TẮC ĐẠO ĐỨC XÃ HỘI.



NHIỀU NGƯỜI THEO CHỦ NGHĨA MARX CŨNG QUAN NIỆM VẬY. HỌ TIN RẰNG CON NGƯỜI CHỈ LÀ SẢN PHẨM CỦA Ý THỨC HỆ GIAI CẤP THỐNG TRỊ.

PHẢI CHĂNG TÔI XẤU (HAY TỐT) LÀ DO XÃ HỘI?

Bản chất con người có thể cực kỳ **linh hoạt**, sau đó được tạo theo “khuôn mẫu đạo đức” dưới tác động của các lực lượng xã hội, hoặc theo một hợp thể **được lập trình sẵn** theo phần mềm luân lý. Vấn đề nan giải của các triết gia đó chính là niềm tin vào luân lý biến thể trong các cộng đồng khác nhau ở các thời kỳ khác nhau.



THUYẾT TƯƠNG ĐỐI ĐẠO ĐỨC

Việc công nhận sự đa dạng của niềm tin và thực tiễn đạo đức thường được gọi là **thuyết tương đối đạo đức**. Sự khác biệt về niềm tin đạo đức tồn tại ở các quốc gia và cộng đồng khác nhau, nhưng cũng có thể ở các tiểu vùng văn hóa khác biệt trong cùng một xã hội, hoặc giữa các tầng lớp khác nhau. Lịch sử cho thấy thời gian đã làm biến đổi các niềm tin đạo đức.



Ngày nay, đối với việc phá thai, hệ thống niềm tin đạo đức của những người ủng hộ nam nữ bình quyền rất khác biệt so với những tín đồ tôn giáo theo trào lưu chính thống.

ĐỐI VỚI MỘT SỐ NGƯỜI, PHỤ NỮ CÓ QUYỀN QUYẾT ĐỊNH PHÁ THAI...

...NHỮNG NGƯỜI KHÁC THÌ KHẲNG KHẲNG CHO RẰNG ĐÓ LÀ TỘI SÁT NHÂN.



THUYẾT TUYỆT ĐỐI ĐẠO ĐỨC

Nếu tất cả các niềm tin trên đây đều được lưu hành, thì quan niệm nào là đúng? Làm thế nào chúng ta có thể chứng minh được niềm tin này đúng còn niềm tin khác sai? Hầu hết các nhà nghiên cứu theo thuyết tương đối đạo đức đều nhất trí rằng chẳng có cách nào giải quyết được, và cũng chẳng hề có cái gọi là “tri thức” đạo đức nào cả. Tư tưởng hoài nghi này đã khiến các triết gia khác phải lo lắng – họ cho rằng chắc hẳn phải có một hệ thống quy tắc đạo đức phổ quát nào đó luôn luôn đúng. Chúng ta gọi họ là những người theo thuyết “**Phổ quát**”, “**Duy thực**” hoặc “**Tuyệt đối**.”

NGƯỜI THEO THUYẾT PHỔ QUÁT
CHO RẰNG LUÔN TỒN TẠI
NHỮNG QUY TẮC ĐẠO ĐỨC
PHỔ QUÁT.

NGƯỜI THEO THUYẾT TUYỆT ĐỐI KHẲNG
ĐỊNH RẰNG CÁC QUY LUẬT ẤY
PHẢI LUÔN ĐƯỢC PHỔ CẬP.

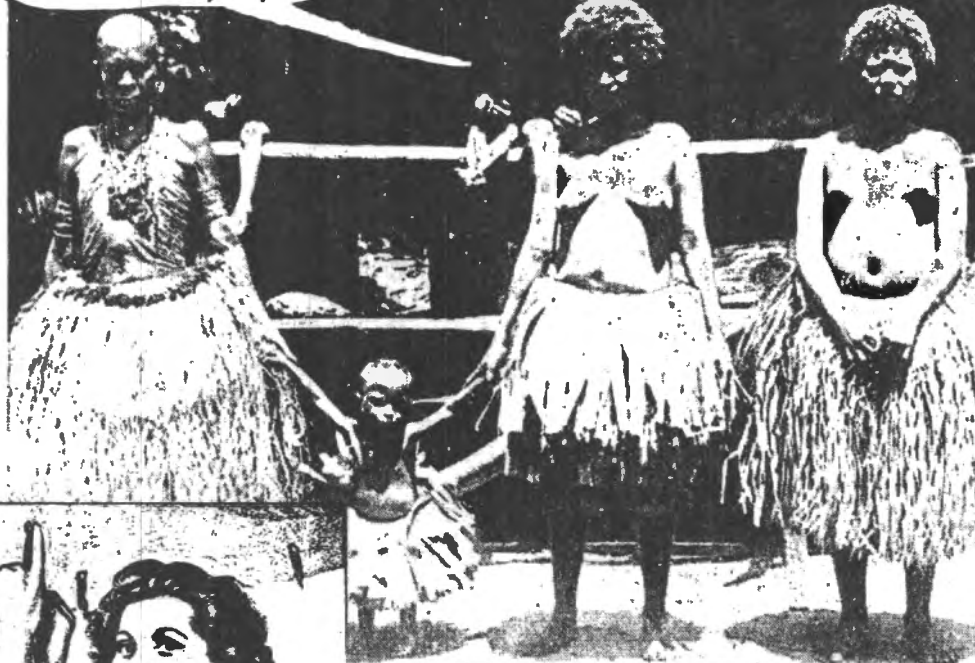


NGƯỜI THEO THUYẾT DUY THỰC
NHẬN ĐỊNH RẰNG CÁC QUY LUẬT
ẤY LÀ LOẠI TRI THỨC ĐÍCH THỰC.

Cả ba thuyết đều cho rằng hiển tế trẻ nhỏ luôn luôn là việc làm sai trái, bất luận các tín niệm của nền văn hóa nào đó cổ vũ hoặc cho phép thực hành tục lệ này.

Sự nguy hại của **Thuyết Tuyệt đối Đạo đức** là nó có thể hợp thức hóa một nền văn hóa lớn mạnh hơn bằng cách áp đặt những giá trị đạo đức cục bộ của riêng nó cho các nền văn hóa khác bằng cách độc tôn tuyên bố một thứ “chân lý” về đạo đức.

CÁC NHÀ TRUYỀN GIÁO PHƯƠNG TÂY
XÔNG THẮNG VÀO THẾ GIỚI CỦA
CHÚNG TÔI, MANG THEO KINH THÁNH
VÀ NỊT NGỰC ĐỂ CẢI ĐẠO
“NHỮNG KÉ MỌI RỢ”.



NGÀY NAY, NHỮNG NGƯỜI TÁN THÀNH THUYẾT
TƯƠNG ĐỐI ĐẠO ĐỨC THỰC SỰ HOAN NGHÊNH VÀ ĐỀ
CAO SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CÁC NỀN VĂN HÓA, ĐỒNG
THỜI HỌ BÀY TỔ THÁI ĐỘ PHÊ PHÁN SỰ NGẠO MẠN
NGÂY THƠ CỦA TÌNH THẦN “ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA
VỀ LUÂN LÝ” LẤY CHÂU ÂU LÀM CHUẨN MỰC.

Người phương Tây đã chứng kiến, và cũng chính là thủ phạm gây nên sự hủy diệt lớn lao của hàng trăm nền văn hóa độc đáo có niềm tin đạo đức riêng. Ngày nay chúng ta chỉ có vài ba nỗ lực yếu ớt nhằm bảo vệ các nền văn hóa bộ lạc “nguyên thủy” và “chất phác” rồi hổ thẹn vò đầu bứt tai khi nghe tin họ bị tuyệt diệt. Chúng ta cử các nhà nhân chủng học đến thực địa nghiên cứu và không còn mang theo những “thứ khai hóa” như Kinh Thánh và đồ lót nữa.

SO SÁNH THUYẾT TƯƠNG ĐỐI VÀ TUYỆT ĐỐI

Hiện nay hầu hết những người theo tư tưởng tự do và các nhà hàn lâm phương Tây không quan tâm và đề cập đến các niềm tin đạo đức cũng như phong tục tập quán của các nền văn hóa khác.



Một người theo thuyết tuyệt đối đạo đức hẳn sẽ tự mãn mỉm cười và buộc chúng ta thừa nhận rằng có lẽ tồn tại một số quy tắc đạo đức phổ quát luôn luôn đúng dù bạn ở bất cứ đâu, chẳng hạn như:

PHẢI BẢO VỆ TRÉ EM.

KHÔNG ĐƯỢC SÁT HẠI NGƯỜI VÔ TỘI.

ĐỪNG LÀM ĐAU ĐỐN CHÚNG SINH.

PHẢN ỨNG CỦA MỘT NGƯỜI THEO THUYẾT TUYỆT ĐỐI

Ở một số cộng đồng, người dân có vẻ cảm thấy thích thú những hành vi vô luân quái dị, rất khác với quan niệm chúng ta, nhưng dường như luôn có một số giá trị cốt lõi nền tảng như “Giết người là sai trái” luôn luôn được tuân thủ. Một bộ lạc có thể thiêu sống góa phụ và hiến tế trẻ em vì họ tin rằng đây là cách tốt nhất đưa những nạn nhân này đến với thiên đường vĩnh cửu, chứ họ không thừa nhận việc sát hại góa phụ và trẻ em hiểu theo cách thông thường. Người theo thuyết Tuyệt đối cho rằng người theo thuyết Tương đối chỉ xem xét hành động con người chứ không chú tâm đến việc người ta thật sự tin gì.

CŨNG VẬY, VIỆC TỒN TẠI QUÁ NHIỀU NIỀM TIN ĐẠO ĐỨC KHÔNG CHỨNG TỎ RẰNG TẤT CẢ CÁC NIỀM TIN ĐẠO ĐỨC ĐỀU CÓ GIÁ TRỊ NHƯ NHAU.



NHIỀU NGƯỜI ĐÃ TỪNG CÓ NHỮNG NIỀM TIN KHÁC NHAU VỀ HÌNH DẠNG TRÁI ĐẤT.

KHÔNG PHẢI TẤT CẢ NIỀM TIN NÀY ĐỀU “CÓ GIÁ TRỊ” – CHỈ CÓ MỘT NHÓM NGƯỜI QUAN NIỆM “TRÁI ĐẤT TRÒN” MỚI THẬT SỰ BIẾT CHÂN LÝ NÀY.

TRÁI ĐẤT CÓ HÌNH DẠNG GIỐNG CÁI BÁNH VÒNG.

LỖ CỰC BẮC.

Người theo Thuyết Tuyệt đối cho rằng đạo đức con người là như vậy – thật sự tồn tại “tri thức đạo đức”. Một số niềm tin đạo đức là “đúng”, một số khác thì không, chỉ là chúng ta chưa tìm ra cách chứng tỏ niềm tin nào thì ra sao mà thôi.

CẢ HAI LUẬN THUYẾT ĐỀU SAI?

Mặc dù sự khác biệt giữa hai thuyết Tuyệt đối và Tương đối là khá rõ ràng, song cả hai luận thuyết đều vướng phải một số vấn đề nhất định. Người theo thuyết Tuyệt đối phải lý giải các quy tắc đạo đức “cốt lõi” là gì, và tại sao lại lựa chọn chúng. Thuyết Tuyệt đối khẳng định những quy tắc đạo đức cốt lõi đó thường là những quy luật “nền tảng” giúp cho các xã hội tồn tại. Tuy nhiên có thể vẫn còn vài vấn đề với định nghĩa này về các giá trị cốt lõi.



MỘT SỐ NGƯỜI THEO THUYẾT TUYỆT ĐỐI TỪNG KHÂM PHỤC NƯỚC ĐỨC QUỐC XÃ VÌ CÓ NHỮNG “QUY TẮC” XÃ HỘI RẤT

MẬT THIẾT VÀ RÕ RÀNG. NHIỀU NGƯỜI THEO CHỦ NGHĨA TƯƠNG ĐỐI CHẮC CHẮN ĐÃ HOAN NGHÊNH CÁCH THỨC CAN THIỆP KHÁ TRIỆT ĐỂ CỦA PHE ĐỒNG MINH ĐỐI VỚI NHỮNG GIÁ TRỊ PHÁT XÍT TRONG THỂ CHIẾN THỨ HAI.



Tuy nhiên đại đa số những người theo thuyết Tương đối cũng tin vào một quy tắc đạo đức tuyệt đối: “Không can thiệp vào các nền văn hóa khác biệt.”

VẤN ĐỀ CỦA TRI THỨC ĐẠO ĐỨC

Khác biệt chủ yếu giữa thuyết Tương đối và Tuyệt đối nằm ở sự bất đồng về việc khả năng các niềm tin đạo đức trở nên đúng đắn hay được chứng minh. Những người theo thuyết Tương đối thường là “những người theo thuyết chủ quan” – họ cho rằng các niềm tin đạo đức thật sự không gì khác hơn là những tình cảm chủ quan về hành vi mà không bao giờ có thể đạt đến trạng thái của sự thật.

ĐIỀU NÀY KHÔNG LÀM CHO CHÚNG TA TRỞ THÀNH NHỮNG NGƯỜI THEO THUYẾT HƯ VÔ VỀ ĐẠO ĐỨC.

ĐA SỐ CHÚNG TA SẼ CHO RẰNG NIỀM TIN ĐẠO ĐỨC LÀ CỰC KỲ QUAN TRỌNG. NÓ XUẤT PHÁT TỪ NHỮNG TÌNH CẢM NHÂN VĂN RẤT ẤN TƯỢNG CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI BẢN THÂN VÀ THA NHÂN...

...NHƯNG CHÚNG TA KHÔNG THỂ CHỨNG MINH ĐƯỢC NÓ NHƯ CÁCH THỨC TA CHỨNG MINH CÁC DỮ KIẾN “KHOA HỌC”.

Giờ đã đến lúc chúng ta bắt tay khảo sát lịch sử niềm tin đạo đức. Chúng ta nhất trí giới hạn phạm vi khảo sát ở tư tưởng Phương Tây, bắt đầu từ những nhân vật Hy Lạp Cổ đại, mặc dù nhiều quan điểm được mô tả rất có thể cũng được tìm thấy ở những nền văn hóa khác ngoài châu Âu.

LƯỢC SỬ ĐẠO ĐỨC HỌC

THÀNH QUỐC HY LẠP

Một trong những ví dụ nổi bật nhất của việc sinh sống thành quần thể là Thành bang Hy Lạp hay là Nhà nước thành bang (Polis) Athens vào thế kỷ 5 trước Công nguyên. Thành bang này không mang tính chất bộ lạc hay giống như một Nhà nước hiện đại mà là một hình thái trung gian. Các Thành bang thời đó có quy mô nhỏ và Athens nổi tiếng nhất bởi đôi khi đó còn được coi là “nền dân chủ”. Nhà nước thành bang Athens có diện tích tương đương Dorset¹ (1000 dặm vuông), với dân số khoảng 250.000 người.

CHÚNG TÔI CHO RẰNG
NHỎ MỚI ĐẸP.



THÀNH BANG CŨNG PHẢI LỚN ĐỦ ĐỂ HỖ TRỢ MỘT
CUỘC SỐNG VĂN MINH CHO CÔNG DÂN
CỦA MÌNH.

Triết gia Aristotle hẳn sẽ kinh ngạc trước các nhà nước hiện đại với dân số khổng lồ, nhưng hầu hết người dân chẳng có tiếng nói quyết định về cách thức điều hành mọi việc.

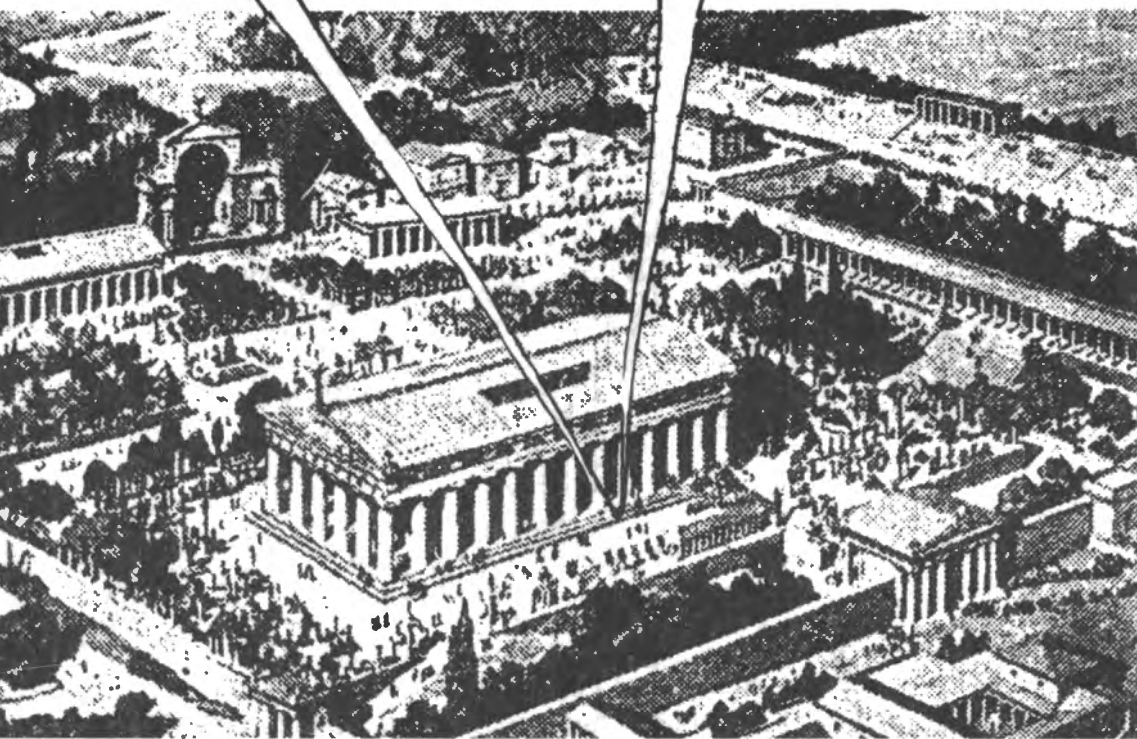
1. Dorset là một hạt nằm ở Tây Nam nước Anh

NỀN DÂN CHỦ

Chỉ những người đàn ông trưởng thành từ 18 tuổi trở lên mới trở thành công dân Athens, và tư cách công dân ấy là việc hết sức nghiêm túc vì nó kéo theo những nghĩa vụ cũng như quyền lợi. Athens điều hành chính sự bằng cách triệu tập một Hội đồng họp thường kỳ nhằm thông qua các dự luật và quyết định các chính sách của chính quyền. Người dân thành Athens nhận thức được tầm quan trọng của việc trị quốc bằng luật pháp chứ không phải bằng sự ngẫu hứng của các vị vua hay giáo sĩ. Đối với những “công dân” hiện đại chúng ta thì khó mà cảm nhận được ý nghĩa thật sự của điều này.

KHÔNG ĐÁNG PHẢI CHÍNH TRỊ.
KHÔNG CÁC CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH, KHÔNG NGHỊ SĨ...

...BẤT KỲ AI XUẤT HIỆN Ở MỘT CUỘC
HỌP HỘI ĐỒNG SẼ LÀ “QUẦN CHÚNG”
VÀ CHÍNH QUYỀN TRONG NGÀY ĐÓ.



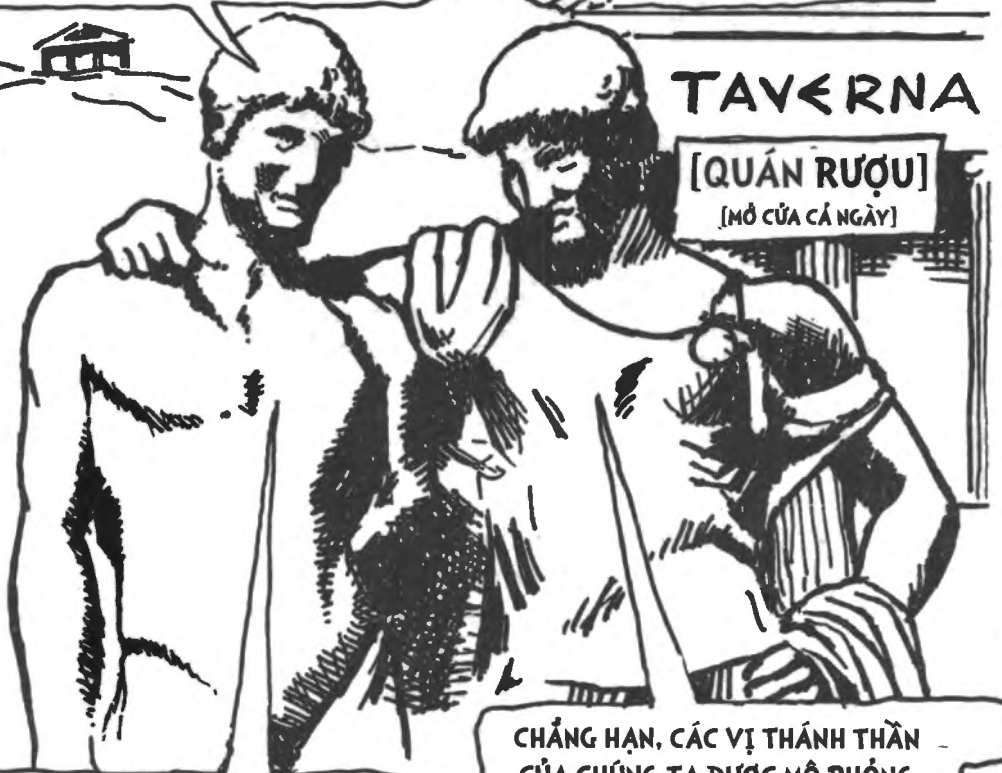
Athens không phải là Utopia¹. Phụ nữ cũng như nô lệ không có quyền chính trị, và cũng như thường lệ, giới giàu có quyền thế vẫn là những người soạn thảo quyết sách và có tầm ảnh hưởng hơn bất kỳ công dân thường nào. Tuy nhiên, người Athens đã phát kiến ra những tư tưởng rất đáng ngạc nhiên – như quyền bầu cử và quyền được xét xử công bằng.

1. Utopia: là một cộng đồng hoặc xã hội gần lý tưởng hoặc hoàn hảo trên mọi mặt. Thuật ngữ này lần đầu tiên được Sir Thomas More sử dụng trong cuốn sách cùng tên “Utopia” của ông (bằng tiếng Latin) trong đó miêu tả mô hình xã hội trên một hòn đảo giả tưởng ở Đại Tây Dương.

NGƯỜI HY LẠP VÀ TRIẾT HỌC

Người Hy Lạp không chỉ là chủ nhân phát minh ra nền dân chủ, kịch nghệ, toán học thuần túy và nhiều lĩnh vực khác nữa, mà còn khởi xướng một loại hình tư duy mới, mà hiện nay chúng ta gọi là “triết học”.

TƯ DUY TRIẾT HỌC NGHĨA ĐỒNG NGHĨA VỚI KHÔNG CHẤP NHẬN NHỮNG CÂU TRẢ LỜI TRUYỀN THỐNG LÀ ĐƯƠNG NHIÊN.



CHÚNG TÔI BẮT ĐẦU TƯ DUY THEO KIỂU PHI THỰC TẾ VÀ KỶ LẠ NÀY VÌ CUỘC SỐNG TRONG THÀNH BANG HY LẠP.

CHẴNG HẠN, CÁC VỊ THÁNH THẦN CỦA CHÚNG TA ĐƯỢC MÔ PHỎNG NHÂN HÌNH MỘT CÁCH LỖ BỊCH HỌ KHÔNG CHỈ MANG DÁNG DẮP CON NGƯỜI MÀ XỬ SỰ CÒN TỆ HƠN CẢ CON NGƯỜI NỮA.

Thánh thần thì bất tử, bạo hành, dâm dăng, mưu mô thủ đoạn. Họ luôn kêu gọi dân chúng hữu tử phải ra chiến trường trong khi bản thân họ thì mãi yêu đương, bỏ nhau rồi gây lộn suốt ngày. Họ quyến rũ và làm dân nữ có thai, thường là trong những bộ dạng và hoàn cảnh khác thường.

Đối với những triết gia như Socrates, Thánh thần chắc hẳn phải rất khiếm khuyết nên không thể là những khuôn mẫu đạo đức được. Trong Thần thoại Hy Lạp, chẳng có “Mười Điều răn” để giáo dục dân chúng. Vì thế, hầu như toàn bộ trí thức Hy Lạp như Socrates chỉ miễn cưỡng tham dự các buổi lễ và nghi thức tôn giáo theo nghĩa vụ, chứ thật tâm họ không xem trọng tôn giáo. Một số triết gia, như triết gia phái Ngụy biện **Protagoras** (khoảng 490 - 420 TCN), đã phát biểu về Thánh thần như sau:



Rồi **Xenophanes** (khoảng 570 - 475 TCN) đã nói:



Điều này hàm ý rằng đạo đức học phải độc lập với tôn giáo.

TÌNH TRẠNG NÔ LỆ

Mặc dù nhiều người Athens phải cật lực lao động, nhưng những người Athens tầng lớp trên chẳng phải làm gì. Có khoảng 80.000 nô lệ ở Athens – một số làm việc tại những môi trường tệ hại trong các mỏ khai thác bạc, số khác được tuyển làm người hầu. Các triết gia Hy Lạp cũng sở hữu nô lệ. Plato trong di chúc của mình có nhắc đến năm nô lệ và Aristotle có chừng mười bốn nô lệ. Chế độ nô lệ có lẽ chưa bao giờ là mối bận tâm của các triết gia luân lý này chút nào. Aristotle hình như thật sự tin rằng một số người “bẩm sinh” đã là nô lệ. Chế độ nô lệ cũng làm cho kỹ thuật Hy Lạp thời đó rất thô sơ. Chẳng hạn, không ai nghĩ đến việc phải chuyển giao công nghệ đơn giản của thuyền buồm sang cối xay gió cả...

ĐÃ CÓ NÔ LỆ XÂY NGÔI BẰNG TAY THÌ
TA CÒN BẬN TÂM GÌ NỮA?



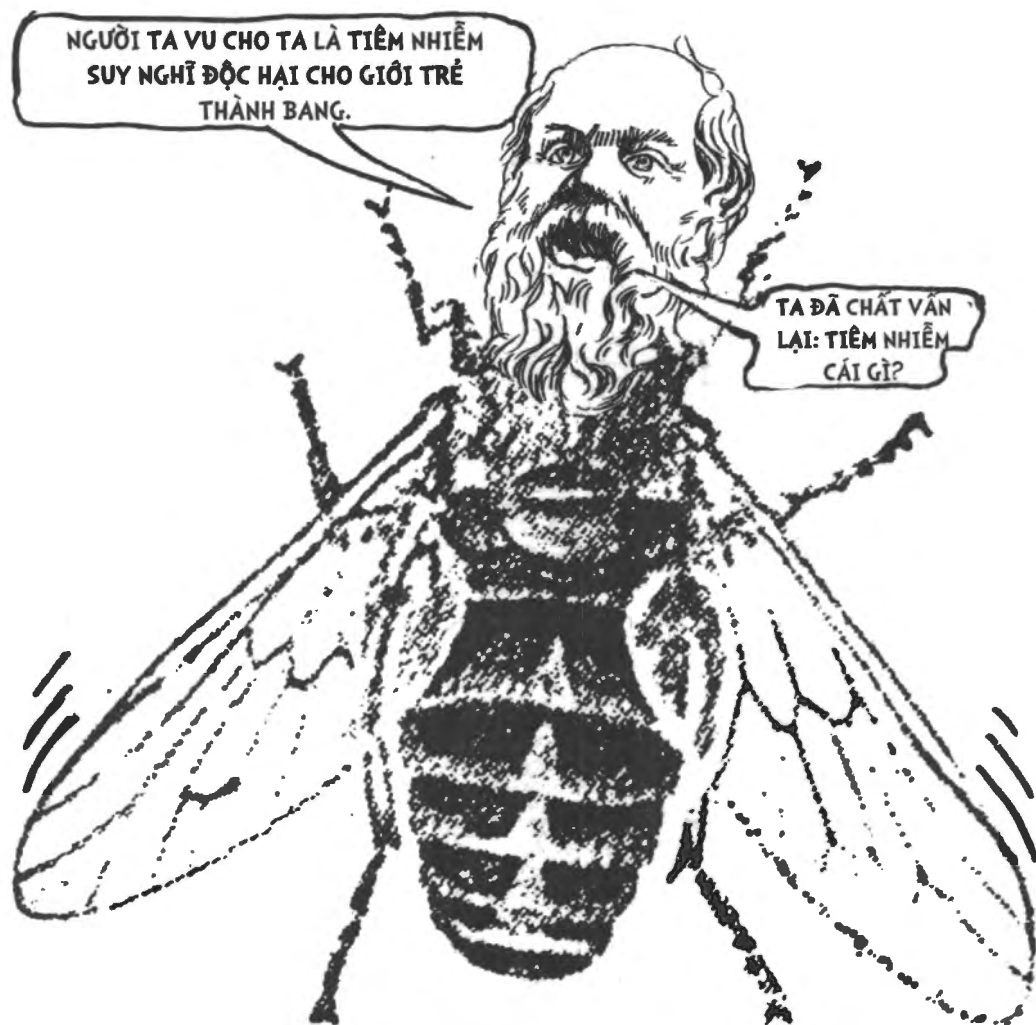
VÌ THẾ SỐ ÍT CHÚNG TA CÓ RẤT NHIỀU
THỜI GIAN RỖI RÃI. CHÚNG TA ĐƯỢC
TẬN HƯỞNG CUỘC SỐNG LẠC THÚ, VÔ TƯ
LỰ BÊN NGOÀI...

...CHỈ VIỆC RÁO BỘ VÀ
TRÒ CHUYỆN VỚI NHAU VỀ NHỮNG
CHỦ ĐỀ PHI THỰC TẾ NHẤT VÀ
TRỪU TƯỢNG NHẤT, NHƯ
“THIỆN HẢO LÀ GÌ?”

Triết học là hoạt động cộng đồng chứ không phải là mưu cầu đơn lẻ của cá nhân. Nhận thức này khiến Plato đặt nghi vấn sự ra đời của các trước tác – chúng là các hệ thống tư duy khép kín của một cá nhân nên không bao giờ được hiệu chỉnh cả.

PHƯƠNG PHÁP SOCRATES

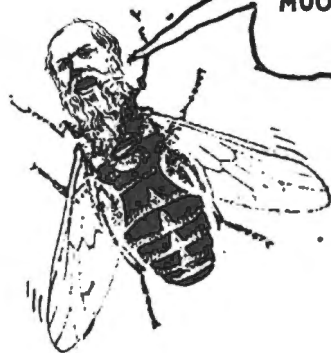
Socrates (khoảng 469 -399 TCN) là con trai của một điêu khắc gia. Dáng người ông mập mạp, chân vòng kiềng, đầu hói, mũi tẹt và rất lუმ thuộm. Ông có biệt hiệu là “Ruồi Trâu” bởi hay khiêu khích người khác tự suy luận cho rõ ràng. Năm 399 trước Công nguyên ông bị chính quyền dân chủ Athens kết án tử hình vì đã phủ nhận Thánh thần.



Ông chưa bao giờ tỏ ra giáo điều hay độc đoán, đối với nhiều thanh niên, ông được coi như một bậc đại sư.

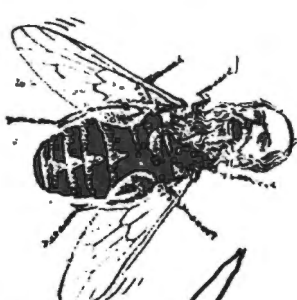
Socrates tin rằng điều hệ trọng nhất với con người đó là họ phải chất vấn. Ông cũng cho rằng tri thức đạo đức đích thực có tồn tại và đáng để con người kiếm tìm nó.

Theo Socrates, “sống mà không suy xét thì không đáng sống.” Đây là một tư duy gây khó chịu. Các câu hỏi về luân lý cuộc sống của một con người bị hầu hết người trưởng thành lảng tránh – họ chỉ thích kiếm tiền để sống cuộc đời bình an phẳng lặng. Ruồi Trâu kêu gọi thanh niên hãy tự biết tư duy và nghi vấn tất cả những quy tắc đạo đức thông thường của người trưởng thành. Socrates không hề muốn mình trở thành một vị thầy truyền trao “minh triết.”



TRI THỨC ĐÍCH THỰC XUẤT PHÁT TỪ
NHỮNG CUỘC THẢO LUẬN VÀ TRANH BIỆN.
MUỐN KHÁM PHÁ NÓ CẦN CÓ MỘT NỖ LỰC
HỢP TÁC TRÍ TUỆ.

Ông thường bắt đầu câu chuyện với người khác bằng cách đưa ra những câu như “Hành vi Đúng đắn là gì?”, hay “Nhà nước là gì?”, sau đó làm cho họ nhận ra mọi người biết quá ít về luân lý hay chính trị. Ông luôn nhấn mạnh rằng một người hiểu biết là **“người biết rằng mình chẳng biết gì”**. Socrates đã hoàn thiện một phương pháp tra vấn nhờ đó mà các triết gia ngày nay rất tự hào được tiếp nhận.



TRƯỚC TIÊN CÁC BẠN NÊN ĐẶT CÂU HỎI
ĐỂ LÀM RÕ VẤN ĐỀ ĐANG TÌM HIỂU, RỒI
HÃY XEM XÉT Đâu LÀ CÂU TRẢ LỜI ĐÁNG
ĐƯỢC CHẤP NHẬN.

ĐẠO ĐỨC HỌC CỦA SOCRATES: HÃY TỰ BIẾT MÌNH

Socrates có một số niềm tin đạo đức. Cũng như hầu hết người Hy Lạp, ông cho rằng con người giống như những vật dụng ở chỗ đều có mục đích hay chức năng riêng (đôi khi ta gọi đó là quan điểm **mục đích luận**). Chúng ta được tiền định sẵn bằng “phần mềm” nên nhiệm vụ của chúng ta là tìm cho ra bộ mã đó và thực hiện việc đấy sao cho đúng.

LIỆU CHÚNG TA CÓ THỂ NÓI RẰNG MỤC ĐÍCH HAY CHƯƠNG TRÌNH CỦA CUỘC SỐNG CHÚNG TA LÀ MƯU CẦU HẠNH PHÚC TRONG SỰ GIÀU CÓ, DANH TIẾNG VÀ KHÔN NGOAN HAY KHÔNG?

KHÔNG ĐÚNG. BÊN TRONG CHÚNG TA CÓ MỘT BẢN NGÃ ĐÍCH THỰC MÀ TA CÓ THỂ TỰ KHÁM PHÁ. HẠNH PHÚC ĐÍCH THỰC CHÍNH LÀ ĐẠT TỚI SỰ HOÀN HẢO CỦA BẢN NGÃ ĐÍCH THỰC, HAY CÒN GỌI LÀ “LINH HỒN”...

Luân lý hay đạo đức không chỉ là tinh thần tuân thủ pháp luật, mà còn là điều gì đó mang tính tâm linh cao hơn nhiều. Khi chúng ta biết mình là ai rồi, chúng ta sẽ luôn biết cách xử sự cho tốt đẹp.

Mặc dù tri thức đạo đức có thể đạt được nhờ thảo luận và tranh biện, Socrates nhấn mạnh rằng luân lý hay đạo đức không phải là loại tri thức mà chúng ta có thể thật sự được dạy dỗ. Tri thức đích thực là nói về “tinh hoa” của sự vật, giống như “Hành vi Đúng đắn” hay “Công lý” mà cuối cùng bạn phải tự khám phá cho mình.



MỘT KHI ĐÃ THỦ ĐẮC LOẠI TRI THỨC NÀY VÀ “HUỆ NHÂN” CỦA BẠN CÓ THỂ NHẬN RÕ TẤT CẢ MỌI ĐIỀU, BẠN SẼ LUÔN BIẾT ĐIỀU HAY LẼ PHẢI LÀ GÌ, NHỜ THẾ MÀ BẠN SẼ KHÔNG BAO GIỜ TRỞ NÊN ÁC ĐỘC.

Đây là chủ ý của Socrates thông qua những câu nói như “Đức hạnh là tri thức” và “Không ai chủ ý làm điều sai trái”. Người dân thành Athens Dân chủ cho rằng đây là quan niệm hết sức nguy hại.



SOCRATES KÍCH ĐỘNG GIỚI TRÉ NGHI NGỜ NỀN LUÂN LÝ QUỐC GIA ĐÃ ĐƯỢC CHÚNG TA QUY ĐỊNH.

ÔNG ẤY CỨ KHÍCH HỌ CHỌN MỘT KIỂU LUÂN LÝ KHÁC HẸN CHÚNG TA, DỰA TRÊN MỘT QUAN NIỆM CÁ NHÂN VỀ SỰ HOÀN HẢO CỦA TINH THẦN!

Socrates hẳn đã khởi xướng triết lý về đạo đức, nhưng đồng thời cũng đưa ra cho nhiều triết gia hậu bối những vấn đề hóc búa.

“CÓ PHẢI THẢO LUẬN VÀ TRANH BIỆN LUẬN
LÀ PHƯƠNG PHÁP TỐI ƯU NHẪM TRUY TẦM
TRI THỨC KHÔNG?”



“CÓ CÁI GỌI LÀ “TINH HOA”
HAY KHÔNG?”



LIỆU CHÚNG TA CÓ “BẢN NGÃ NỘI TÂM
ĐÍCH THỰC” HOẶC LÀ “CHỨC NĂNG” HAY
KHÔNG VÀ LÀM SAO CHÚNG TA BIẾT KHI
NÀO THÌ MÌNH KHÁM PHÁ RA NÓ?



CÓ PHẢI LUÂN LÝ HAY ĐẠO ĐỨC
LÀ MỘT DẠNG TRI THỨC NHƯ
ĐỊA LÝ HAY NÓ GIỐNG
TOÁN HỌC HƠN?

CÓ PHẢI ĐÓ LÀ MỘT LOẠI
TRI THỨC HAY KHÔNG?

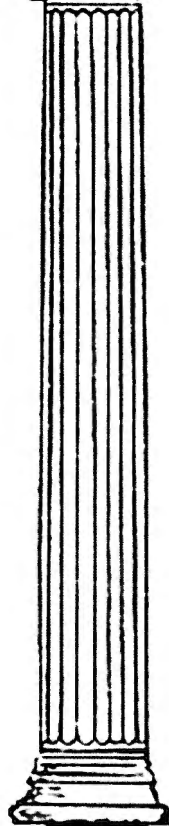
AI CÓ THUỐC ASPIRIN KHÔNG CHO
TÔI XIN VỚI? ĐAU ĐẦU QUÁ!

Socrates dường như phác họa luân lý là một kiểu tự khám phá, nhưng chẳng phải luân lý đề cập nhiều hơn về mối quan hệ của chúng ta với tha nhân và tinh thần chịu trách nhiệm về hành động của mình hay sao? Ông cho rằng một khi biết được lẽ phải, chúng ta sẽ không bao giờ làm điều sai trái. Nhưng làm sao lý giải có người biết những gì họ đang làm là không đúng mà vẫn làm điều đó? Thế còn những người có tinh thần quá bạc nhược hoặc tệ hại đến mức không làm nổi điều gì tốt đẹp? Chẳng phải chúng ta buộc phải **chọn** làm điều đúng cũng như **biết** điều đó là gì sao?

TÁC PHẨM CỘNG HÒA CỦA PLATO

Môn sinh tài danh nhất của Socrates là một nhà quý tộc trẻ tuổi tên là **Plato** (khoảng 428 -354 TCN) – ông không bao giờ tha thứ cho những người dân thành Athens Dân chủ vì đã xử tử vị thầy của mình. Plato cho rằng nền dân chủ này đang rối loạn và bị một bè nhóm vô minh, bạo hành cai trị, nó đã bị các nhà chính trị hư hỏng thao túng quá dễ dàng. Ông ghê tởm bỏ đi khỏi thành Athens nhưng sau đó quay lại và chứng kiến Thành bang của mình chìm trong sự hỗn loạn.

Athens thất thủ trước Sparta vào năm 405 trước Công nguyên. Công dân thì bất mãn còn các Triết gia phái Ngụy biện như **Thrasymachus** loan đi tin đồn rằng không có cái gọi là luân lý hay đạo đức. **Cộng hòa** – tác phẩm triết học vĩ đại của Plato là một cuốn sách tuyệt hảo bởi nó nêu lên hầu như mọi câu hỏi triết học cần có. **A.N. Whitehead** có lần đánh giá rằng toàn bộ nền triết học phương Tây thật sự không gì khác hơn là “những lời chú thích” cho Plato.



PLATO VÀ TRIẾT GIA PHÁI NGỤY BIỆN

Plato nêu lên những câu hỏi chính trị và luân lý về nội hàm Nhà nước – tại sao việc trở thành một công dân lại hiển nhiên như hít vào thở ra, tại sao Nhà nước đòi hỏi lòng trung thành, tại sao chúng ta cần phải tuân thủ luật pháp, và tại sao đó là một điều tốt. Tác phẩm **Cộng hòa** bắt đầu bằng đối thoại mở theo phong cách Socrates – vài triết gia phái ngụy biện được phép đưa ra quan điểm của mình về luật pháp và luân lý.

LUÂN LÝ CHỈ LÀ MỘT TẬP HỢP QUY TẮC DO GIỚI QUYỀN LỰC SOẠN RA NHẪM THỐNG TRỊ KẾ YẾU.

LUÂN LÝ CHỈ LÀ MỘT KHẾ ƯỚC XÃ HỘI.



Tuy nhiên, Plato đã bỏ qua tất cả và triển khai triết lý của ông về cá nhân, nhà nước và luân lý.



CÓ MỘT NƠI Ở ĐÂU ĐÓ...

Plato là “*Người của Hai thế giới*”. Ông vừa tin vào sự tồn tại của thế giới vật chất hạ đẳng, vừa tin vào một thế giới tốt lành, thuần khiết hơn. Những phát biểu của Plato về tri thức của chúng ta đối với hai thế giới này tương hợp với những gì ông tin về luân lý và chính trị. Điều này có lẽ khiến ông tin rằng mình đã đúng về mọi sự khi mà chưa chắc đã phải vậy. Plato cho rằng có hai loại tri thức: tri thức **thực nghiệm** (mà chúng ta tiếp cận được nhờ các **giác quan**) và một loại tri thức cao siêu phổ quát hơn hẳn mà chúng ta có được nhờ vận dụng **lý trí** của mình. Loại thứ hai này thường hằng và tồn tại vĩnh cửu.

Hầu như con người ai cũng có thể tiếp cận được tri thức thực nghiệm vì mọi người đều sở hữu năm giác quan hoạt động. Chỉ rất ít chuyên gia đã có thể khám phá tri thức “đích thực” bởi vì nếu muốn “thấu thị” tâm trí, bạn cần phải có khả năng phát triển đặc biệt và được đào tạo. Plato là một **người duy lý** – một triết gia tin rằng tri thức thực thụ phải xuất phát từ lý trí.

THẾ GIỚI VẬT LÝ MÀ CHÚNG TA TRẢI NGHIỆM HÀNG NGÀY LÀ MỘT TRONG NHỮNG CÁI BÓNG “BÁN CHÂN THỰC”. TRI THỨC VỀ THẾ GIỚI NÀY CHỈ LÀ “QUAN ĐIỂM” LOẠI BA.



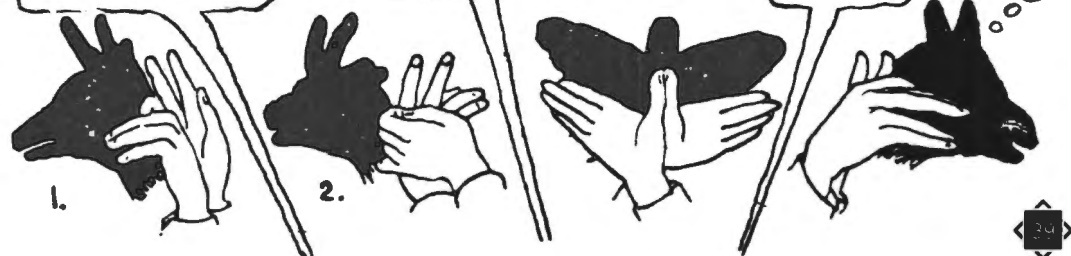
Cơ sở cho niềm tin này là toán học. Tất cả mọi tri thức Hy Lạp đều kính ngợp vẻ đẹp, tính cố định và tinh khiết của toán học.

Số học không tồn tại hữu hình trong đời sống thật nhưng theo một nghĩa nào đó nó lại hiện diện trong tâm trí chúng ta và ở một số không gian trừu tượng khác, có lẽ mang tính tinh thần nhiều hơn. Plato quan niệm mọi tri thức có thể vĩnh cửu và bất biến như toán học.

CẬU CÓ BIẾT CÁN BẠC HAI CỦA 7 LÀ 2.6457513 KHÔNG?

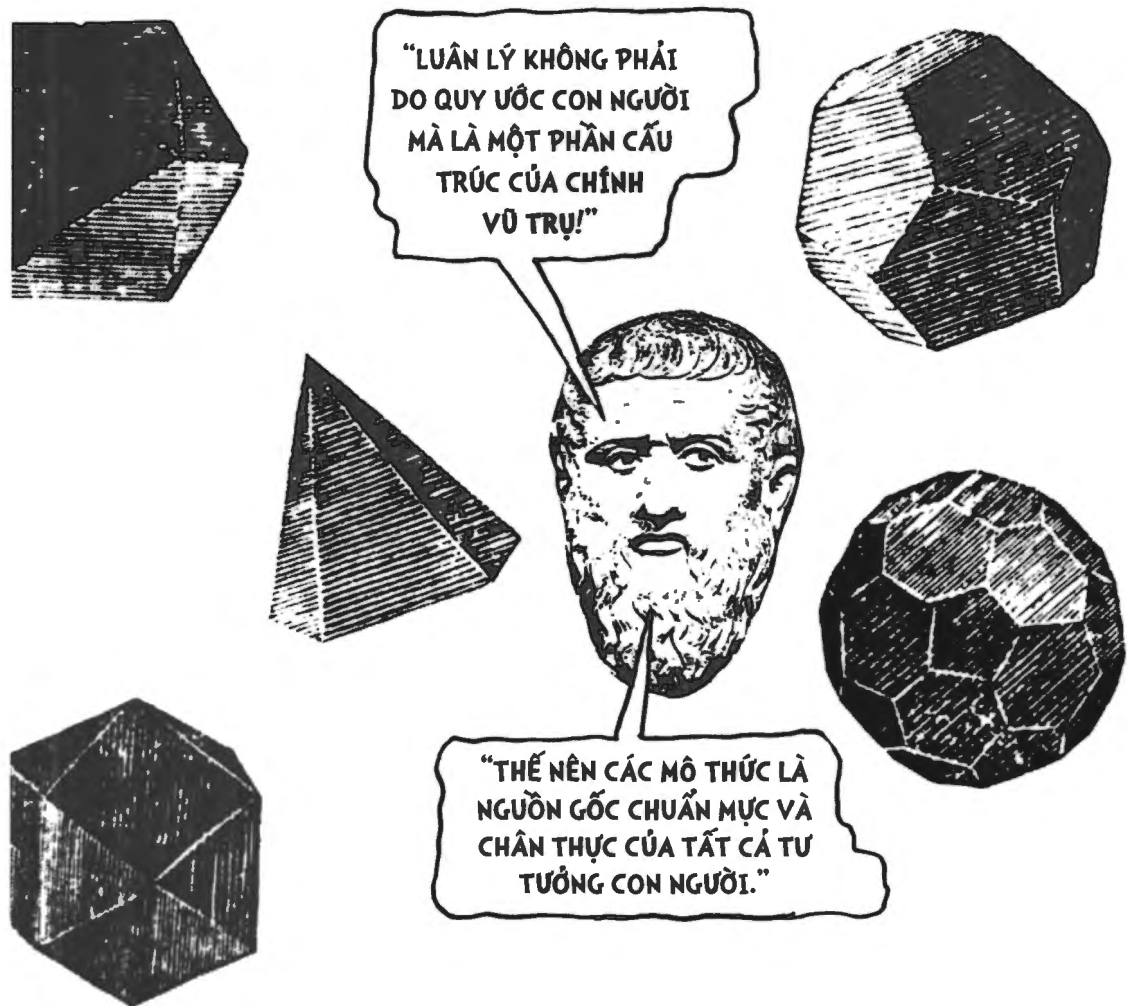
QUÁ ĐẸP, CẬU À!

THẬT LÀ KỲ CỤC!



THẾ GIỚI MÔ THỨC

Plato cho rằng thế giới thường nhật của các giác quan bị thế giới “Mô thức” kỳ lạ và phi thường vượt qua. Mô thức đó là vĩnh cửu, phi thời gian và “đích thực”. Mô thức lý giải việc chúng ta nhận biết một trái táo màu đỏ khi ta thấy nó – bởi nó có các Mô thức “Trái táo” và “Đỏ”. Mô thức trong thế giới hoàn hảo này là thuộc về mọi sự vật từ “Cái ghế hoàn hảo” đến “Cái Mỹ”, “Cái Thiện” và “Nhà nước Hoàn hảo.”

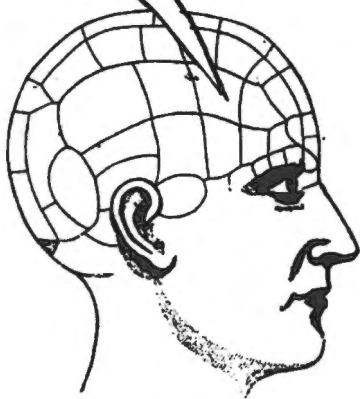


Kết luận chính trị của tất cả mọi lập luận này là tri thức hoàn hảo không thể sai lầm chỉ được nắm bắt bởi một vài chuyên gia. Plato cho rằng những bậc thầy này phải có trách nhiệm với mọi người khác. “Kẻ Giám hộ” này luôn biết câu trả lời chính xác cho bất cứ vấn đề nào và biết phải làm cái gì.

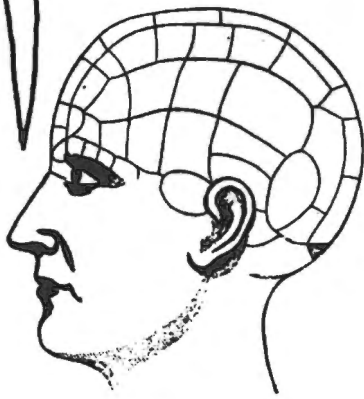
MỘT XÃ HỘI KHÉP KÍN

Plato là một người theo thuyết Tuyệt đối Đạo đức. Ông cho rằng tri thức đạo đức được “mã hóa” trong vũ trụ này, giống như các nhà toán học cho rằng số học được mặc nhiên mã hóa. Nhưng liệu có những “dữ kiện” đạo đức, có giống như dữ kiện về hươu cao cổ hoặc tam giác hay không? Thuyết Tuyệt đối Đạo đức như thế giả định rằng một mô hình quan liêu của đạo đức nào nên như vậy – một dạng tri thức đặc biệt chỉ được nhận biết bởi một số chuyên gia.

CHÚNG TA PHẢI HỎI LÀM
CÁI GÌ ĐÂY.



CHẴNG CÓ QUY TẮC NÀO ĐƯỢC ĐỀ RA.



Plato giả định rằng đạo đức cá nhân và luân lý Nhà nước là giống như nhau. Điều này có thể dẫn tới làm xuất hiện những chính thể chuyên chế hà khắc vô luân được cai trị bởi những người tự xưng là “tinh hoa” – họ phán xét các cá nhân chỉ dựa vào tiêu chí đóng góp bao nhiêu cho Nhà nước. Trong thế kỷ này, nhiều người đã có những trải nghiệm rất khó chịu về các xã hội khép kín được cai trị bởi những “tinh hoa” tham quyền cố vị muốn nắm những chân lý độc tôn tập quyền.



PLATO ĐÃ QUÊN RẰNG
VIỆC THẢO LUẬN, TRANH
BIỆN VÀ QUAN ĐIỂM
CHÍNH TRỊ TRÁI CHIỀU TỰ
BẢN THÂN CHÚNG CHÍNH
LÀ NHỮNG ĐIỀU TỐT ĐẸP!

ARISTOTLE VÀ ĐẠO ĐỨC HỌC CẢM QUAN CHUNG

Aristotle (384 - 322 TCN) xuất thân ở vùng Bắc Hy Lạp là môn sinh của Plato. Aristotle là thầy dạy cho Alexander Đại Đế (cũng xuất thân ở vùng này) và cuối cùng thành lập một ngôi trường đại học của riêng ông – Học viện Lyceum. Ông đồng thuận với Plato rằng về cơ bản con người là sinh vật xã hội và được tạo dựng cuộc sống tốt nhất ở các Thành bang. Nhưng xét trên quan điểm đạo đức, Aristotle nghiêng về phía thực dụng hơn.



ĐẠO ĐỨC HỌC LÀ MỘT DẠNG CÔNG VIỆC ĐẠI KHÁI
NHƯNG HỮU DỤNG PHẢI ĐƯỢC NHỮNG CON NGƯỜI
BÌNH THƯỜNG VÀ THỰC TẾ QUYẾT ĐỊNH CHỨ KHÔNG
PHẢI BẰNG NHỮNG “CHUYÊN GIA” KHỔ HẠNH BẮM
SÍNH MÀ ĐẦU ỚC CHỈ NGHĨ TỚI THẾ GIỚI ĐƠN GIẢN
VÀ XA CÁCH CỦA NHỮNG “MÔ THỨC”.



Aristotle quan tâm nhiều hơn đến suy nghĩ của người bình thường về đạo đức hàng ngày của họ.

QUAN ĐIỂM MỤC ĐÍCH LUẬN VÀ SỰ “TRUNG DUNG”

Trong tác phẩm **Đạo đức học Nicomachus**, Aristotle khẳng định rằng ông không quan tâm đến những kiểu suy tư trừu tượng xa xôi, như “Thiện hảo tự thân”, mà là những điều tốt đẹp hàng ngày bình thường mà hầu hết mọi người chọn lựa trong phần lớn thời gian của họ. Động lực chi phối hầu như mọi triết lý Aristotle là niềm tin rằng ý nghĩa tối hậu của mọi sự vật có thể được nhận biết từ việc suy xét các mục đích sống khác nhau của họ.



Như thế là ta đã được lập trình bằng “phần mềm luân lý” về công lý, công bằng, sự điều độ, lòng quả cảm và nhiều phẩm chất khác, nhưng việc hiện thực hóa tối đa các giá trị là tùy ta. Con người khôn ngoan biết hành xử bằng cách chọn một lối “**trung dung**” giữa các thái cực. Là người tốt, ta nên nỗ lực thể hiện sự can đảm hợp lý, mà không phải liều lĩnh đến lỗ bịch hay hèn nhát đến phi lý.

Aristotle cũng tỏ quan điểm khá rõ ràng về trách nhiệm luân lý – nếu bạn đã định làm điều gì sai trái, thì bạn sẽ bị trừng phạt tương ứng.

MỘT NGƯỜI KHÔNG SẮC SẢO NHƯNG THIỆN TÂM

Hình mẫu lý tưởng theo Aristotle về cơ bản là một nam công dân Athens trưởng thành không cần sắc sảo nhưng phải bản lĩnh và lý trí, tránh cực đoan, biết dựa vào trải nghiệm để lựa thế ứng xử. Ông cho rằng nếu có thể đạt được điều đó, ta sẽ mãn nguyện về mặt tâm lý. Khi thực hành luân lý, bản thân ta đã trở nên có đạo đức, như khi bạn tập chơi dương cầm thì cũng chính là lúc bạn chơi đàn.

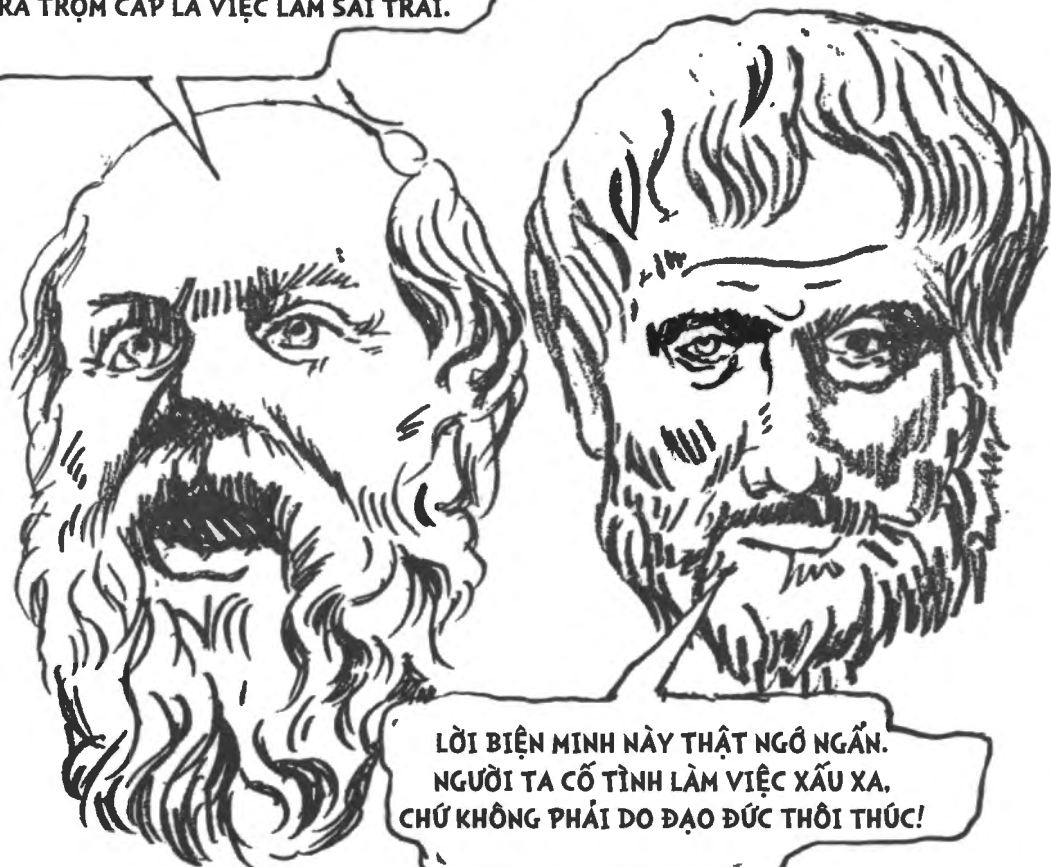


Dần dần chúng ta học được cách chọn một lối “trung dung” phù hợp với ta và tương thích với từng hoàn cảnh luân lý cụ thể. Khi thời gian đã chín muồi để quyết định mang một phần hay toàn bộ tiền làm từ thiện, chúng ta sẽ biết nên làm gì. Khi có lòng tự tin vào bản thân và năng lực phán đoán luân lý của mình, chúng ta sẽ được hạnh phúc bởi vì đã thực hiện trọn vẹn sứ mệnh của ta.



Quan điểm của Aristotle về trách nhiệm luân lý dường như khá hợp lý và rất có ảnh hưởng tới luật pháp. Khi quyết định đi trộm cắp mà bị bắt quả tang, thì bạn phải chịu trách nhiệm. Đơn giản và hiển nhiên vậy thôi. Nếu buộc phải làm do bị đe dọa hành hung, hay do nhầm lẫn, thì bạn sẽ được xem xét miễn trừ trách nhiệm. Những gì mà Aristotle không cho phép bạn làm là những gì ông nghĩ bạn có thể làm.

HÃY NÓI RẰNG BẠN ĐÃ KHÔNG NHẬN
RA TRỘM CÁP LÀ VIỆC LÀM SAI TRÁI.



LỜI BIỆN MINH NÀY THẬT NGỖ NGÃN.
NGƯỜI TA CỐ TÌNH LÀM VIỆC XẤU XA.
CHỨ KHÔNG PHẢI DO ĐẠO ĐỨC THỐI THÚC!

Quan điểm của Aristotle có vẻ khác lạ bởi ngày nay chúng ta không nhầm lẫn đạo đức với sự tự hoàn thiện. Liệu có phải chúng ta “được tiên định” với những định hướng nhất định theo cách mà Aristotle nghĩ chúng ta phải như vậy? Trong thời kỳ hậu Lãng mạn vốn đề cao chủ nghĩa cá nhân và sự lựa chọn cá nhân, nhiều người chúng ta cũng sẽ bác bỏ ý tưởng cho rằng “công dân tốt” là lý tưởng để vươn tới.

Hầu hết học thuyết luân lý của Aristotle có vẻ khá mơ hồ – như mọi thứ thỏa hiệp thận trọng vốn thường vậy. Học thuyết Trung dung dần trở nên hợp lý ở một vài khía cạnh khi đức can đảm được xem xét đến.



Aristotle có thể chỉ dẫn chúng ta làm thế nào để hoàn thiện, nhưng chúng ta lại không có quy tắc đạo đức nào hướng giúp chúng ta cách ứng xử với người khác. Aristotle dường như có lý khi cho rằng đạo đức là điều rất gần “khoa học” hay kỹ năng – gần giống với việc học lái xe hơn là nghiên cứu vật lý học.



Nhiều triết gia luân lý hiện đại ngày nay cho rằng những điều Aristotle phát biểu chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa, mà càng về sau càng rõ hơn.

ĐẠO ĐỨC HỌC HY LẠP CỔ ĐẠI

Ảnh hưởng của tư duy Hy Lạp đối với triết học luân lý rất sâu đậm, hiện hữu rất lâu sau khi các Thành bang sụp đổ và được thay bằng đế quốc quân sự của Alexander Đại Đế (356 -323 TCN) và La Mã sau này. Triết học luân lý của Hy Lạp còn được phát triển dưới các hình thức khác nhau ở Macedonia, Syria, Ai Cập và từ khoảng năm 50 trước Công nguyên đã lan tỏa trên khắp Đế quốc La Mã. Triết học luân lý “Hy Lạp cổ đại” hầu như là chuỗi lý luận bổ sung cho quan điểm của Aristotle về sự hoàn thiện và hạnh phúc con người.

PHÁI KHUYẾN NHƠ

Phái **Khuyến nhơ**, được sáng lập bởi **Antisthenes** (khoảng 444 -366 TCN), cho rằng hạnh phúc chính là vun đắp một thái độ thờ ơ trước tham vọng và của cải trần gian bởi vì cá nhân không bao giờ có thể kiểm soát lâu dài những thứ này được. Triết gia phát ngôn lý thú nhất của họ là **Diogenes** (mất 320 TCN), ông sống trong một thùng gỗ tròn và không đánh giá cao Alexander Đại Đế.



PHÁI KHẮC KỶ VÀ KHOÁI LẠC

Hai trường phái Khắc kỷ và Khoái lạc đều khác Aristotle ở một khía cạnh quan trọng: cả hai đều cho rằng con người khôn ngoan biết tránh hoặc bỏ qua tham nhũng và thỏa hiệp của đời sống chính trị. Đó là bởi vì họ không còn là thành viên của một Thành bang dân chủ, mà chỉ là các cá nhân đơn lẻ sống dưới một Đế quốc thối nát và vô cảm.

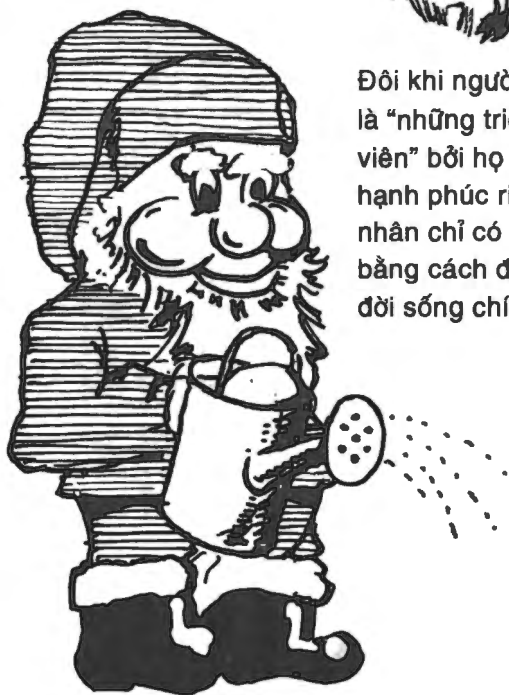
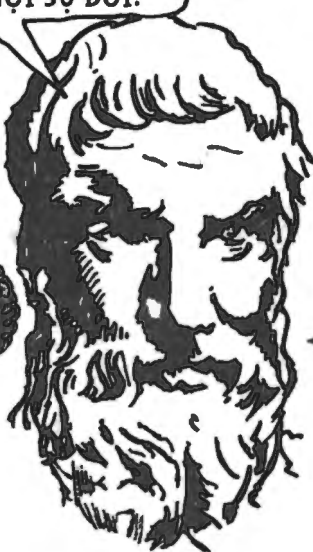
Phái **Khắc kỷ**, được sáng lập bởi **Zeno ở Citium** (khoảng 336 -261 TCN) tin vào “luật tự nhiên” – một học thuyết sau này rất có tầm quan trọng đối với Triết học kinh viện thời Trung cổ. Các môn đồ nổi tiếng nhất của họ là những người La Mã – trong đó có nhà chính trị và hùng biện Cicero cùng với Hoàng đế Marcus Aurelius. Quan điểm các nhà Khắc kỷ về cá nhân mang tính định mệnh.



Những người Khắc kỷ suy nghĩ rằng đam mê của con người thường làm cho họ trở nên phi lý đến mức tai họa – một quan điểm về bản chất con người mà Shakespeare dường như cũng đồng quan điểm.

Phái Khoái lạc, được triết gia **Epicurus** (341- 270 TCN) khởi xướng, đồng nhất hạnh phúc với khoái lạc, điều mà Aristotle đã luôn thận trọng né tránh. Tuy nhiên, đối với phái Khoái lạc, thì “khoái lạc” phải được theo đuổi trên tinh thần điều độ kiểu Aristotle và biểu hiện ở nhiều hình thức: tình bạn và thảo luận triết học cũng như thưởng thức những thú vui như uống rượu và ca hát. Thật ra, phái Khoái lạc có nhiều điều giống phái Khắc kỷ hơn ấn tượng mà họ tạo ra.

“CHÚNG TÔI TIN RẰNG ĐỨC TỰ CHỦ VÀ THANH TĨNH CÓ THỂ GIÚP MỌI NGƯỜI CHỊU ĐƯỢC HẦU NHƯ MỌI SỰ ĐỜI.



Đôi khi người ta gọi họ là “những triết gia hoa viên” bởi họ tin rằng hạnh phúc riêng của cá nhân chỉ có thể đạt được bằng cách đứng ngoài đời sống chính trị công.



SỰ XUẤT HIỆN KITÔ GIÁO

Từ thế kỷ thứ 4 thuộc Công nguyên, Kitô giáo trở thành quốc giáo của toàn Đế quốc La Mã. Bản thân La Mã chia thành hai đế quốc vào năm 330 thuộc Công nguyên khi Constantine dời đô từ thành Rome đến Constantinople.

Vào năm 476 thuộc Công nguyên đế quốc Tây La Mã sụp đổ. Năm 529, cuối cùng Giáo hội đã đóng cửa Học viện Plato ở Athens và triết học luân lý trở thành một phần của thần học Kitô giáo, dù rằng ảnh hưởng Plato và Aristotle vẫn duy trì trong các tác phẩm của các giáo sĩ thuộc Giáo hội. Thánh **Augustine** (354 -430) cố gắng dung hòa những lời giảng Phúc Âm với triết lý Plato. Ngài đã giải quyết một vấn đề lớn cho những tín đồ Kitô giáo:



ĐẠO ĐỨC HỌC KINH VIỆN VÀ TRUNG CỔ

Hầu như tất cả triết gia thời Trung cổ là người của giáo hội – những người công nhận Kitô giáo là chân lý. Điều này có nghĩa là tranh luận về đạo đức thường xoay quanh những câu hỏi làm ta có cảm tưởng mang tính thần học và kỹ thuật hơn là “tính luân lý.”



Tư tưởng của nhà thần học vĩ đại nhất thời Trung cổ, Thánh **Thomas Aquinas** (1224 - 1274) tương đồng với giáo huấn của Aristotle.



Aquinas đã đưa ra nhiều điều thú vị hơn về luật pháp xã hội và cá nhân. Theo ông, luật pháp phải vượt cao hơn suy nghĩ của riêng chính quyền. Luật cần thiết cho cái thiện chung của mọi người và phản ánh “Quy luật Tự nhiên” được Thiên Chúa truyền “tâm ấn” cho chúng ta. Luật thế tục được công nhận là hữu dụng bởi nó đảm bảo được trật tự xã hội mà nhờ thế mới có đời sống xã hội.

NHƯNG LUẬT THẾ TỤC TỰ NÓ
KHÔNG LÀM CHO CON NGƯỜI
TRỞ NÊN ĐỨC HẠNH...

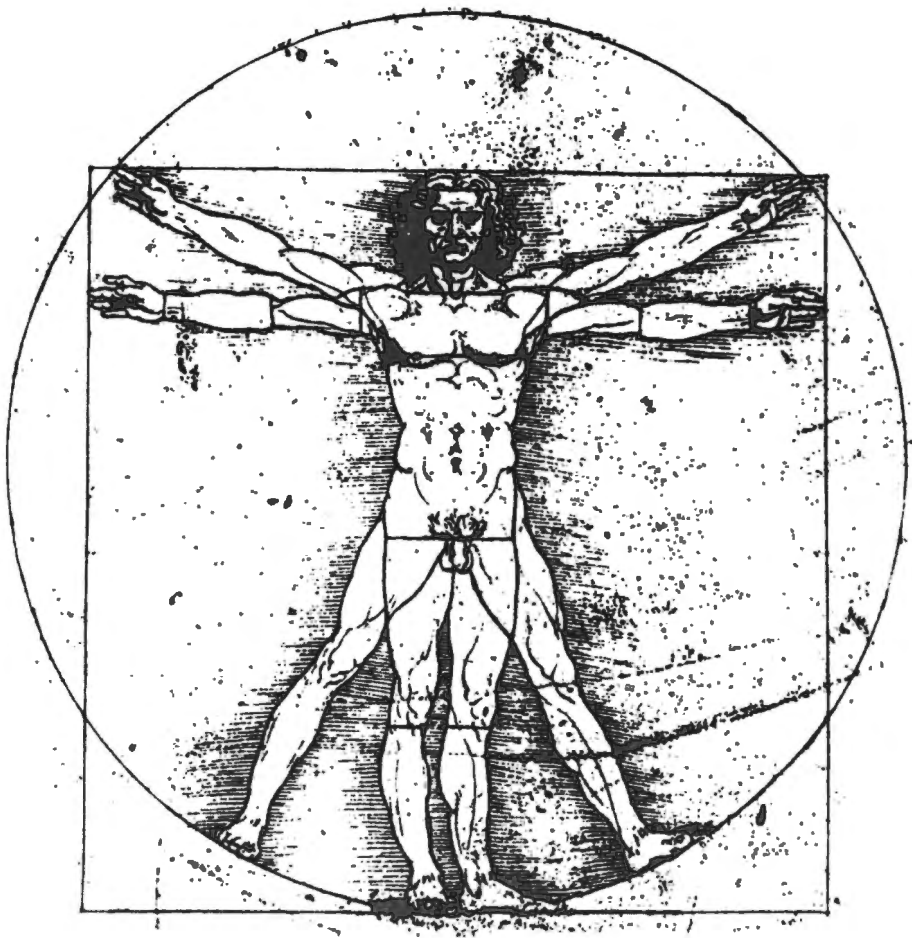
...NẾU NÓ KHÔNG HÒA HỢP
VỚI QUY LUẬT TỰ NHIÊN,
CON NGƯỜI CÓ QUYỀN
CÁN THIỆP!

THẾ LIỆU NGÀI CÓ TÁN THÀNH HÀNH VI
BẤT TUÂN DÂN SỰ CỦA TÔI CHỐNG LẠI
QUYỀN LỰC ĐẾ QUỐC ANH KHÔNG?



SỰ TRỖI DẬY CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN BẢN

Cuối cùng khoa học và triết học đã bắt đầu tự lớn mạnh vượt khỏi tầm ảnh hưởng và giáo huấn của Giáo hội, cũng như triết học Hy Lạp đã chất vấn huyền thoại và sự mê tín hai ngàn năm trước đó. Thời Phục hưng bắt đầu ở miền bắc nước Ý thế kỷ 14 và lan nhanh khắp châu Âu trong thế kỷ 15 và 16.



“Chủ nghĩa nhân bản” thời Phục hưng đặt trọng tâm suy tư nhiều hơn vào thành tựu con người và ít lưu tâm đến vai trò của Chúa trong công việc của loài người. Nó cũng cổ vũ việc nhấn mạnh nhiều hơn đến tính khả dụng và hiệu quả của phương pháp thực nghiệm trong khoa học.

Trào lưu Cải cách đã đẩy nhanh toàn bộ tiến trình này.

MACHIARELLI

Sự quan tâm về mối liên hệ giữa luân lý và Nhà nước được tiếp tục diễn ra suốt thời Phục hưng, và tác giả nổi tiếng nhất trong lĩnh vực này là **Niccolo Machiavelli**.

Machiavelli (1469-1527) sinh trưởng ở Florence, một Thành quốc tương tự kiểu Athens, cho dù cách thức cai trị hơi khác. Machiavelli là nhà ngoại giao thực dụng hơn là một triết gia. Tác phẩm nổi tiếng của ông có tựa là **Quân vương**, một trong những tác phẩm đầu tiên trong danh mục Sách Cấm của Giáo hội Công giáo.



LUÂN LÝ VÀ ĐỜI SỐNG CÔNG CỘNG

Thoạt đọc thì **Quân vương** là tác phẩm mang tính kỹ thuật bàn về chính trị nhưng thông điệp ngầm rõ ràng là về đạo đức học. Luận điểm Machiavelli muốn đưa ra là tất cả mọi nhà cầm quyền giỏi đều cần đức hạnh (virtù) – những phẩm chất “nam nhi” như tự lực, quả cảm, cương nghị và nhiều đức tính khác nữa. Tuy nhiên, để trở thành một nhà cai trị thực sự thành công cũng có nghĩa là cần có “tính vô luân cần thiết.” Một vị quân vương phải biết nói dối, phản bội, lừa gạt, trộm cắp và sát hại.

“Một quân vương muốn duy trì vị thế của mình cần phải học cách làm sao để không thiện hảo...”

Rồi Machiavelli tiếp tục miêu tả một số thủ đoạn hơi phi - Kitô giáo mà Cesare Borgia đã sử dụng: ông ta nghĩ rằng không nên lúc nào cũng phải giữ tín ngôn hay nói thật; Cesare Borgia mời quân lính bạo loạn đến ăn tối rồi hạ lệnh cho người thắt cổ họ; ông còn bổ nhiệm một vị cấp phó tàn bạo thực thi những luật định do ông ban bố, rồi đích thân xử tử gã thuộc cấp này.

NHỮNG LUẬN ĐIỂM TRÁI CHIỀU VỀ TÁC PHẨM

Độc giả của Machiavelli chưa bao giờ thôi tranh cãi về Quân vương. Một số tổ chức, như Giáo hội Công giáo, cho rằng đây là một cuốn sách độc hại, có kẻ thì coi đó là cuốn sách châm biếm, những người khác thì không xem đó là tác phẩm luân lý hoặc vô luân gì, mà đơn giản chỉ là cuốn sách “kỹ thuật chính trị.” Tuy nhiên, chắc chắn một điều rằng Machiavelli đã rất ngưỡng mộ những vị quân vương thành công cho dù họ dùng phương pháp nào đi nữa. Cũng như triết gia Hobbes, Machiavelli có quan điểm khá bi quan về bản chất con người. Ông cho rằng các vị quân vương phải vô luân mới được.



MACHIAVELLI NGÀY NAY

Tác phẩm **Quân vương** có tầm quan trọng không chỉ vì nó cung cấp những triết lý cực kỳ thấu đáo về đạo đức học, cá nhân và chính quyền, mà còn bởi vì nó góp phần đẩy lên bầu không khí công luận, cho thấy rằng giữa luân lý công và đạo đức cá nhân chắc chắn có sự khác biệt. (Đôi khi trong tâm trí con người có sự liên tưởng giữa đạo đức học “nam” và “nữ”, mà về sau càng nhiều). Ngày nay nhiều người vẫn tin rằng trong lĩnh vực chính trị, giao thương hay trong đời sống công nói chung, con người phải thực dụng, khôn lanh và “vô đạo đức”. Phải có hai hệ thống chuẩn mực đạo đức.



Machiavelli cho rằng chính trị và luân lý là hai người bạn đồng hành kỳ cục.

1. Câu nói thể hiện lòng trung thành. Nguyên văn: “Tổ quốc ta... mong sao nó luôn đúng;. Nhưng dù đúng hay sai, đó vẫn là Tổ quốc của chúng ta” — Stephen Decatur sĩ quan hải quân Hoa Kỳ, 1779-1820.

TÀN BẠO HAY NGÂY THƠ?

“Khoa học chính trị” chịu ảnh hưởng của Machiavelli đã khởi xướng cuộc tranh luận kéo dài về luân lý và bản chất con người trong thế kỷ 17 và 18.

Phải chăng bản chất con người là tàn bạo, rồi môi trường xã hội đã thuần hóa và buộc họ trở nên đạo đức, hay họ là những người đạo đức thơ ngây rồi bị xã hội làm tha hóa? Cuộc tranh luận này rất thú vị bởi một số kết luận của nó về xã hội, cá nhân và sự cần thiết của chính quyền đến nay vẫn còn phù hợp.

Thomas Hobbes (1588-1679), người theo phái bảo hoàng Anh thế kỷ 17, triết gia và là tác giả của kiệt tác **Leviathan**, đã phổ biến một học thuyết cho rằng bản chất con người về cơ bản là xấu xa. Người ta thường gọi tư tưởng này là “Chủ nghĩa vị kỷ tâm lý.”



KHẾ ƯỚC XÃ HỘI

Giải pháp của Hobbes là đưa ra một hình thức hợp pháp của ý niệm tương hỗ, thường được gọi là “Khế ước Xã hội.” Hobbes cho rằng đạo đức chỉ là một cách mà kẻ xấu xa nhưng có lý trí dùng để tránh xung đột. Khi không có xã hội, con người sống trong “trạng thái tự nhiên” mà ở đó chỉ có “cô đơn, nghèo nàn, vô luân, tàn nhẫn và tạm bợ.”



Nhằm làm cho “khế ước xã hội” này có thể được thực thi, họ tiếp tục triển khai một “Khế ước Chính quyền” với một bên thứ ba trung lập đồng ý thực thi thỏa thuận “Xã hội” ban đầu này.

Đó là cách xã hội hình thành và lý do tại sao chính quyền mạnh, vững bền lại là một ý niệm tốt đẹp – nhằm giúp chúng ta tránh được hệ quả của tính ác độc bẩm sinh của mình.

LIỆU ĐIỀU ĐÓ ĐÚNG?

Lý giải của Hobbes về nguồn gốc của đạo đức không có sức thuyết phục hoàn toàn. Nhiều người ứng xử rất kỳ quặc ngược lại với thuyết “vị kỷ tâm lý” – họ nhảy xuống hồ lạnh cóng cứu trẻ sắp chết đuối và bí mật tặng tiền cho các tổ chức từ thiện. Hầu hết những điều Hobbes phát biểu về “một tình trạng tự nhiên” không mang tính lịch sử lắm. Có ít bằng chứng của “thuyết nguyên tử” về những tay sát nhân tiền xã hội tạo ra các “khế ước”.

Họ hàng về mặt di truyền gần nhất với chúng ta – loài vượn cỡ lớn, đã biết sống hòa thuận với nhau, hình thành một quần thể cộng đồng gãi lông cho nhau. Theo quan sát thì có vẻ con người luôn là sinh vật có tính xã hội – sống thành gia đình và bộ lạc chứ không phải là kẻ đơn thân sống tách rời cá thể khác.

CẬU ĐÃ BAO GIỜ THẤY HAI BẢN
KHẾ ƯỚC NHƯ THỂ NÀY CHƯA?

CÓ ĐIỀU KHOẢN NÀO VỀ SỰ MINH MẮN
SÁNG SUỐT HAY KHÔNG?

VÀ CẬU CÓ NHỚ LÀ ĐÃ
KÝ VÀO MỘT BẢN KHẾ ƯỚC RỒI
HAY KHÔNG?

SỰ NGÂY THƠ CỦA TRÀO LƯU LÃNG MẠN

Học thuyết đối ngược với quan điểm bi quan của Hobbes đôi khi được gọi là quan điểm “Lãng mạn”, được thực sự khai sinh bởi triết gia **Jean-Jacques Rousseau** (1712-78). Quan điểm của Rousseau cho rằng bẩm sinh chúng ta đã là những con người có đạo đức và luôn tiềm ẩn cái thiện, và đó là lý do tại sao công tác giáo dục trẻ em lại quan trọng như vậy.



“Nó mang lại những nhu cầu nhân tạo như đầu đĩa CD, xe hơi tốc độ cao và những tệ nạn tương ứng như lòng tham lam và dâm ô đồi trụy. Mặc dù việc bị băng hoại vì những thị hiếu văn minh nghe có vẻ hài hước, nhưng hệ quả là cái thiện bẩm sinh và lòng ngây thơ trong trắng của con người đã bị vẩn đục. Đây là những quan điểm mà Rousseau đã triển khai trong hai tác phẩm **Luận về nghệ thuật và khoa học** và **Emile hay là về giáo dục**.”

HOANG DÃ CAO QUÝ

Không giống như triết gia Hobbes, Rousseau nghĩ có thể hình thành nên một xã hội mà hầu như không cần chính quyền thông qua sự biểu hiện của “Ý chí Chung” – một triết thuyết vừa mơ hồ vừa nguy hiểm. Ai sẽ là người phát hiện rồi thực thi phổ biến “Ý chí” đó cho người dân? Sự ngây thơ trong sáng của con người từ thuở ban sơ cũng là một học thuyết về bản tính con người mà cuối cùng thì dẫn đến huyền thoại về Hoang dã Cao quý – đó là niềm tin cho rằng những dân tộc “nguyên thủy” như người Mỹ bản địa, sẽ mang cuộc sống đơn giản hơn, viên mãn hơn và đạo đức cao trọng hơn đến những người Tây Âu suy đồi. Đó là chuyện hoang đường.

CHẴNG CÓ GÌ GỌI LÀ “ĐƠN GIẢN” HAY THẬM CHÍ “ĐẠO ĐỨC” VỀ CUỘC SỐNG CỦA CON NGƯỜI TRONG NHỮNG NỀN VĂN HÓA KÉM PHÁT TRIỂN HƠN VỀ CÔNG NGHỆ.



“Sự hoang dã cao quý” được dùng nhằm châm biếm tội lỗi luân lý và những nhận thức thái quá của xã hội văn minh. Ở một chừng mực nào đó, nó dẫn toàn bộ “Trào lưu Lãng mạn” trở nên phức tạp và thường có ý rằng sự huấn thị đạo đức tốt nhất là từ thiên nhiên cây cỏ, trẻ em và người nông dân chứ không phải là từ triết gia hay các chính trị gia. Trong giai đoạn hình thành ban đầu, Trào lưu Lãng mạn cũng đã mang tính cách mạng và thậm chí có tư tưởng vô chính phủ trong sự đồng cảm của nó.



NHỮNG NGƯỜI VÔ CHÍNH PHỦ CẦN MỘT
MÔ HÌNH NHÂN ĐẠO CỦA BẢN TÍNH
CON NGƯỜI NẾU HỌ KHÔNG CẦN CHÍNH
QUYỀN VÀ KHÔNG CÓ NHU CẦU ĐỐI VỚI
CẢNH SÁT VÀ NHÀ TÙ.



NHỮNG NHÀ TƯỞNG SINH HAY SINH HỌC XÃ HỘI

Peter Kropotkin (1842-1921), triết gia vô chính phủ, và nhà sinh học xã hội gần đây hơn, Edward O. Wilson (sinh 1929), đều tin có một ý niệm gì đó ít có tính phân cực triệt để hơn về bản chất và đạo đức con người.



Chỉ cần quan sát xung quanh, chúng ta có thể nhận thấy cả một núi bằng chứng ẩn tượng cho rằng con người không phải hành động vì lòng tham bạo liệt, mà cũng chẳng phải là người ngây thơ rồi bị tha hóa đi. Đa phần con người dường như có cả động cơ thực sự rất hữu nghị, đức trung thành, tình thương, lòng hào hiệp và tinh thần đồng cảm, nhưng cũng như có cả động cơ tham lam và ích kỷ.

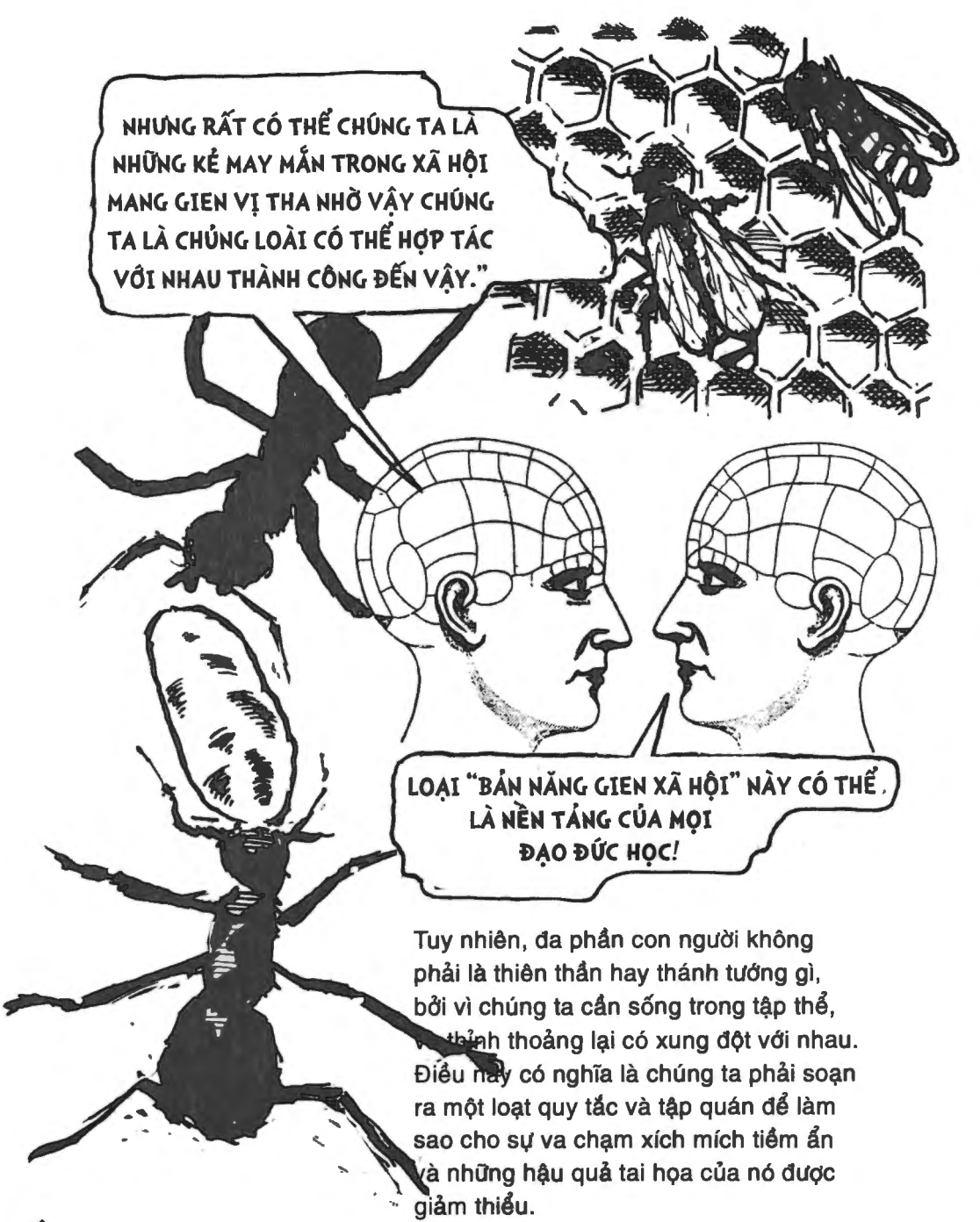
Thiên nhiên đã cho thấy bằng chứng về sự hợp tác giữa động vật và thực vật, đó là cách các “hệ sinh thái” xuất hiện ngay từ đầu. Ngoài con người chúng ta, nhiều chủng loài sống hài hòa trong những bầy đàn, quần thể và nuôi dưỡng con cái chúng với tình yêu thương và trách nhiệm.

Nếu con người là “ích kỷ” vậy thì họ lại ích kỷ trong một cách hợp tác kỳ lạ, nếu không làm sao có gia đình, bộ lạc và xã hội loài người.



GIEN XÃ HỘI

L luận điểm này không có ý cho rằng chúng ta được lập trình cứng nhắc trong gien và di truyền theo cách mà các động vật xã hội khác như kiến và ong thể hiện. Việc lập trình của chúng ta ít cứng nhắc và kém thuần túy hơn.



NHƯNG RẤT CÓ THỂ CHÚNG TA LÀ NHỮNG KẺ MAY MẮN TRONG XÃ HỘI MANG GIEN VỊ THA NHỜ VẬY CHÚNG TA LÀ CHỦNG LOÀI CÓ THỂ HỢP TÁC VỚI NHAU THÀNH CÔNG ĐẾN VẬY."

LOẠI "BẢN NĂNG GIEN XÃ HỘI" NÀY CÓ THỂ LÀ NỀN TẢNG CỦA MỌI ĐẠO ĐỨC HỌC!

Tuy nhiên, đa phần con người không phải là thiên thần hay thánh tượng gì, bởi vì chúng ta cần sống trong tập thể, và thỉnh thoảng lại có xung đột với nhau. Điều này có nghĩa là chúng ta phải soạn ra một loạt quy tắc và tập quán để làm sao cho sự va chạm xích mích tiềm ẩn và những hậu quả tai họa của nó được giảm thiểu.

SINH VẬT BIỂU TƯỢNG

Chúng ta khác động vật ở chỗ hành động có chủ ý. Con người có khả năng lựa chọn và chịu trách nhiệm về những quyết định của mình. Những động vật khác thì sống trong một thế giới không ý thức, không mang tính biểu tượng về bản năng, mặc dù hành vi của chúng thường có vẻ mang tính “đạo đức” nếu xem xét từ bên ngoài.

ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI THÌ
PHẢI KHÁC.

ĐÓ LÀ KẾT QUẢ TRỰC TIẾP CỦA
PHƯƠNG CÁCH CHÚNG TA THỰC
HIỆN VÀ SỰ TỰ DO MÀ CHÚNG
TA PHẢI LỰA CHỌN.



Đạo đức không chỉ là một hình thức của hành vi bản năng, như các biểu hiện nghi thức quy phục mà động vật sử dụng để đảm bảo giảm thiểu xung đột giữa các con đực cạnh tranh nhau. Có lẽ một ngày nào đó chúng ta sẽ biết chính xác hơn về bản chất con người – bao nhiêu phần là nhờ di truyền và bao nhiêu còn lại là kết quả của sự vun dưỡng.

MARX VÀ THUYẾT KINH TẾ CHỈ HUY

Karl Marx (1818-83) cực lực chống lại quan điểm hài hòa của phái chủ trương vô chính phủ về bản tính con người, điều ông xem là phi khoa học và phản cách mạng. Marx tuyên bố lịch sử là một loạt các giai đoạn khác nhau chỉ tách bạch bằng “các phương thức sản xuất” kinh tế khác nhau mà điều này quyết định hình thành nên các giai cấp và cuộc đấu tranh tất yếu của nó.

GIAI CẤP THỐNG TRỊ BẤT KỲ THỜI
ĐẠI LỊCH SỬ NÀO ĐỀU KIỂM SOÁT
PHƯƠNG TIỆN SẢN XUẤT...

...VÀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA GIAI CẤP
ẤY LUÔN ĐẤU TRANH CHO QUYỀN LỢI
CỦA MÌNH NHƯNG HỌ THƯỜNG KHÔNG
NHẬN RA.



Đó là bởi vì họ là sản phẩm của “**ý thức hệ**” trong giai cấp ấy.



“**Ý thức hệ**” là tập hợp thái độ, giá trị và niềm tin của các nhóm người. “Mệnh đề cơ bản” của quan điểm Marx về ý thức hệ là “vật chất quyết định ý thức”. Nền tảng kinh tế của xã hội quyết định kiến trúc thượng tầng hay niềm tin của nó về mọi điều như đời sống gia đình, tôn giáo và đạo đức học.

Chủ nghĩa tư bản vẫn tồn tại thành công là nhờ giai cấp thống trị của nó độc quyền các lĩnh vực giáo dục, tôn giáo, luật pháp, truyền thông và triết học trong hơn 200 năm qua. Con người có thể có những quan điểm luân lý khác nhau về hôn nhân: đó là một “Bí tích Hôn phối”; một “Thủ tục pháp lý”; một phần của một “hệ thống mẫu hình thân quyến” và các quan niệm khác. Nhưng chân lý “khoa học” về hôn nhân là nền tảng kinh tế của nó.

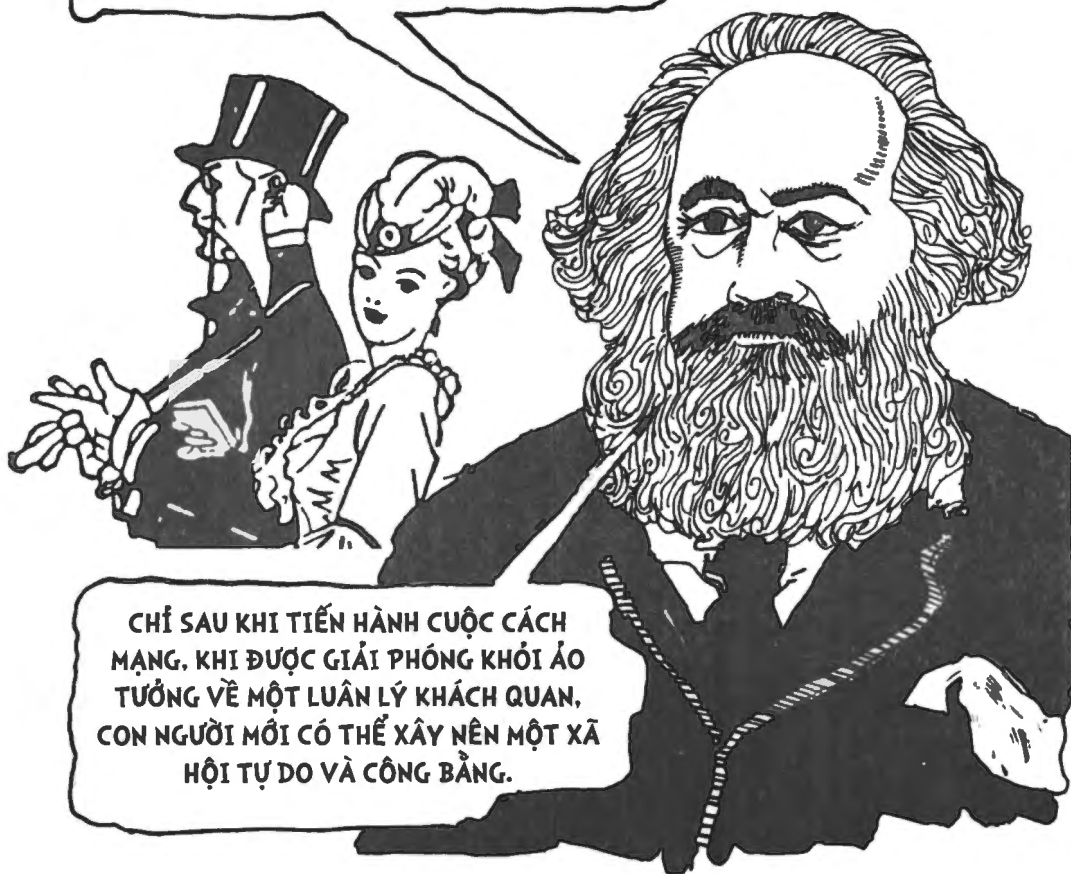


Marx thường phản đối tất cả lý luận hay học thuyết luân lý, vì lẽ “luân lý” luôn là ý thức hệ ngụy trang của quyền lợi giai cấp tư sản hay lợi ích kinh tế khác.

Ý THỨC SAI LẦM

Một cá nhân có thể tin rằng mình đang hành động trên nền tảng “đạo đức”, nhưng thực tế cá nhân ấy luôn hành động theo quyền lợi của giai cấp thống trị. Cô ta/anh ta sẽ là nạn nhân của “**Ý thức Sai lầm**”. Đây là đặc điểm hoạt động của ý thức hệ. Nó che giấu quyền lợi của một giai cấp nhân danh sự quan tâm luân lý phổ quát.

CON NGƯỜI QUÁ SẴN LÒNG TIN VÀO BẢN CHẤT VÔ VỤ LỢI CỦA “CÔNG LÝ” VÀ “ĐẠO ĐỨC” TƯ SẢN, THỰC TẾ HỌ CHỈ ĐẤU TRANH KHÔNG NGỪNG ĐỂ BẢO VỆ QUYỀN LỢI GIAI CẤP CỦA MÌNH MÀ THÔI.”



CHỈ SAU KHI TIẾN HÀNH CUỘC CÁCH MẠNG, KHI ĐƯỢC GIẢI PHÓNG KHỎI ẢO TƯỢNG VỀ MỘT LUÂN LÝ KHÁCH QUAN, CON NGƯỜI MỚI CÓ THỂ XÂY NÊN MỘT XÃ HỘI TỰ DO VÀ CÔNG BẰNG.

Ý thức lầm lạc được thay bằng cụm từ “**ý thức giai cấp**”: con người sẽ không tuân theo một hệ thống quy tắc đạo đức nếu không hiểu gì về nền tảng kinh tế của họ.

Lợi ích cách mạng vô sản có chính xác là “tốt” một cách vô tư khách quan hay không là điều chưa rõ ràng. Marx giả định rằng các trí thức cách mạng nhất định sẽ không bị tiêm nhiễm ý thức lăm lặc đó và vì thế họ vẫn biết chắc về sự xác tín luân lý phi Tư bản của riêng họ.

**ĐIỀU NÀY KHÔNG GÂY
NGUY HIỂM À?**



**LIỆU CHÚNG TA CÓ THỂ TIN RẰNG KHI CUỐI
CÙNG TẤT CẢ MỌI TÔN GIÁO, LUẬT PHÁP,
PHONG TỤC, TÀI SẢN VÀ NHÀ NƯỚC ĐỀU BỊ
HỦY BỎ. THÌ CÁCH NÀY HAY CÁCH KHÁC NIỀM
TIN LUÂN LÝ CỦA CHÚNG TA SẼ CÀNG “KHÁCH
QUAN” HƠN KHÔNG?**

CON GÀ LUÂN LÝ VÀ QUẢ TRỨNG GIAI CẤP

Lý giải của Marx về luân lý với tư cách là một phụ phẩm của hoạt động kinh tế cũng có vẻ kỳ lạ. Nếu không có thỏa ước hay quy tắc đạo đức, chính xã hội có lẽ không thể định hình được, và như vậy nó hiện hữu trước các khái niệm “giai cấp” và “phương thức sản xuất.” Tuy nhiên, rõ ràng là có một mối quan hệ cộng sinh và phức tạp giữa kinh tế và luân lý. Nếu đời sống kinh tế của bất kỳ xã hội nào trở nên hỗn loạn, thì các niềm tin đạo đức của các cá nhân thay đổi khá nhanh.

THUYẾT VỊ LỢI

Một cách nhìn “khách quan” triệt để khác về luân lý là **Thuyết Vị lợi**. Hai nhà sáng lập tư tưởng Vị lợi đều là thần đồng. **Jeremy Bentham** (1847-1832) khi mới lên 5 tuổi đã biết đọc tiếng Latinh và Hy Lạp, 16 tuổi đã tốt nghiệp Viện Đại học Oxford. **J.S. Mill** (1806-73) có thể nói sõi tiếng Hy Lạp khi cậu mới lên 3 và giúp cha soạn thảo kinh tế học khi cậu 14 tuổi. Cả hai vị đều là người theo thuyết Duy nghiệm cấp tiến. Họ cho rằng tri thức phải xuất phát từ các giác quan và không chỉ do tâm trí con người nghĩ ra. Họ cũng là những nhà có tư tưởng dân chủ nhiệt thành, chống lại các nguyên tắc xã hội, chống chủ nghĩa quân chủ, chống chủ nghĩa đế quốc – những suy nghĩ khá là không khôn ngoan cuối thế kỷ 18 ở Anh quốc thời Nữ hoàng Victoria.

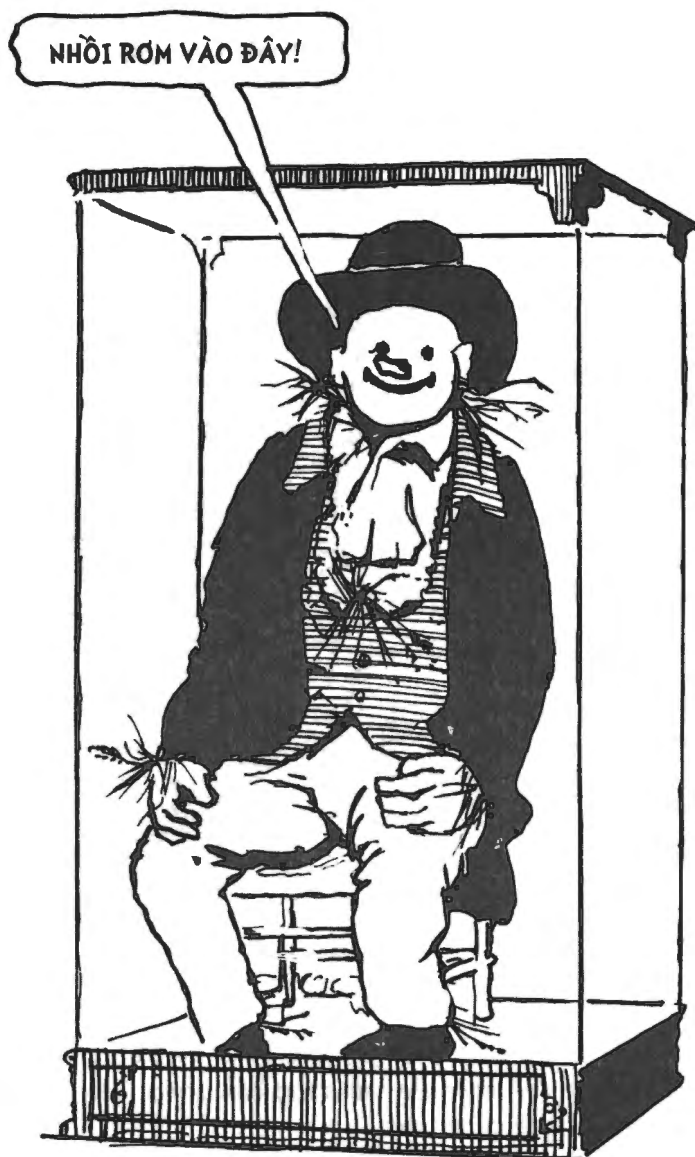


Jeremy Bentham
1748 – 1832



John Stuart Mill
1806 – 1873

Bentham có vẻ là người ẩn dật lập dị, tính cách dè dặt làm ông khó mà tiếp một lần hai khách trở lên. Ông nuôi chuột và một con heo cừ quanh quần theo ông. Triết gia cũng thiết kế một nhà tù toàn trị tối tệ – Nhà tù Panopticon, gọi như thế vì tù nhân bị giám sát suốt 24 giờ trong ngày. Ông là triết gia vô thần quân phiệt và tin rằng thân nhân qua đời không nên đem an táng mà nên nhồi rơm và giữ làm vật trang trí trong nhà.



Khi mất, di hài ông được giải phẫu trước sự chứng kiến của nhóm bạn và người thân tại Trường Đại học University College ở Luân Đôn. Bộ xương ông vẫn còn lưu tại đây, được nhồi rơm bên trong và đầu được đúc bằng sáp.

LUẬT PHÁP VÀ LUÂN LÝ

Bentham là một luật sư, đã viết tác phẩm có tựa rất hay là **Dẫn nhập vào các nguyên tắc luân lý và pháp chế** năm 1789 – cùng năm với Cách mạng Pháp nổ ra. Ông cho rằng luật pháp Anh quá phức tạp – phần lớn bởi vì nó không dựa trên nền tảng khoa học hay logic nào.



Bentham nghĩ rằng tất cả những lý giải về cơ sở luật định này thật sự “vớ vẩn” hay “vô đoán” – người ta bảo rằng luật pháp Anh là hệ thống thiện hảo đơn giản vì người ta nói thế.

Bentham quyết định cải biến luật pháp và luân lý thành môn “khoa học” – giống như cách mà xã hội học và tâm lý học khẳng định thực hiện để nghiên cứu con người một cách “khoa học.”

TỔNG HẠNH PHÚC

Như thông lệ của các triết gia luân lý, ông bắt đầu nêu lên định nghĩa của mình về bản chất con người. Con người nằm “dưới sự cai quản của hai chủ nhân tối cao: đau khổ và lạc thú”. Có nghĩa con người là những sinh thể thụ cảm nỗi đau và niềm khoái lạc, họ luôn tìm kiếm lạc thú và tránh bị đón đau. Đối với Bentham, các dự luật chỉ được thông qua khi có thể tăng tối đa hạnh phúc và giảm thiểu đau khổ cho nhiều người nhất.

Đây là lý giải của thuyết Vị lợi:

THAY VÌ DỰA VÀO NHỮNG Ý NIỆM MƠ HỒ
VỀ CẢM GIÁC HAY LƯƠNG TÂM, CHÚNG
TA PHÂN LOẠI VÀ ĐO LƯỜNG BẤT KỲ
HÀNH ĐỘNG NÀO THEO NGHĨA BAO
NHIÊU ĐƠN VỊ ĐAU KHỔ VÀ HẠNH PHÚC
MÀ NÓ SINH RA.



Rồi bạn xác lập việc thực hiện “tính tổng hạnh phúc” với cái mà Bentham gọi là “phép tính lạc thú” (Bạn đặt câu hỏi hạnh phúc đó sâu xa bao nhiêu, kéo dài bao lâu, có khả năng cảm nhận thế nào, có hiệu ứng phụ khó chịu gì không và những chất vấn khác). Bạn cũng nỗ lực làm sao cho hạnh phúc được lan tỏa sâu rộng nhất, để nó tạo ra cái Bentham gọi là “Cái Tốt Chung” hay là “hạnh phúc lớn nhất cho nhiều người nhất”.

MỘT VỊ DỤ THỰC TẾ

Hãy giả dụ chính quyền muốn thông qua một luật tư nhân hóa các tiện ích công cộng, ví dụ dịch vụ cấp nước. Người ta trưng cầu dân ý rồi tính tổng hạnh phúc rồi thì các nhà lập pháp sẽ theo đó thông qua luật.

ĐƠN VỊ ĐAU KHỔ VÀ HẠNH PHÚC

+H = ĐIỀU NÀY SẼ LÀM TÔI THẤY DỄ CHỊU

+2H = ĐIỀU NÀY SẼ LÀM TÔI KHÁ VUI VẺ

+3H = ĐIỀU NÀY SẼ KHIẾN TÔI RẤT VUI

+4H = ĐIỀU NÀY SẼ LÀM TÔI NGẤT NGÂY VUI SƯỚNG

-H = ĐIỀU NÀY HƠI LÀM TÔI PHẠT Ý

-2H = ĐIỀU NÀY LÀM TÔI HƠI KHÔNG VUI

-3H = ĐIỀU NÀY THẬT SỰ LÀM TÔI RẤT BUỒN

-4H = ĐIỀU NÀY LÀM TÔI BUỒN MUỐN CHẾT

Nếu kết quả bảng trưng cầu ý kiến là -3.5 triệu đơn vị H chỉ mức bất hạnh của người dân, nhưng nếu đạt +5 triệu đơn vị H chỉ mức hạnh phúc, thì dịch vụ cấp nước sẽ được tư nhân hóa, và đây là một “điều tốt đẹp”. Đa số người dân đã đạt được nguyện vọng của mình bởi thuyết Vị lợi mang tính dân chủ.

KẾT QUẢ CHỨ KHÔNG PHẢI LÀ ĐỘNG CƠ

Đối với những người theo thuyết vị lợi, động cơ không quan trọng; kết quả mới là điều họ nhắm đến. Họ nhấn mạnh đến hành động chứ không phải tác nhân. Bentham và Mill biện luận rằng không thể nhận biết và đo lường động cơ con người được, mà chỉ đánh giá được kết quả của hành động đó. Vì thế đôi khi ta gọi thuyết Vị lợi là “Chủ nghĩa hệ quả”.

Trong một số tình huống hiểm hoi, người ta chủ trương cho phép “hành động” của những người theo thuyết Vị lợi được thực hiện nhằm phá bỏ những quy tắc luân lý truyền thống nếu bằng cách đó mà họ mang đến sự cân bằng của hạnh phúc hơn khổ đau. Nếu một bác sĩ phẫu thuật não theo thuyết Vị lợi và một kẻ hành khát không biết gì về triết học cùng ở trên một chiếc bè ngập nước chỉ còn chờ được một người....



Bằng cách tự cứu mạng mình và với y thuật vốn có, vị bác sĩ phẫu thuật giết người kia sẽ mang lại nhiều hạnh phúc hơn cho nhiều người hơn là kẻ hành khát có khả năng làm được trong tương lai.

Môn đồ của Bentham là John Stuart Mill bị nhồi nhét giáo dục, đến khi được 20 tuổi thì ông bị suy sụp thần kinh.



Ông làm một viên chức ở Công ty Đông Ấn, rồi cuối cùng trở thành một nghị sĩ và tích cực lãnh đạo các chiến dịch đòi quyền bầu cử cho phụ nữ. Hai tác phẩm nổi danh nhất của ông về đạo đức học là **Bàn về Tự do** (1858) và **Thuyết vị lợi** (1863).

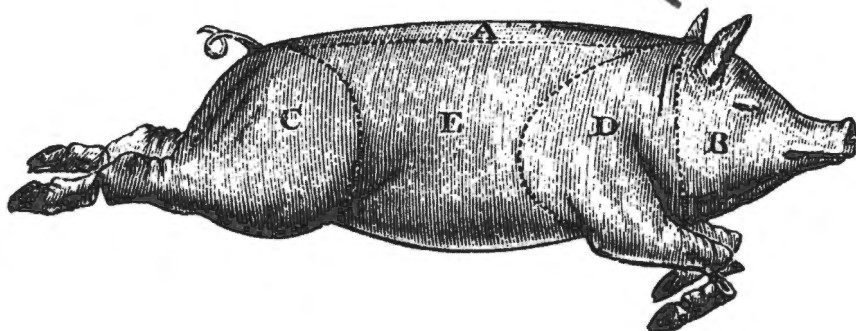
TƯ TƯỞNG CỦA MILL

Mill không nhất trí mọi chủ trương của Bentham. Ông tin rằng thuyết Vị lợi có thể biến thành một hệ thống luân lý cho thường dân cũng như cho các nhà lập pháp. Ông lo ngại về một số thái độ dân túy tầm thường hơn của Bentham và thích bàn về ý niệm “hạnh phúc” hơn là “lạc thú”. Ông cho rằng luân lý Vị lợi có thể giảm bớt tính duy vật đi bằng cách ưu tiên những loại hạnh phúc mang tính tâm linh và văn hóa hơn là những thú mang tính vật chất.

LÀM MỘT CON NGƯỜI BẤT MÃN CÒN
HƠN LÀM MỘT CON HEO THỎA MÃN



THẾ MỘT CON HEO BẤT
MÃN THÌ SAO?



NGƯỜI VỊ LỢI “THEO QUY TẮC”

Mill cũng cho rằng hầu hết con người bình thường luôn tuân thủ những quy tắc đạo đức truyền thống hơn là khi nào cũng “tính toán” xem họ nên làm gì. Có lẽ điều này làm cho Mill trở thành một nhà chủ trương vị lợi “theo quy tắc” – người tin rằng luân lý vẫn nên tuân theo các quy tắc đạo đức, ngay cả khi các quy tắc ấy được soạn định trên cơ sở vị lợi. (Bạn chỉ tuân thủ những quy tắc mà theo kinh nghiệm cho thấy chúng sẽ mang lại nhiều hạnh phúc nhất cho nhiều người nhất). Một số triết gia tin rằng luân lý là vấn đề mọi người phải luôn tuân thủ luật định.

KHI BẠN LUÔN BIẾT NHỮNG GÌ
NGƯỜI KHÁC SẼ LÀM, BẠN SẼ ĐƯỢC
BẢO ĐƯỢC VÀ AN TOÀN.

NHỮNG NHÀ VỊ LỢI “THUẦN
TÚY” TIN RẰNG MỖI HOÀN
CẢNH PHẢI ĐƯỢC XỬ LÝ KHÁC
NHAU TÙY THEO BỐI CẢNH

MỘT HỆ THỐNG QUY TẮC VỮNG
CHẮC BẮT BUỘC THỰC HIỆN
THÌ QUÁ Ứ CỨNG NHẮC.

ĐÔI KHI VIỆC PHÁ THAI LÀ SAI
ĐẠO LÝ.

NHIỀU LÚC KHÁC VIỆC ĐÓ LẠI ĐÚNG.
NGÀI KHÔNG THỂ ẮN ĐỊNH MỘT QUY
TẮC GIÁO ĐIỀU VỀ VẤN ĐỀ NÀY.



TƯ TƯỞNG ĐA NGUYÊN CỦA MILL

Mill lo lắng về “sự chuyên chế của số đông” trong tập tiểu luận “**Bàn về Tự do**” của ông. Ông là một nhà đa nguyên tâm cỡ. Một xã hội lành mạnh sẽ là nơi có vô vàn cá nhân khác nhau có lối sống khác nhau, có không gian sinh tồn cho những con người lập dị như “Lữ khách Thời đại Mới”. Chứng nào con người không can thiệp vào tự do người khác, thì họ nên được quyền suy nghĩ và hành động những gì họ tâm đắc.

NHỮNG NGƯỜI VỊ LỢI CÓ MỘT SỐ QUAN NIỆM RẤT THOÁNG VỀ VIỆC PHI TỘI PHẠM HÓA NHỮNG “TỘI ÁC KHÔNG NHẢM ĐẾN NẠN NHÂN NÀO” NHƯ DÙNG MA TÚY NHẹ HOẶC THỰC HIỆN “CÁI CHẾT ÊM ẮI”.

NHƯNG THEO NHỮNG NGƯỜI VỊ LỢI, NẾU ĐA SỐ NGƯỜI CHO RẰNG VIỆC THẤY NHỮNG LỮ KHÁCH THỜI ĐẠI MỚI TRONG TÙ HỌ MỚI VUI THÍCH, THÌ CHẮC CHÚNG TA CŨNG SẼ VÀO ĐÓ THÔI!

Trong một hệ thống Vị lợi, tổng mức hạnh phúc được ghi nhận từ số đông sẽ cao hơn so với tổng mức nhỏ hơn của sự cùng khổ của những lữ khách ấy.

Thuyết Vị lợi có thể không đảm bảo quyền lợi của từng cá nhân hay các nhóm thiểu số được.

HẠNH PHÚC LÀ GÌ?

Triết gia **Bernard Williams** (sinh năm 1929) yêu cầu chúng ta tưởng tượng một “cái máy Hedon” có thể tạo ra hạnh phúc ngay mà không gây nghiện để mọi người hưởng thụ suốt thời gian rỗi của họ. Hầu hết người vị lợi không thấy vấn đề gì với loại hạnh phúc “thứ phẩm” này, nhưng dường như trong ý tưởng này có điều gì không thỏa đáng.

CÓ LẼ CHÚNG TA NGHĨ RẰNG CON NGƯỜI ĐÂU CHỈ LÀ NHỮNG HỮU THỂ ĐAU ĐỐN - KHOÁI LẠC

CÓ LẼ ĐÔI KHI CHÚNG TA THÂM CHỈ CẦN CÓ ĐAU ĐỐN ĐỂ LÀM CHÚNG TA TRỞ NÊN CON NGƯỜI TOÀN THIỆN HƠN!



VÀ LIỆU THẬT SỰ CÓ THỂ “ĐO LƯỜNG” CÁC MỨC HẠNH PHÚC VÀ BẤT HẠNH CON NGƯỜI CHỦ QUAN NHƯ KHOAI TÂY THEO CÁCH MÀ BENTHAM VẪN KHẲNG KHẲNG ĐỊNH CHÚNG TA CÓ THỂ LÀM?

Đối với những người vị lợi, hạnh phúc thường ở dạng “cái thiện chung”, như thư viện, bệnh xá, trường học, hệ thống tháo nước tốt và những tiện ích khác. Có lẽ chúng ta không đo lường được hạnh phúc cá nhân chủ quan riêng tư, nhưng có lẽ các tiện ích công và hạnh phúc chúng mang lại thì có thể đánh giá được. Những nhà vị lợi ít nhất cũng đưa ra ý niệm triệt để rằng nhiệm vụ chủ yếu của chính quyền là mang lại hạnh phúc cho đa số người dân họ.

ĐIỀU NÀY CÓ THẬT SỰ KHOA HỌC KHÔNG?

Một triết lý đạo đức nếu không xem xét đến động cơ con người thì thật kỳ quặc. Chúng ta hay quan niệm rằng có đạo đức nghĩa là vừa suy nghĩ thiện lành vừa làm việc tốt. Một triết lý đạo đức khiến bạn phá vỡ những quy tắc đạo đức truyền thống “khi có cơ hội” thì khá đáng lo ngại. Bạn có muốn ở chung thuyền với một người vị lợi không?

Thêm nữa, liệu có đúng là thuyết Vị lợi có thể tạo nên “khoa học” đạo đức hay không? Mill nỗ lực thực hiện điều này bằng cách nhào nặn câu từ – với tuyên bố rằng khái niệm “tốt đẹp” có nghĩa là “hạnh phúc lớn nhất cho nhiều người nhất”. Tuy nhiên không phải khi nào ý muốn của số đông người cũng đều là tốt.



Mill nêu ý kiến cộng đồng luận của mình về điều này.



Nhân vật nghĩ mình có thể trả lời thuyết phục vấn đề này là Immanuel Kant.

LUẬT LUÂN LÝ VỀ BỐN PHẬN

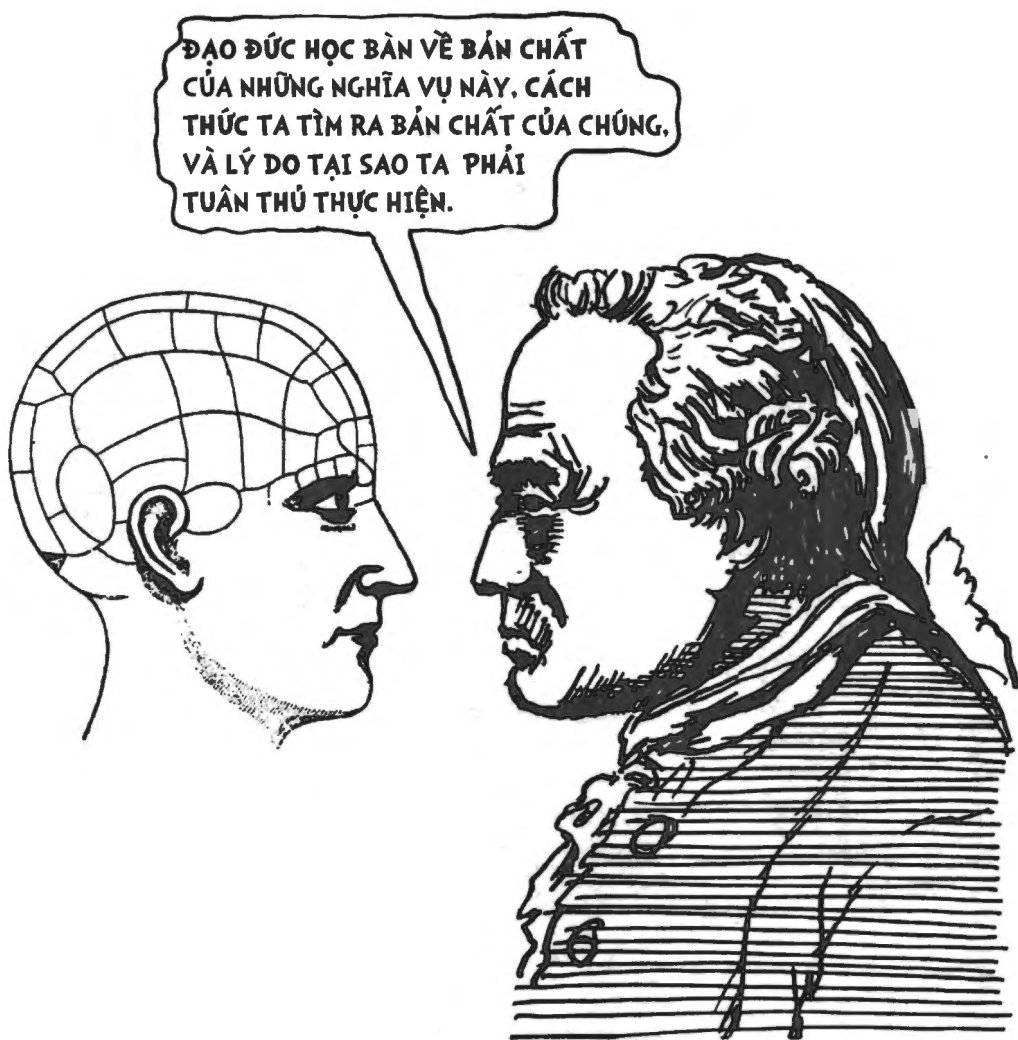
Immanuel Kant (1724-1804) không tán thành những gì ông tìm hiểu về thuyết Vị lợi và cho rằng hiếm khi nào luân lý có liên quan đến hạnh phúc. Kant sinh trưởng, làm việc và mất ở Königsberg, là một học giả chuyên nghiệp ăn lương nghiên cứu và giảng dạy triết học. Ông có những thói quen sống đơn điệu buồn cười đến nỗi người dân khi thấy ông đi dạo hàng ngày trong thành phố thì họ coi đồng hồ của mình có còn chỉnh lại giờ hay không.



Ông viết những lập luận này trong tác phẩm **Nền tảng siêu hình của đức lý**.

LÝ TÍNH THỰC HÀNH

Ông khai luận bằng cách hỏi yếu tố nào phân biệt một hành động luân lý với một hành động phi luân lý. Ông kết luận rằng một hành động luân lý là hành động được thực hiện từ **cảm giác nghĩa vụ** hơn là làm theo thiên hướng hay những ý thích của ta. Vì vậy mà Kant được xếp vào trường phái **Đạo nghĩa học** – người tin vào nghĩa vụ.



Trước tiên Kant khẳng định rằng con người là hữu thể lý trí. Mọi người đều có “Lý tính Lý thuyết” nhằm giúp họ thực hiện những nhiệm vụ trí óc phức tạp như toán và logic. Họ cũng có “Lý tính Thực hành” nhằm phục vụ cho “thiện chí” của họ. “Thiện chí” là động cơ làm chúng ta kiên quyết trở thành người tốt, và lý tính thực hành giúp chúng ta đạt được điều này.

NGHĨA VỤ VÀ XU HƯỚNG

Thực hiện nghĩa vụ của mình có nghĩa là luôn tuân thủ những “mệnh lệnh” hay luật luân lý bắt buộc nhất định, ngay cả nếu những luật này làm cá nhân chúng ta mệt mỏi và khó chịu. Thật khó để trở thành người tốt. Nó thường liên quan đến sự dằn vặt nội tâm giữa nghĩa vụ ta phải làm và ý muốn thật sự của ta. Đây là điều làm Kant khác biệt để so với những người theo thuyết Vị lợi. Chính những người theo trường phái Đạo nghĩa học như Kant thường có vẻ khắc khổ bởi họ luôn khước từ lạc thú cá nhân và nghiêm khắc thực hiện nghĩa vụ luân lý của họ.

CÓ LẼ CHÚNG TA CÓ THỂ THỰC HIỆN
MỘT SỐ HÀNH VI KẾT HỢP SỞ THÍCH VÀ
NGHĨA VỤ... BẰNG CÁCH TRỞ THÀNH BẠC
CHA MẸ YÊU THƯƠNG VÀ CÓ BỐN PHẬN
CHĂM LO CON CÁI. VÍ DỤ THẾ.



TUY NHIÊN, NHỮNG HÀNH VI THỰC HIỆN
VÌ NGHĨA VỤ LUÔN LUÔN CAO CẢ HƠN.

NGŨ NGÔN LUÂN LÝ CỦA MỘT THANH NIÊN GIÀU CÓ

Kant cho rằng một thanh niên giàu có, ngây thơ, cứ hồn nhiên cho tiền người ăn xin thì chưa hẳn là người có đạo đức. Mặc dù kết quả của tấm lòng hào hiệp theo bản năng của anh ta rõ ràng là tốt cho người ăn xin địa phương, nhưng anh ta không hề có ý thức về bốn phạm luân lý của mình là gì.



TRONG TÂM TRÍ ANH ẤY KHÔNG CÓ CUỘC
ĐẤU TRANH NÀO GIỮA NGHĨA VỤ VÀ SỞ
THÍCH CỦA MÌNH.

Anh ta giống một đứa trẻ ngẫu nhiên mà đi được nước cờ hay trên bàn cờ. Anh ta không có sự hiểu biết nội hàm về luật chơi hay mục đích chơi cờ. Luân lý đối với Kant là một việc nghiêm túc. Nó liên quan đến việc chọn **các nghĩa vụ**, chứ không phải ý muốn; **động cơ** chứ không phải kết quả, đó mới là nét phân biệt trọng tâm của một hành động đạo đức. Luân lý không phải là làm những gì đến một cách tự nhiên, mà **chống lại** việc xảy đến một cách tự nhiên.

TRẮC NGHIỆM TÍNH PHỔ QUÁT

Kant lý giải việc làm thế nào chúng ta có thể xác định những quy tắc đạo đức bắt buộc. Chúng ta cố gắng hiểu bản tính của nó không phải bằng cách tự hỏi chúng ta muốn làm gì, mà bằng cách sử dụng lý tính của mình. Ông yêu cầu chúng ta hình dung ra điều gì sẽ xảy ra nếu ta “phổ quát hóa” những gì muốn thực hiện, luôn làm sao để chúng ta xem con người là mục đích chứ không bao giờ là phương tiện của mình. Chẳng hạn chúng ta muốn ăn cắp. Nếu khi ai ai cũng trộm cắp của nhau thì không chỉ xã hội nhanh chóng bị sụp đổ, mà quan trọng hơn theo Kant, khái niệm “trộm cắp” chính nó sẽ trở thành một thứ “lỗ đen” phi lý.

SẼ CHẴNG AI HIỂU “TRỘM CẮP” VÀ “TÀI SẢN” CÓ NGHĨA LÀ GÌ, NẾU TRỘM CẮP TRỞ THÀNH MỘT HÀNH VI BÌNH THƯỜNG. VÌ THẾ, TRỘM CẮP LÀ PHI LOGIC.



Bằng cách sử dụng lý trí và “Trắc nghiệm Tính phổ quát”, chúng ta đã gián tiếp tìm ra quy tắc bắt buộc hay là **“mệnh lệnh nhất quyết”**: Không được trộm cắp! Thử nghiệm này giống như một “la bàn đạo đức”, luôn chỉ rõ cho chúng ta thấy “hướng Bắc đạo đức” chính thực. Thử nghiệm này cũng để chống lại việc nói dối. Nếu con người khi nào cũng dối trá, thì chân lý và ý nghĩa đâu còn nữa. Vì thế, việc nói dối là phi lý và không được phép. Như vậy Kant đã nỗ lực chứng tỏ cho chúng ta thấy tại sao các quy tắc đạo đức lại mang tính bắt buộc.

NHỮNG QUY TẮC CỨNG NHẮC

Nhưng liệu chúng ta thật sự chấp nhận rằng nói dối không bao giờ là đúng chẳng?

Đạo đức học Kant có vẻ quá hoàn hảo đối với hầu hết mọi người. Những quy tắc đạo đức giống như những khái quát hữu ích: nói chung chúng ta nghĩ rằng tốt nhất là không nói dối, nhưng trong một số trường hợp nhất định thì rõ ràng nói dối cũng không sai về đạo đức.

BẠN SẼ ỨNG XỬ THẾ NÀO NẾU CÓ CẢNH SÁT MẬT GỖ CỦA NHÀ BẠN VÀ HỎI BẠN THÂN CỦA BẠN CÓ TRỐN TRONG HẦM CHỨA ĐỒ KHÔNG?

KANT KHÔNG CHO PHÉP BẠN NÓI DỐI!



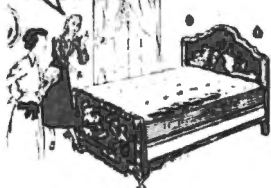
Hệ thống quy tắc bắt buộc của Kant dường như rất vững chắc và kỳ quặc vì nó không chấp nhận trường hợp ngoại lệ nào. Nó cũng không thể giúp chúng ta có sự lựa chọn giữa các quy tắc đạo đức. Đôi khi ta còn không thể vừa giữ lời hứa, vừa nói ra sự thật.

HÃY HÌNH DUNG CÔ BẠN GÁI KỂ CHO BẠN RẰNG CÔ ẤY ĐANG NGOẠI TÌNH, VÀ BẠN HỨA VỚI CÔ ẤY LÀ KHÔNG TIẾT LỘ CHO AI.

RỒI CHỒNG CÔ ẤY HỎI BẠN LIỆU VỢ ANH TA CÓ CHUNG THỦY KHÔNG, BẠN SẼ NÓI GÌ?

MÌNH ĐANG CÓ MỘT TÌNH VỤM TRỘM.

VỢ TÔI HIỆN CÓ CẶP BỒ VỚI AI KHÔNG?



Trong tình huống này đơn giản là bạn không thể giữ lời hứa và buộc phải nói ra sự thật kia và Kant không nêu lên phương cách để quyết định nên theo quy tắc nào.

SỰ TƯỜNG TƯỢNG ĐẠO ĐỨC

Kant dường như cho rằng là con người lý trí, chúng ta “phải” có đạo đức, kiểu như ta “phải” chấp nhận rằng $2 + 2$ “phải” bằng 4. Vấn đề là tính tất yếu logic của toán học là nội tại của nó, nhưng lựa chọn đạo đức thì không “nhất thiết” như vậy. Nhiều người có thể và đã quyết định phải xấu xa và thực hiện hành vi độc ác một cách hợp lý. Nhưng Kant có lẽ đúng khi ông nhấn mạnh tầm quan trọng của động cơ trong đạo đức học, và ông vẫn khẳng định tính phổ quát là một phần chủ yếu của nó.



Kant cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tường tượng luân lý. Để có đạo đức, chúng ta phải luôn tưởng tượng mình là người cuối cùng nhận được quyết định từ những người khác. Những người xấu xa, nói cách khác, thì chỉ có thể là người không biết tường tượng.

CÁC HỌC THUYẾT ĐẠO ĐỨC TƯƠNG PHẢN NHAU

Những người theo thuyết Vị lợi và thuyết Đạo nghĩa không ngừng tranh cãi nhau liệu đạo đức học nên như thế nào. Một số người cho rằng luân lý nên mang tính thực dụng và lấy hạnh phúc con người cùng sự với sự hoàn thiện cá nhân làm trọng. Người khác thì nghĩ đạo đức học nên được tinh khiết và “vượt lên” mọi ham muốn của người đời.

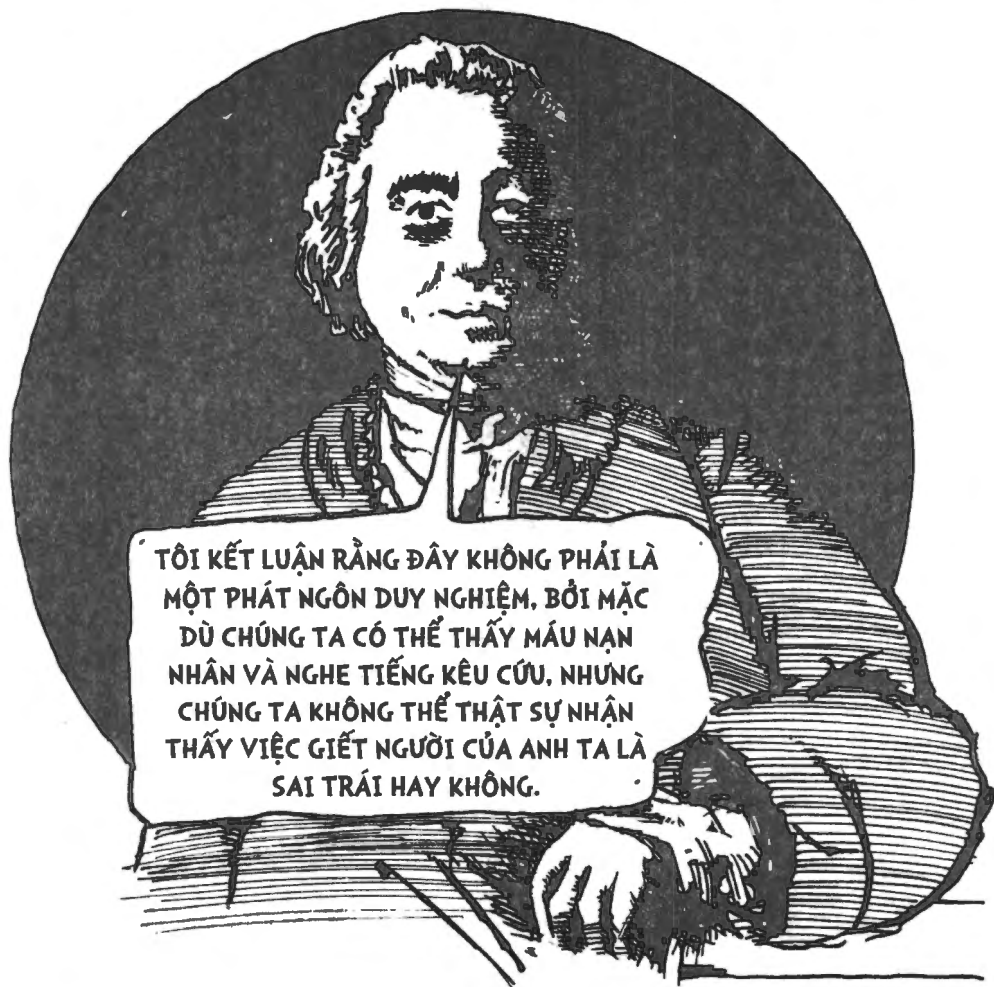


Rõ ràng là thuyết Vị lợi đem lại khả năng xử lý linh hoạt hơn, nhưng những người theo thuyết Đạo nghĩa bảo vệ luân lý một cách mạnh mẽ hơn và xem nghĩa vụ “nhìn nhận trái chiều” như đặt nặng hơn việc giữ lời hứa. Cả hai học thuyết thường dẫn đến mục tiêu luân lý tương tự nhau, ngay cả khi các phương thức thực hiện rất khác nhau.

THUYẾT HOÀI NGHI TRIỆT ĐỂ CỦA HUME

David Hume (1711-76), triết gia người Scotland, đặt câu hỏi liệu có một khái niệm gọi là tri thức đạo đức không. Hume là người theo chủ nghĩa hoài nghi và chủ nghĩa kinh nghiệm cấp tiến. Ông tin rằng hầu hết tri thức chúng ta đều có được thông qua các giác quan của mình. Ông nghĩ ra một kiểu triết học luân lý thường gọi là **siêu đạo đức học** – nghiên cứu về ngôn ngữ của luân lý đạo đức, ý nghĩa, chức năng và sự xác tín. Siêu đạo đức học không ban cho ai lời khuyên đạo đức nào. Nhưng những kết luận của nó thì lại thường làm ta giật mình.

Trong tác phẩm “**Lược về bản chất con người**” (1740) của mình, Hume đặt câu hỏi một phát ngôn như “Giết người là sai trái” có nghĩa là gì.



TÔI KẾT LUẬN RẰNG ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ
MỘT PHÁT NGÔN DUY NGHIỆM, BỞI MẶC
DÙ CHÚNG TA CÓ THỂ THẤY MÁU NẠN
NHÂN VÀ NGHE TIẾNG KÊU CỨU, NHƯNG
CHÚNG TA KHÔNG THỂ THẬT SỰ NHẬN
THẤY VIỆC GIẾT NGƯỜI CỦA ANH TA LÀ
SAI TRÁI HAY KHÔNG.

Câu “Giết người là sai trái” không thể hiện thông điệp giống như loại câu “Cỏ màu xanh”, ngay cả mặc dù hai câu này về mặt cấu trúc ngữ pháp thì như nhau.

Hume cũng cho rằng chúng ta không thể dùng logic hay lý tính để chứng minh chân lý của niềm tin đạo đức. Một quy tắc quan trọng của logic diễn dịch là không ai được phép nguy tạo thêm thông tin từ các tiền đề của một lập luận vào một kết luận. Nếu làm vậy, lập luận của bạn sẽ không có hiệu lực. Đây là một ví dụ....



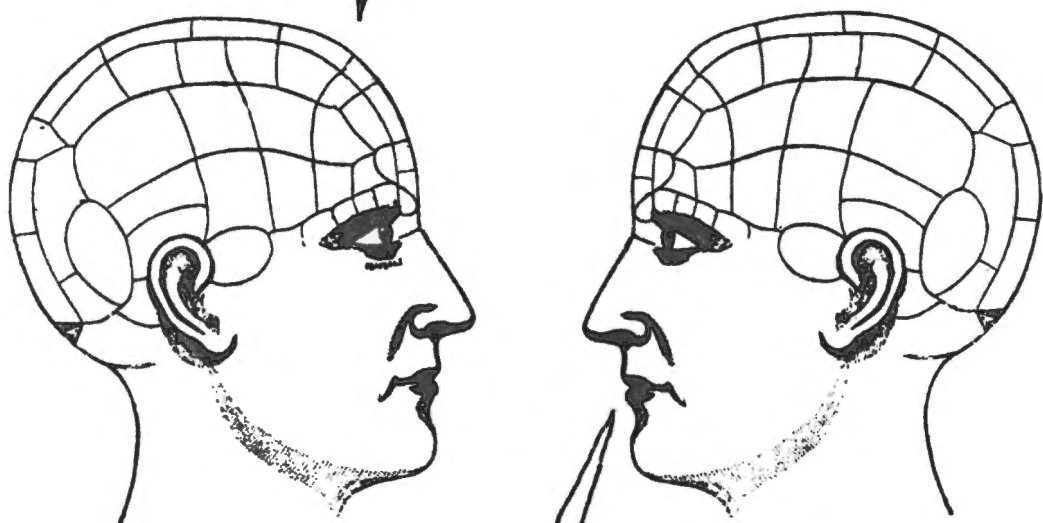
Tất cả những gì bạn chứng minh được là Tiddles cũng có bọ chết chứ không thể có thông tin gì hơn. Tương tự, bạn không thể chứng minh việc trộm cắp là sai trái trong một kết luận rút ra từ hai tiền đề khẳng định như kia...



Có một “khoảng cách” giữa các câu khẳng định thực tế (các câu có động từ “là”) và các câu mang tính luân lý (những câu có từ “nên”). Lập luận đó không hiệu lực vì nó “hồ đồ” rút ra kết luận. Chúng ta không thể chứng minh niềm tin đạo đức bằng cách sử dụng logic, có nghĩa là bạn không thể chứng minh được các mệnh đề luân lý chỉ bằng việc suy gộp các dữ kiện được.

Vì thế, các thông điệp luân lý là một thách đố bởi nó dường như không rơi vào các phạm trù chuẩn mực của tri thức logic hay thực nghiệm mà các triết gia đã tuyên bố là các phạm trù thực sự duy nhất.

ĐIỀU NÀY CÓ NGHĨA LÀ CÁC TRIẾT GIA NHƯ
PLATO VÀ KANT ĐÃ SAI LẦM KHI TIN RẰNG
“LÝ TÍNH” CÓ THỂ LÀ NGUỒN GỐC CỦA CÁC
CHÂN LÝ ĐẠO ĐỨC.



HƠN NỮA, NẾU CHÚNG TA KHÔNG THỂ XÁC
LẬP TRI THỨC ĐẠO ĐỨC TỪ CÁC DỮ KIỆN
THỰC NGHIỆM, THÌ THUYẾT VỊ LỢI CŨNG
KHÔNG MANG TÍNH KHOA HỌC HOẶC KHÔNG
THỂ CHỨNG MINH ĐƯỢC.

NIỀM TIN THUỘC VỀ TÂM LÝ

Vậy những thông điệp luân lý là gì? Hume kết luận rằng một thông điệp như “Giết người là sai trái” thật sự là việc ai đó thuật lại cảm nghĩ chủ quan của mình với chúng ta về việc giết người. Vì thế, nếu có người bảo “Giết người là sai trái” thì câu này chỉ có nghĩa “Tôi không tán thành việc giết người.”

TỪ MỘT THÔNG ĐIỆP NHƯ THẾ, TẤT CẢ NHỮNG GÌ CHÚNG TA CÓ THỂ CHẮC CHẮN LÀ TRẠNG THÁI TÂM LÝ THUỘC VỀ TÂM TRÍ MỘT CÁ NHÂN.



Hume cố gắng trấn an chúng ta bằng cách nhấn mạnh rằng tất cả chúng ta thường có những cảm xúc giống như cá nhân này bởi vì chúng ta đều là những người “đồng cảm” theo bản năng nhận ra người khác đang gặp rắc rối. Nhưng phần hoài nghi của con người Hume là kiên quyết cho chúng ta thấy có rất ít “tri thức” mà chúng ta thật sự xác tín. Niềm tin đạo đức của chúng ta có **tính tâm lý** hơn là logic hay thực nghiệm, nhưng điều này không có nghĩa nó tầm thường vật vãn gì. Hume chỉ ra rằng không gì có thể ngăn trở chúng ta tổ chức xã hội dựa trên nền tảng thuyết Vị lợi nhằm làm cho nhiều người nhất được hạnh phúc bằng những nỗ lực cao nhất của chúng ta.

PHẢI CHĂNG “KHOẢNG CÁCH LÀ-NÊN” CHÍNH XÁC?

Một số triết gia hiện đại ngày nay không chắc là Hume có lý. Họ càng hoài nghi rằng “khoảng cách là-nên” có thể mang dáng dấp học thuyết hơn là một chân lý cơ bản của đạo đức học. Các “dữ kiện” như “tiền bạc” và “nợ nần” chỉ tồn tại trên nền tảng những phán đoán giá trị xã hội. Việc khẳng định từ ngữ hoặc thông điệp luận lý là hoàn toàn thực tế hay hoàn toàn cảm tính dường như cũng không đúng.



Chúng ta có thể bàn về những “dữ kiện” mang tính thể chế và xã hội, như việc giữ lời hứa, vốn có thể dẫn đến một lập luận hiệu lực như kiểu này...



THUYẾT CHỦ QUAN VÀ THUYẾT KHÁCH QUAN

Những người theo **thuyết Chủ quan** đồng ý với Hume rằng luân lý không gì khác hơn việc những cá nhân cho chúng ta biết cảm nghĩ của họ. Họ tin rằng không có cái gọi là “tri thức” đạo đức – cảm xúc không phải là dữ kiện.

Những người theo **thuyết Khách quan**, như Plato và người theo thuyết Vị lợi không đồng ý với Hume. Người theo thuyết Vị lợi theo “Chủ nghĩa Tự nhiên” tin rằng họ có thể xác lập luân lý thành một dạng “tri thức” khoa học và thực nghiệm. Plato, cũng như mọi tín hữu Kitô giáo, là một nhà phi tự nhiên luận, tin rằng có một điều mà ông gọi là “tri thức” đạo đức, nhưng nó hiện hữu với ta từ một nguồn phi thực nghiệm bí ẩn giống như trực giác.

Tri thức đạo đức có khả hữu không?

Quan điểm của thuyết Chủ quan và thuyết Khách quan là khác nhau và không thể hòa giải.



Nhưng nếu ta bảo rằng có “tri thức” đạo đức thì cũng có vẻ kỳ cục. Nếu có người nói “Có người sống trên sao Mộc”, chúng ta biết phải cần đến loại tri thức nào để chứng minh phát ngôn này đúng hay sai.

MẶC DÙ VẬY, LÀM SAO CHÚNG TA CÓ THỂ
TÌM RA MINH CHỨNG CHỨNG TỎ RẰNG
“GIẾT NGƯỜI LÀ SAI TRÁI”?

THẬT KHÓ HÌNH DUNG
BẰNG CÁCH NÀO ĐỂ TÌM RA
NHỮNG CÁI MÀ CHÚNG TA
PHẢI THỰC HIỆN TỪ MỘT SỰ
KHẢO SÁT THỰC NGHIỆM VỀ
THẾ GIỚI.

ĐIỀU NÀY CÓ NGHĨA CHÚNG TA KHÔNG THỂ CHỨNG TỎ
RẰNG NHỮNG KẺ SÁT HẠI TRẺ EM NÊN BỊ TRỪNG PHẠT, HOẶC
KHẲNG ĐỊNH MỘT CÁCH KHOA HỌC RẰNG CHÚNG NÊN BỊ TỔNG
VÀO TÙ VĨNH VIỄN CHỈ BỞI VÌ VIỆC ĐÓ SẼ LÀM NHIỀU
NGƯỜI HẠNH PHÚC.

NGÔN TỪ ĐẠO ĐỨC LÀ VÔ NGHĨA

Một triết gia hiện đại người Anh, **A.J. Ayer** (1910-89) cũng tỏ ra hoài nghi như Hume về khả năng của “tri thức” đạo đức. Phân tích thực chứng luận của Ayer về ngôn từ đạo đức thậm chí dữ dội hơn phân tích của Hume. Trong tác phẩm **Ngôn ngữ, Chân lý và Logic** của mình (1936), Ayer cho rằng ngôn từ đạo đức là vô nghĩa. Một phát ngôn như “Giết người là sai trái” thậm chí không phải là ai đó thể hiện cảm xúc với chúng ta, mà chỉ là **diễn tả** nó thôi. **Thuyết Cảm xúc** của Ayer đôi khi được gọi là thuyết “hurrah-boo”, bởi đối với ông nếu ai đó bảo “Giết người là sai trái” thì đó chỉ là họ thốt lên “Ôi trời ơi giết người!” hoặc một kiểu cảm thán theo bản năng nguyên thủy.

ĐIỀU NÀY CÓ NGHĨA LÀ BẤT KỲ CUỘC TRANH LUẬN NÀO GIỮA NHÓM NGƯỜI VỀ MỘT VẤN ĐỀ LUÂN LÝ THÌ QUÁ VÔ NGHĨA, KHÔNG ĐI ĐẾN ĐÂU VÀ PHI LÝ.



Theo quan điểm Ayer, tất cả “triết học luân lý” đều có một sai lầm về logic và ngôn từ nào đó. Không có cái gọi là “tri thức” đạo đức hay sự xác tín luân lý, và không có chuyên gia đạo đức nào có thể soi tỏ cho ta điều đúng sai phải trái.

Các kết luận triệt để của Ayer về sự vô nghĩa của ngôn từ đạo đức đã gây sốc cho nhiều “chuyên gia” đạo đức người Anh. Họ cho rằng sự phân tích logic của ông về đạo đức học tất yếu dẫn đến tình trạng hư vô và hỗn loạn đạo lý.

THUYẾT MỆNH LỆNH

Nhà phân tích triết học gần đây hơn, **Richard Hare** (sinh 1919) thường được xem là **người theo thuyết Mệnh lệnh**. Trong tác phẩm **Ngôn từ Đạo đức** (1952), Hare khẳng định rằng một phát ngôn luân lý như “Giết người là sai trái” không phải chỉ là một sự biểu lộ cảm xúc, mà giống lời khuyến nghị hay một mệnh lệnh, như “Không được giết người”. Về mặt này, Hare có quan điểm như Kant.

TÔI TIN RẰNG LUÂN LÝ BÀN VỀ VIỆC TUÂN THỦ MỆNH LỆNH HOẶC LÀ THỰC HÀNH THEO CÁC QUY TẮC. TUY NHIÊN, CÁC MỆNH LỆNH LUÂN LÝ KHÔNG GIỐNG CÁC MỆNH LỆNH BÌNH THƯỜNG Ở CHỖ NÓ MANG TÍNH PHỔ QUÁT CHỨ KHÔNG MANG TÍNH ĐẶC THÙ.

ĐÓ LÀ TẠI SAO “KHÔNG ĐƯỢC TRỘM CẮP” SẼ KHÁC “ĐỪNG SỬ DỤNG MÁY TIỀN MÀ KHÔNG MANG KÍNH BẢO HỘ”.

Hare tin chắc rằng ngôn từ đạo đức có một loại “logic” nội tại của chính nó bởi nó áp dụng quy luật phổ quát vào các trường hợp cụ thể hơn là logic bình thường. Vì thế, cũng như Kant, ông nghĩ xấu xa nghĩa là mâu thuẫn.

TÂM QUAN TRỌNG CỦA TRÍ TƯỚNG TƯỢNG

Hare cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của trí tưởng tượng trong đạo đức học. Nếu tính phổ quát có chức năng hạn chế hành vi của chúng ta, thì ta phải có khả năng tưởng tượng mình sẽ phải chịu đựng những gì sẽ diễn ra.

THỬ NÓI RẰNG: “VÂNG, VÌ TÔI LÀ NGƯỜI DA ĐEN,
NÊN ÔNG CÓ THỂ BẮT TÔI LÀM NÔ LỆ...”

...HOẶC LÀ NÓI “VÂNG, ÔNG CỨ GIẾT TÔI ĐI
VÌ TÔI LÀ NGƯỜI DO THÁI”.

MỘT SỐ NHÀ PHÊ BÌNH ĐÃ CHỈ RA RẰNG VÀI NGƯỜI
CÓ TƯ TƯỞNG PHÂN BIỆT CHÚNG TỘC CỤC ĐOAN
VẪN CÓ THỂ TÁN THÀNH QUAN NIỆM NÀY, NGAY CẢ
KHI HỌ PHẢI CHỊU ĐỰNG NÓ.

NHƯNG CÓ LẼ CHÚNG TA
KHÔNG BAO GIỜ CÓ THỂ
HY VỌNG GIẢI THÍCH ĐẠO
ĐỨC HỌC VỚI NHỮNG KẾ
CƯỜNG TÍN.

Không phải khi nào vấn đề cũng sáng tỏ khi Hare cho phép chúng ta biện hộ rằng mình là một “trường hợp đặc biệt”. Có lẽ tất cả chúng ta đều nhất trí rằng một phụ nữ đang ôm một đứa con bị đói gần chết ngoài cửa tiệm bánh mì có thể được miễn thực hành quy tắc “Không được trộm cắp”. Nhưng không dễ mà xác định “các quy tắc được miễn trừ” là gì.

Thuyết Mệnh lệnh của Hare cũng dẫn đến một số hậu quả kỳ lạ. Chẳng hạn, có vẻ kỳ cục nếu ta bảo “Hitler xấu xa” có nghĩa là “Đừng cư xử như Hitler” hoặc “Thánh Francis là một người tốt” nghĩa là “Hãy cho đi tất cả tài sản của bạn và thuyết giáo cho những chú chim nghe”. Hầu hết mọi người cho rằng những mệnh đề như thế mang tính mô tả chứ không mang tính điều lệnh tí nào.

LỰA CHỌN HIỆN HỮU: CHỦ NGHĨA HIỆN SINH

Một triết gia theo chủ nghĩa cá nhân luận và lãng mạn hơn, Nhà hiện sinh **Jean Paul Sartre** (1905-80) tin rằng mọi cá nhân đều là độc nhất, vì thế không ai có thể khái quát ý niệm về “bản chất con người”. Điều này có nghĩa là triết học luân lý không thể được đúc rút từ một định nghĩa về “bản chất con người”, dù cho nó có một mục đích (Aristotle), có lý tính (Kant), hay tồn tại như một sinh thể cảm nhận khoái lạc-đớn đau (Bentham).

CHÍNH CHÚNG TA MỚI LÀ NGƯỜI CHỊU
TRÁCH NHIỆM VỀ BẢN TÍNH HAY TÍNH CÁCH
“CỐT LÕI” CỦA MÌNH.



Nếu “hèn nhát”, thì đó là bởi vì chúng ta đã chọn lối sống “hèn nhát” chứ không phải Thượng đế hay Tạo hóa khiến ta như vậy. Tương tự như vậy nếu chúng ta “xấu xa”, thì ta có thể lựa chọn lại tốt đẹp hơn.

Mặc dù bị hạn định trong những gì chúng ta chọn do “kiện tính” (như kinh tế học và di truyền học), theo Sartre chúng ta “hoàn toàn tự do” tự mình trưởng thành.

CHÚNG TA KHÔNG GIỐNG NHƯ CON DAO
RỌC GIẤY HAY LÀ BÁNH QUY HÌNH NGƯỜI
CÓ VỊ GỪNG, ĐÃ “ĐƯỢC QUY ĐỊNH” CHO
MỘT ĐẶC TÍNH TỪ TRƯỚC RỒI.



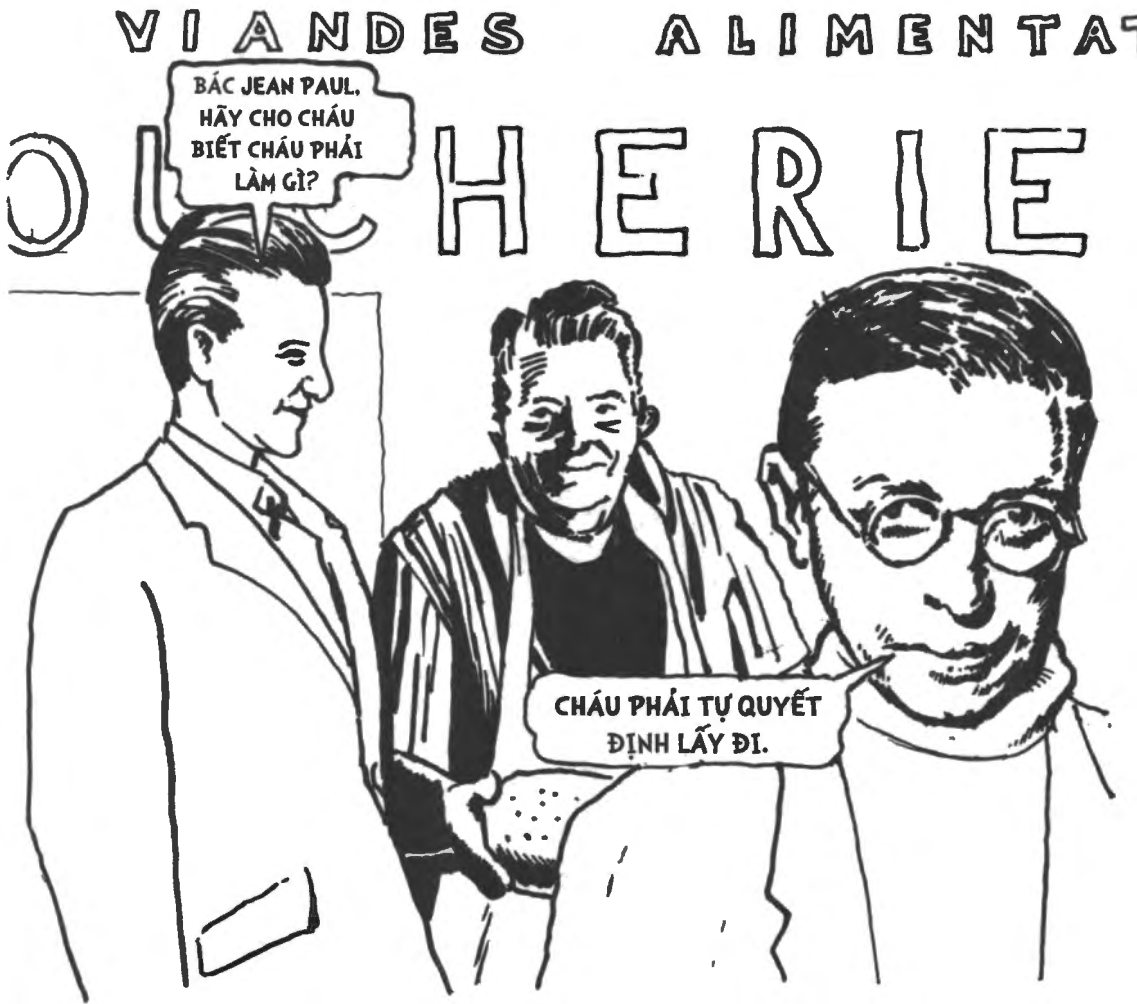
Những ai chối bỏ sự thật về “tự do”, thì theo Sartre, là những người hèn nhát “giả dối” và là người “bất tín”. Những người tìm kiếm hay đưa ra những chỉ dẫn và lời khuyên luân lý đều ngu ngốc và xấu xa như nhau.

Hơn nữa, theo lệ thường, xã hội luôn chế định tự do cá nhân của chúng ta và muốn gò chúng ta vào khuôn khổ “những công dân gương mẫu”.



SINH VIÊN KHÔNG THỂ QUYẾT ĐỊNH

Thời nước Pháp bị quân Đức chiếm đóng, một sinh viên không thể quyết định nên gia nhập hàng ngũ Kháng chiến hay ở nhà chăm sóc mẹ già góa bụa của mình.



Không có “hệ thống” hay “quy tắc” hoặc “bậc thầy” luân lý nào giúp anh ta được cả. Anh sinh viên hoàn toàn tự do quyết định mọi chuyện. Anh ta hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định cuối cùng của mình và nếu quyết sai thì sinh viên ấy phải chịu mọi “đau khổ” có thể xảy ra. Đối với Sartre, luân lý hoàn toàn xoay quanh việc tự do lựa chọn, chứ không phải cái được chọn.

Sartre ngụ ý rằng quyết định luân lý đối với sinh viên và với chúng ta là một công việc hoàn toàn cá nhân, mang tính trực giác và cô độc của việc thực hiện “các lựa chọn nền tảng”.



Trong tiểu luận “**Chủ nghĩa hiện sinh và chủ nghĩa nhân bản**” (1948), Sartre đã diễn đạt nhẹ nhàng hơn lời khuyên khắc nghiệt với những gợi ý của Kant rằng những người theo chủ nghĩa Hiện sinh ưu tú sẽ sống cuộc sống với quyết định “**làm như thể làm cho tất cả mọi người**”. Nhưng nỗ lực của Sartre nhằm loại trừ luật luân lý ra khỏi học thuyết hiện sinh của ông không thật sự thuyết phục mọi người. Chính sự công kích của ông vào các học thuyết, quy luật và hệ thống niềm tin đạo đức đã tạo nên ấn tượng sâu đậm nhất.



**CÓ LẼ CHÚNG TA KHÔNG THỂ NÓI “KHÁI QUÁT”
VỀ ĐẠO ĐỨC HỌC ĐƯỢC.**

**NHƯNG NẾU VẬY, TRƯỚC HẾT TA THẤY DƯỠNG
NHƯ KHÓ MÀ NHẬN RA VIỆC MÌNH DÙNG TỪ NGỮ
NHƯ THẾ NÀO, CHẴNG HẠN “ĐÚNG” VÀ “SAI”.**

Cũng có vẻ khá kỳ cục nếu ta tin rằng sinh viên trong ví dụ của Sartre phải thực hiện bất kỳ sự lựa chọn “nền tảng” đạo đức cơ bản nào. Hầu như ai cũng cho rằng anh ta đang lựa chọn giữa hai quy tắc: Bạn phải bảo vệ mẹ bạn và bạn phải bảo vệ tổ quốc. Quan điểm của Sartre về “tự do hoàn toàn” cũng kỳ lạ. Nhiều người có thể khẳng định rằng tự do của họ “còn lâu” mới được “hoàn toàn”.

Sự khẳng định của Sartre về “sự tự do hiện sinh” phải được nhìn nhận trong bối cảnh âm ảm thời chiến của nước Pháp bị Đức Quốc xã chiếm đóng và cơn ác mộng toàn trị của thể chế Phát xít lan tỏa khắp châu Âu và vùng Viễn Đông. Vậy cá nhân sẽ có lựa chọn gì trong những điều kiện như thế ngoài một sự lựa chọn đau khổ và khắc nghiệt?

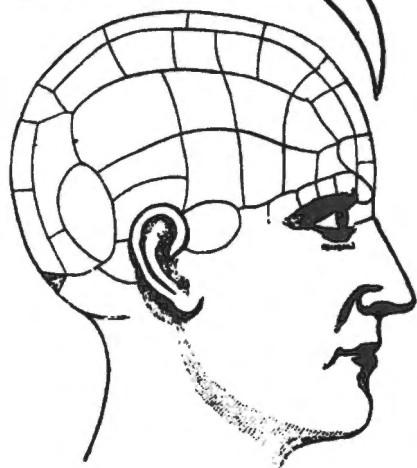


Chắc chắn Sartre và những người theo thuyết hiện sinh khác nhấn mạnh các đặc trưng của hành động đạo đức cá nhân là “đau khổ”, “tuyệt vọng”; “phi lý” và “quả cảm”. Sự tự do hoàn toàn nghịch lý thay lại là lựa chọn duy nhất mà sự **không** tự do toàn trị mang lại. Các vấn đề “bản chất con người”; “lý tính”, “tiện ích” và nhiều khái niệm khác, trở nên không quan trọng khi con người đặt cược hết vào tự do.

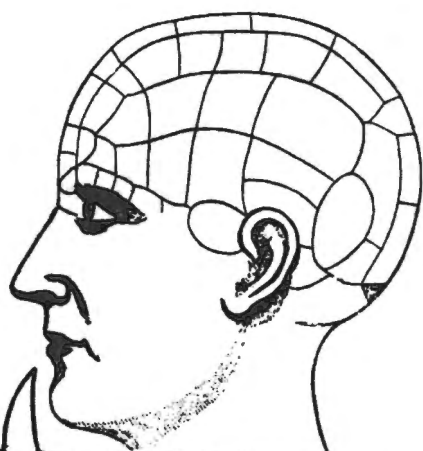
CON ĐƯỜNG ĐẾN CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI

Câu chuyện đạo đức học thời hậu chiến là câu chuyện về sự vô mông và bất định ngày càng gia tăng. Có một số lý giải cho vấn đề này. Một lý do là sự thay đổi trọng tâm trong triết học thời hậu chiến từ các vấn đề tri thức đến ý nghĩa. Như chúng ta đã thấy, điều này dẫn đến sự loại bỏ đạo đức học ra khỏi nhận thức luận.

CÁC TRIẾT GIA NGÔN NGỮ HOẶC
PHÂN TÍCH ĐƠN GIẢN LÀ KHÔNG
TIN VÀO MỘT KHÁI NIỆM NHƯ
“TRI THỨC ĐẠO ĐỨC”.



SỰ TRỐNG RỖNG TRONG NHẬN
THỨC LUẬN CỦA NGÔN TỬ ĐẠO
ĐỨC - ĐÓ LÀ NHỮNG GÌ MÀ
CHÚNG TA PHẢI KẾT THÚC.



Những mệnh đề đạo đức như “Trộm cắp là sai trái” không thể được chứng tỏ bằng thực nghiệm hoặc được đảm bảo bằng logic học, vì thế mà trở thành những phát ngôn cảm xúc và chủ quan không hơn không kém. Nếu tất cả mọi triết lý đạo đức là để thực hiện “mệnh đề nguy tạo” tỏ ra vô nghĩa, thì tất cả mọi nền tảng đạo đức đều không còn. Chúng ta chỉ còn lại những tín niệm con người không thể chứng minh được nếu không có bất kỳ nền tảng và sự đảm bảo nào.

CÁI VÔ THỨC VÀ Ý CHÍ TỰ DO CỦA ĐẠO ĐỨC

Cái vô thức gây sức ép lớn lên chúng ta nhằm thỏa mãn những dục vọng bản năng, điều mà Siêu Ngã ra lệnh cho Ngã phản đối. Cái Siêu Ngã tương tự như “lương tâm”; nó giống như giọng nói cha mẹ bắt buộc nhắc nhở ta các chuẩn mực xã hội hình thành từ thời thơ ấu. Cái Ngã ý thức dành phần nhiều thời gian làm trọng tài phân xử giữa cái Siêu Ngã uy quyền và tiếng nói đòi bình đẳng nhưng nguyên sơ hơn của cái Vô thức.

Mô hình ba thành phần của bản chất con người này đã bị phê phán là cực kỳ hoàn toàn phi khoa học, mà chắc chắn nó như vậy. Nhưng, với tư cách là một sự lý giải ẩn dụ về tâm lý con người, nó đã có một sức mạnh văn hóa vô biên. Freud đã nhấn mạnh sự xung đột không tránh khỏi và bất tận phải xảy ra giữa những dục vọng vô thức của cá nhân và các lực lượng văn minh có tính kiểm soát và kiểm duyệt.

MUỐN TRỞ THÀNH CON NGƯỜI XÃ HỘI.
CHÚNG TA PHẢI HY SINH VÀ PHỦ NHẬN
MỘT SỐ HÌNH THỨC THỎA MÃN MANG
TÍNH BẢN NĂNG.

HOW TO HYPNOTIZE

IT'S EASY TO HYPNOTIZE...

when you know how!



Want the thrill of making someone do exactly what you order? Try hypnotism! This amazing technique gives full personal satisfaction. You'll find it entertaining and gratifying. **HOW TO HYPNOTIZE** shows all you need to know. It put so simply, anyone can follow it. And there are 24 revealing photographs for your guidance. Complete directions for party and stage hypnotism.

SEND

Ten days' examination. We will send the coupon today. We will mail, in plain wrapper. If not in 10 days and your money back. Fishers, Dept. #5910 113 West

MAIL COUPON

STRAVON PUBLISHERS, Dept. H
113 West 57th St., N. Y. 19, N. Y.

Send **HOW TO HYPNOTIZE** in plain wrapper.

☐ Send C.O.D. I will pay postman \$1.
☐ I enclose \$1.98. Send postpaid.

If not delighted, I may return it in money back.

Name _____

Address _____

City _____ Zone _____ State _____

Canada & Foreign—\$2.50 with order



CÓ ĐẠO ĐỨC CÓ THỂ KHÔNG HỢP VỚI BẢN
TÍNH “THẬT SỰ” CỦA CHÚNG TA TÍ NÀO... ĐẶT
CƠ SỞ MỘT HỆ THỐNG LUÂN LÝ LÊN TRÊN VIỆC
CHÚNG TA LÀ GÌ “VỀ BẢN CHẤT”
CHẮC CHẮN SẼ BẤT KHẢ.

MÔ HÌNH CỦA FREUD VỀ TÂM LÝ (PSYCHE)

Rất khó có thể tham gia vào “bài tập định nghĩa” này sau khi phân tâm học đi vào trong truyền thống trí thức phương Tây. **Sigmund Freud** (1856-1939) có thể không phải là nhà khoa học vĩ đại như ông đã nghĩ, nhưng ông đã thay đổi triệt để cách hiểu của chúng ta về chính mình với tư cách là những hữu thể đạo đức.



CHO ĐẾN THỜI FREUD, HẦU HẾT CÁC TRIẾT GIA LUÂN LÝ GIẢ ĐỊNH RẰNG TÂM THỨC CON NGƯỜI “SẴN SÀNG ĐÓN NHẬN SỰ SUY XÉT”.

HỌ TƯ DUY TỪ GIẢ ĐỊNH RẰNG CHÚNG TA LUÔN KIỂM SOÁT ĐƯỢC CÁC TIẾN TRÌNH SUY NGHĨ CỦA MÌNH VÀ SỰ LỰA CHỌN CHÚNG TA THỰC HIỆN LÀ “CỦA CHÚNG TA”.

TÔI THAY ĐỔI MỌI LẬP LUẬN TRÊN!

Quan điểm của Freud về bản tính con người mang tính tiên định. Con người được “lập trình” bằng những tiến trình tâm lý bản năng được hình thành từ thời thơ ấu cho đến giai đoạn trưởng thành trong những “lớp” **vô thức, ngã** và **siêu ngã**. Phương thức vận hành “thật sự” của bản chất con người có thể được xem xét rõ nhất trong những cá nhân bị loạn thần kinh và tâm thần, hoặc trong các giấc mơ hoặc “sự lơ lửng” của các cá nhân “bình thường” và “khỏe mạnh”.

LACAN: HƯ CẤU VỀ CÁI TÔI

Học trò hiện đại triết để nhất của Freud là **Jacques Lacan** (1901-1981). Lacan có quan điểm triết để bởi ông cho rằng Vô thức hoàn toàn không phải là một thực thể nguyên bản nào đó mà chúng ta phải kiểm soát thông qua ý thức của chúng ta, mà thật ra đó là “hạt nhân” của chính bản ngã chúng ta. “Tôi ở nơi mà tôi không nghĩ tới”.

Theo Lacan, Vô thức được cấu trúc giống như một ngôn ngữ vì thế mà nó thường hiển thị sự hiện hữu cho chúng ta thông qua lối chơi chữ. Do đó “bản ngã” cơ bản mang tính ngôn ngữ, và bởi vì ngôn ngữ tồn tại với tư cách là cấu trúc trước khi cá nhân tiếp cận ngôn ngữ, nên toàn bộ khái niệm về “bản sắc con người” sẽ bị giải cấu trúc và không lý giải được.

ĐIỀU NÀY CÓ NGHĨA LÀ TRIẾT HỌC LUÂN LÝ (MÀ CHẮC CHẴN NHẤN MẠNH ĐẾN TÍNH ƯU VIỆT CỦA ĐỘNG CƠ VÀ TỰ CHỦ) SẼ GẶP NGUY. NẾU “BẢN NGÃ” LÀ MỘT ĐIỀU HƯ CẤU, THÌ LÀM SAO VIỆC TỰ TRI THỨC HAY NHỮNG LỰA CHỌN ĐẠO ĐỨC LÀ “CỦA CHÚNG TA” VÀ KHÔNG LÀ NHỮNG THỂ KIẾN TẠO NGÔN NGỮ THUẦN TÚY ĐƯỢC?



Nếu chúng ta gần như hoàn toàn không biết gì về nguồn gốc thật sự của thái độ, xu hướng và ham muốn của chúng ta thì làm sao ta có thể hoàn toàn kiểm soát được đời sống đạo đức của mình? Chúng ta có thể có những nguyên nhân, chứ không phải lý do về hành vi đạo đức của mình. Nếu quan điểm về tiền định của Freud là đúng đắn, thì nó đặt ra các giới hạn gắt gao đối với bất kỳ ý niệm nào về trách nhiệm đạo đức cá nhân. Sự cần thiết của ý chí tự do trong bất kỳ tác nhân đạo đức nào đều xưa như quan niệm Aristotle. Hume đã chỉ ra rằng mặc dù các hành động của chúng ta có thể “bị gây nên” hoặc “bị quyết định”, thì điều này không có nghĩa là chúng ta bị “cưỡng bức” hay “ép buộc” phải cư xử theo những cung cách nhất định.

NẾU CÁNH TAY TÔI BỊ CỎ GIẬT VÔ Ý THỨC NÊN VÀ PHẢI AI ĐÓ, THÌ TÔI ĐÂU BỊ PHÊ PHÁN; NHƯNG NẾU TÔI CHỦ Ý CHỌN ĐÁNH AI ĐÓ - NGAY CẢ NẾU SỰ LỰA CHỌN CỦA TÔI ĐÃ ĐƯỢC TIỀN ĐỊNH TRƯỚC - THÌ TÔI MỚI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ ĐIỀU MÌNH LÀM.

NHƯNG TÔI GỢI Ý RẰNG CHÚNG TA THẬT SỰ KHÔNG “SỞ HỮU” NHỮNG SUY NGHĨ SÂU XA NHẤT CỦA MÌNH THEO CÁCH NGHĨ CỦA HUME ...

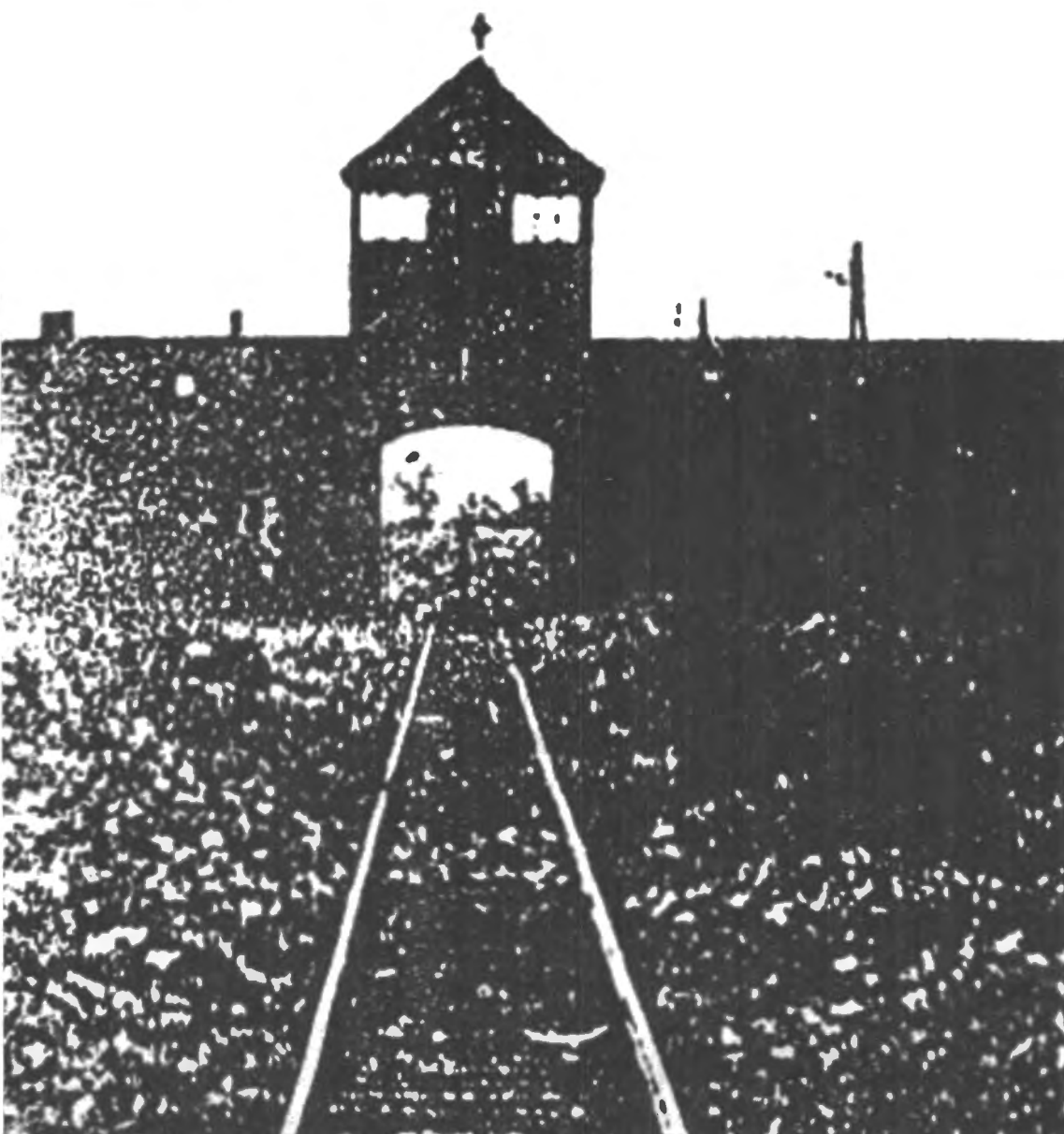
Hầu hết các triết gia luân lý có thể cho rằng mặc dù Freud có lẽ đúng khi ông tuyên bố bản ngã bên trong của chúng ta có thể được định hình và chịu chi phối bởi các yếu tố bên trong và bên ngoài, nhưng ta không hoàn toàn bị chúng kiểm soát. Nếu là vậy, thì chắc chắn nó không giống như thế – không nhiều người có niềm tin cốt lõi đối với bản thân giống như những cỗ máy đạo đức.

Việc kết hợp bất tiện giữa sự ngoan ngoãn mù quáng của nhiều người đối với những kẻ tàn ác vô đạo đức và sự diệt chủng vô mục đích một cách có hệ thống các nhóm thiểu số khiến cho nhiều triết gia và tư tưởng gia hậu chiến vội vã phát triển mọi kiểu lý thuyết nhằm lý giải đối với bí ẩn của cái ác trên quy mô lớn này.



THẨM SÁT NGƯỜI DO THẠI VÀ SỰ PHẢN BỘI CỦA KỶ NGUYÊN ÁNH SÁNG

Có lẽ ảnh hưởng quan trọng nhất của đạo đức học thời hậu chiến là chính Thế chiến II. Việc sát hại hàng triệu người dân thường vô tội được thực hiện kiểu công nghiệp “tiện dụng” và nhanh gọn bởi một quốc gia phương Tây văn minh đã làm người ta xói mòn thêm niềm tin về sự tiến bộ đạo lý và tiềm năng con người. Sự kinh khủng của các trại tập trung dẫn đến một quan điểm hoài nghi hơn về bản chất con người như một điều gì đó tệ hại kiểu tư duy Hobbes, hay tệ hơn, như một cái gì đó hoàn toàn “dễ điều khiển” và trống rỗng, phải chờ các vị lãnh đạo thực hiện việc lựa chọn đạo đức cho nó.



Việc kết hợp bất tiện giữa sự ngoan ngoãn mù quáng của nhiều người đối với những kẻ tàn ác vô đạo đức và sự diệt chủng vô mục đích một cách có hệ thống các nhóm thiểu số khiến cho nhiều triết gia và tư tưởng gia hậu chiến vội vã phát triển mọi kiểu lý thuyết nhằm lý giải đối với bí ẩn của cái ác trên quy mô lớn này.



SỰ NGUY HIỂM CỦA 'LÝ TRÍ'

Những gì chiến tranh cho con người thấy rõ là vai trò của "lý trí" trong việc mưu toan và gây nên quá nhiều đau khổ cho con người. Những triết gia và nhà văn Kỷ nguyên Ánh sáng Anh quốc thông tuệ hơn, như Hume và Swift, luôn hoài nghi sâu đậm về lý trí như là nguồn gốc của minh triết luân lý, và thường không xác minh được.

TÔI NGHĨ LÝ TRÍ LÀ
"TRÍ TRỆ" VỀ ĐẠO ĐỨC.



TÔI THẤY, THẬT MĨA MAI, RẰNG
NGƯỜI TA CHO LÀ HOÀN TOÀN HỢP
LÝ KHI GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ QUÁ TÁI
DÂN SỐ Ở AI-LEN BẰNG VIỆC THÚ
TIÊU TRẺ EM AI-LEN!



Những nhà tư tưởng "hậu hiện đại" gần đây hơn, như **Jean-Francois Lyotard** (sinh 1924) và **Jacques Derrida** (sinh 1930) có quan điểm triết để hơn.



CHÚNG TÔI CHẮC CHẮN RẰNG "LÝ TRÍ" BẢN
THÂN NÓ LÀ SỰ HƯ CẤU, BỞI NÓ LÀ MỘT
DẠNG KIẾN TẠO NGÔN NGỮ CON NGƯỜI,
CHỨ KHÔNG PHẢI THỰC THỂ SIÊU VIỆT.
THẬT RA...



...MỘT PHẦN SỰ TÔN THỜ "LÝ
TRÍ" LÀ CĂN NGUYÊN CỦA SỰ
KHÓ ĐAU QUÁ LỚN CỦA CON
NGƯỜI DO CHÍNH HỌ GÂY NÊN
CHO MÌNH.

Quá nhiều triết gia thể hiện một niềm tin tuyệt đối vào lý trí và khả năng sinh ra cái gọi là phổ quát, chân lý và vĩnh viễn. Kiểu mù quáng đối với thực tại này (rằng niềm tin của chúng ta chỉ mang tính lựa chọn và là thể kiến tạo ngôn ngữ ngẫu nhiên) có thể dẫn đến những xác tín chính trị nguy hiểm như loại trừ "tha nhân" – đôi khi dưới dạng các nhóm thiểu số dễ tổn thương và không có quyền lực.

SỰ HOÀI NGHI HẬU HIỆN ĐẠI

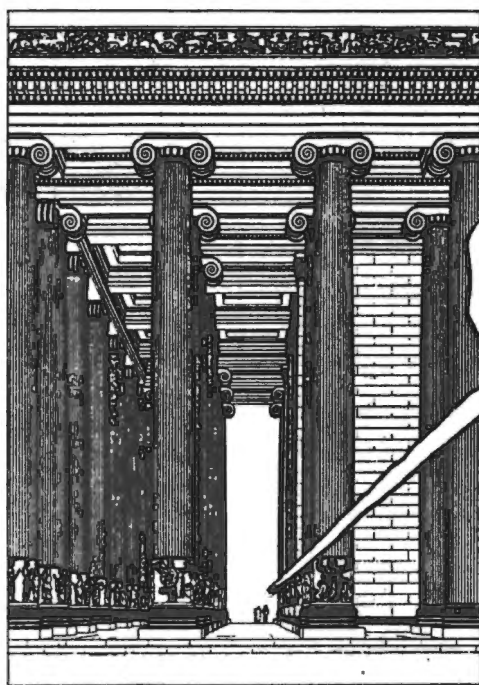
Vì thế, đạo đức học đang là vấn đề nan giải – ngôn ngữ của nó chỉ đơn thuần là một biểu hiện của những tiếng ồn đầy xúc cảm, “bản chất con người” mà đạo đức học thường dựa trên đó làm cơ sở chỉ là sự huyền tưởng, và niềm tin của chúng ta vào “lý trí” siêu việt như một suối nguồn trí tuệ đạo đức có thể tạo ra một hiện thực rất khác – cái ác hiệu dụng.

NHIỀU TƯ TƯỞNG GIA HẬU HIỆN ĐẠI
NHẮC NHỞ CHÚNG TA VỀ Ý NGHĨA CÙNG VỚI NGÔN
NGỮ NỘI HÂM VÀ “LINH HOẠT” LÀ NHƯ THẾ NÀO. VÀ RẰNG
“TÍNH LINH HOẠT” NÀY CÓ THỂ TRỞ NÊN NGUY HIỂM
THẾ NÀO.

GIỚI QUYỀN LỰC SẼ THUYẾT PHỤC SỐ ĐỒNG
RẰNG NGÔN NGỮ CÓ Ý NGHĨA CỐ ĐỊNH
VÀ TÍNH CHẮC CHẮN VÀ HỌ SẼ QUY ĐỊNH
NHỮNG YẾU TỐ NÀY LÀ GÌ.

Điều này dẫn dắt chúng ta vào vực thăm mới của chính **CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI**, vốn làm gia tăng sự hoài nghi và tính không chắc chắn của đạo đức. Các triết gia hậu hiện đại bổ sung vào sự mất mát về tính chắc chắn của đạo đức này bằng một loại “tôn vinh chủ nghĩa tương đối” đã bị bãi bỏ.

Giờ đây, cũng rõ ràng là các triết gia luân lý trong quá khứ đã nỗ lực không đáng kể so với việc chơi một kiểu trò chơi ngôn ngữ địa phương của riêng họ.



CON NGƯỜI LÀ
THƯỚC ĐO VẠN HỮU.

Loại kết luận hồ nghi này không xa lạ với thế kỷ 20. Triết gia theo trường phái Ngụy biện Protagoras đã phát biểu những điều tương tự vậy ở Athens thế kỷ 5 trước Công nguyên. Và phần lớn tư duy “hậu hiện đại” có thể truy nguồn từ **Friedrich Nietzsche** (1844-1900) và sự công kích “siêu hình học” của ông.



VỚI VÊ NGHIÊM NGHI CỨNG NHẮC RẤT
BUỒN CƯỜI, TẤT CẢ TRIẾT GIA CỦA
CHÚNG TA... MONG MUỐN CUNG CẤP
MỘT NỀN TẢNG HỢP LÝ CHO ĐẠO ĐỨC;
VÀ MỌI TRIẾT GIA TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY
TIN RẰNG MÌNH ĐÃ ĐEM ĐẾN CHO CON
NGƯỜI MỘT NỀN TẢNG NHƯ VẬY. TUY
NHIÊN, BẢN THÂN ĐẠO ĐỨC ĐƯỢC THỪA
NHẬN LÀ “ĐÃ ĐỊNH SẴN”.

CON NGƯỜI, QUÁ NHIỀU NHÂN TÍNH

Chủ nghĩa hậu hiện đại đã làm mất đi nhiều niềm tin chất chứa lâu nay. Nó hoài nghi hoàn toàn về sự tồn hữu của một loại “hiện thực khách quan” nào đó hoặc khả năng sử dụng “lý trí” nhằm hiểu biết nó. Thậm chí nó còn nghi vấn nhiều hơn về sự tồn tại của bất kỳ loại “bản chất con người” nào. Điều này có nghĩa là không còn “đòn bẩy Ác-si-mét” hay nguyên lý tối cao nào có thể cho chúng ta biết hệ thống đạo đức nào là “tốt nhất” hay “tín cậy nhất”. Chúng ta sống trong một vũ trụ tương đối, nơi chỉ có chân lý về con người và đạo đức học con người.

SỰ THIẾU TÍNH CHẮC CHẮN CỦA ĐẠO ĐỨC NÀY
CÓ THỂ DẪN ĐẾN NHỮNG VẤN NẠN TỆ HẠI. LÀM
SAO CHÚNG TA CÓ THỂ LÊN ÁN XÃ HỘI KHI MÀ
CÁC HỆ THỐNG NIỀM TIN ĐẠO ĐỨC CỦA NÓ LÀM
TA THẤY HOÀN TOÀN GHÊ SỢ?



VÍ DỤ, CÁC XÃ HỘI HÌNH THÀNH DỰA TRÊN NẠN NÔ LỆ
HOẶC NHỮNG XÃ HỘI TIN VÀO SỰ THUẦN KHIẾT CHÚNG
TỘC VÀ SỬ DỤNG PHÒNG NGẠT KHÍ ĐỐI VỚI NHỮNG CÔNG
DÂN CỦA HỌ?

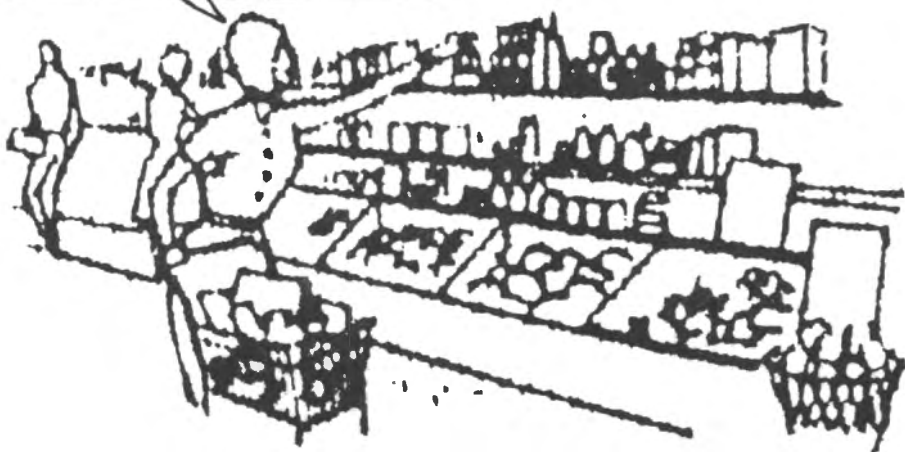
Nếu không có những giá trị đạo đức rõ ràng có thể chứng minh được mà tất cả chúng ta nhất trí và chia sẻ, thì làm sao chúng ta có thể ngăn ngừa những điều xấu xa trong tương lai xảy ra do các cá nhân hay chính quyền giáng xuống đầu chúng ta?

VIỄN CẢNH HẬU HIỆN ĐẠI: SIÊU THỊ NÔ LỆ

Vậy những tương lai luân lý nào mà chủ nghĩa hậu hiện đại mang đến cho chúng ta? Thuyết hậu hiện đại tôn vinh sự bất định và đa dạng, nên nó ít có khả năng đưa ra một cách chắc chắn bất kỳ đích đến đạo đức nào. Nhưng đây là một số khả năng...

Tương lai Chủ nghĩa Tư bản hậu kỳ có khả năng là thời kỳ mà các nguồn tài nguyên sẽ khan hiếm, con người biến đổi gen, các ông chủ Tập đoàn lớn sử dụng lao động nô lệ, và các kênh truyền thông giám sát bằng kỹ thuật công nghệ cao đối với người tiêu dùng – những kẻ sống trong thế giới hiện tại tràn ngập hình ảnh. “Đại cảnh” bất biến của những hình ảnh thể hiện tinh thần tiêu thụ sẽ kiểm soát và thôi miên công dân chấp nhận “đạo đức” của Tư bản chủ nghĩa.

LUÂN LÝ NÀY KHẲNG KHẲNG BIỆN
HỘ NHU CẦU SẢN XUẤT VÀ TIÊU
THỤ, CHẤP NHẬN NHỮNG CÔNG
VIỆC VÔ NGHĨA, VÀ SỰ TÁCH RỜI
CỦA NHỮNG CÁ NHÂN VỚI NHAU.



NGƯỜI PHƯƠNG TÂY SẼ TRỞ
THÀNH NÔ LỆ Ở CHỖ LÀM VIỆC VÀ
Ở SIÊU THỊ HỌ CŨNG LÀ KÊ NÔ LỆ.

ĐẠO ĐỨC CÁ NHÂN SẼ KHÔNG CÒN
ĐƯỢC DUY TRÌ NỮA. SỰ LỰA CHỌN DUY
NHẤT SẼ LÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG
QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN GIỮA
VÔ VẠN SẢN PHẨM.



LÝ THUYẾT PHÊ BÌNH HẬU MARXIST

Những suy niệm về đạo đức và ý thức hệ Tư bản chủ nghĩa bắt nguồn từ một vài nhà tư tưởng thế kỷ 20, thường được tạm gọi một cách sai lầm là “Marxist”. Họ dường như nhấn mạnh “đạo đức cá nhân” của chúng ta mang tính chính trị như thế nào, và những gì chúng ta tin tưởng sẽ thật sự là “của chúng ta” ít ỏi như thế nào.

Antonio Gramsci (1891-1937)

giới thiệu những thuật ngữ phân tích như “bá quyền” nhằm giúp chúng ta hiểu mình có tự do ít ỏi thế nào khi ta suy nghĩ về các ý tưởng đạo đức hay chính trị mới mẻ.



BỐI VÌ CON NGƯỜI CÓ XU HƯỚNG CÒI CỘNG ĐỒNG CỦA MÌNH LÀ “CỐ ĐỊNH” HAY “BẤT BIẾN”. NÊN GIAI CẤP VÀ CHÍNH QUYỀN TƯ BẢN CÓ KHẢ NĂNG KIỂM SOÁT DÂN CHÚNG BẰNG CÁCH THUYẾT PHỤC HỢ RẰNG XÃ HỘI TƯ BẢN CHỦ NGHĨA LÀ “TỰ NHIÊN” VÀ “THƯỜNG TÌNH”.

Gramsci nhấn mạnh vai trò chính yếu của kiến trúc thượng tầng ý thức hệ (nhà trường, giáo hội, giới truyền thông, gia đình, v.v...) trong việc tạo ra đồng thuận của dân thường về sự áp bức.

Herbert Marcuse (1898-1979)

sau đó lý giải làm thế nào Chủ nghĩa tư bản ép buộc mọi người tự thấy bản thân mình trước tiên như là những người tiêu dùng cô lập “một chiều” với những nhu cầu ngụy tạo.

TÔI MUA HÀNG HÓA, VÌ THẾ TÔI TỒN TẠI.

Chủ nghĩa Tư bản sản sinh ra các loại diễn ngôn “khép kín”, làm cho những quan điểm trái chiều khác hầu như không thể ngóc đầu lên được.



CÁC XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI SINH RA Ý THỨC HỆ VÀ CHÚNG GẮN BÓ VỚI NHAU NHƯ KHÍ QUYẾN VÀ KHÔNG KHÍ KHÔNG THỂ THIẾU ĐƯỢC ĐỐI VỚI TỪNG HƠI THỞ VÀ SỰ SỐNG.

Roland Barthes (1915-80) nhấn mạnh luận điểm rằng “thực tại” là do xây mà thành; đó là một sự kiến tạo xã hội được đúc kết ý nghĩa từ một hệ thống dấu hiệu phức tạp. Vì thế, bất cứ ai làm chủ được diễn ngôn, người đó có thể quyết định điều gì là “chân chính”.

PHẦN LỚN NHỮNG GÌ CÓ TÍNH CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA ĐƯỢC “TỰ NHIÊN HÓA” THÀNH NHỮNG THỨ ĐƯỢC GỌI LÀ “TẤT YẾU”, “HIỂN NHIÊN”...

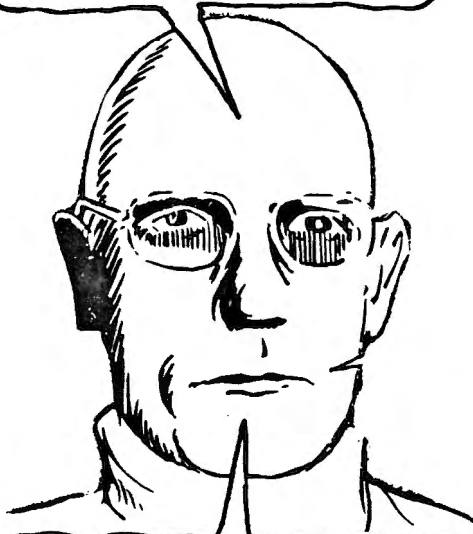


Barthes sử dụng khái niệm “tưởng tượng” nhằm diễn tả những cấu trúc ý thức hệ hiển thị như là “đương nhiên” vậy. Một ví dụ rõ nét là tưởng tượng hoặc kiến tạo ý thức hệ về “người nghèo”.

NHỮNG NGƯỜI NGHÈO ĐỀU NGẠI LAO ĐỘNG, LÀ VẤN ĐỀ ĐỐI VỚI PHẦN CÒN LẠI CHÚNG TA. HỌ KHÔNG THỂ LÊN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, TRÍ NĂNG HỌ THẤP VÀ HỌ “LUÔN ĂN THEO CHÚNG TA”.

Michel Foucault (1926-84) mở rộng quan điểm của Marx về tri thức với tư cách là một hình thức “kiến tạo ý thức hệ”. Đối với Foucault, tri thức là một “dạng kiến tạo” được nhà cầm quyền sử dụng nhằm đàn áp tầng lớp yếu hơn.

BẰNG CÁCH TUYÊN BỐ PHẠM VI CỦA “LÝ TÍNH” CÙNG VỚI NHỮNG THỨ ĐƯỢC COI LÀ TƯ DUY VÀ HÀNH XỬ, GIỚI CẦM QUYỀN CÓ THỂ THUYẾT PHỤC DÂN CHÚNG RẰNG CÁC VẤN ĐỀ MANG TÍNH “ĐỊA PHƯƠNG” VÀ “VÙNG MIỀN” THẬT RA LÀ PHỔ QUÁT NÊN KHÔNG ĐƯỢC NGHI VẤN.



NHỮNG AI BẤT ĐỒNG Ý KIẾN ĐƯỢC XẾP VÀO HẠNG NGƯỜI ĐIÊN HOẶC PHI LÝ VÀ CÓ THỂ BỊ XỬ LÝ.

SỰ TRAU CHUỐT KIỂU NIETZSCHE

Có những cách nhìn hậu hiện đại khác về tương lai đạo đức của chúng ta ít âm đảm hơn. **Richard Rorty** (sinh 1931), triết gia thực dụng Hoa Kỳ, gợi ý rằng mọi người nên chấp nhận và tôn vinh tầm nhìn hậu hiện đại trong đó không còn bất kỳ khái niệm nào về “tri thức” và “tính khách quan” nữa. Các tư tưởng gia và giới cầm bút phải trở thành những người Nghệ sĩ sáng tạo nên “đạo đức tình tế” của riêng họ. Những trí thức hậu hiện đại giờ đây nên chấp nhận thái độ bất tín khôi hài về sự thật đạo đức cũng như tầm nhìn Không tưởng trên quy mô lớn, và vun dưỡng một thái độ khách quan mỉa mai đối với toàn bộ niềm tin của con người, bao gồm niềm tin của họ.



Vì thế theo Rorty, đạo đức mang tính riêng tư, không liên quan nhiều đến phúc lợi tập thể - vốn có lẽ dẫn đến một kiểu chủ nghĩa ẩn dật về chính trị. Nhưng nếu không có “những đại tự sự” mang tính đạo đức hơn như Lyotard đã nêu lên, có lẽ những gì còn lại chỉ là sự bình luận đầy tính khôi hài và châm biếm hay sao?

Có lẽ vậy.

CÁI ÁC CỦA CHỦ NGHĨA HIỆN ĐẠI

Trong tác phẩm **Những Gợi ý Hậu hiện đại**, nhà xã hội học **Zygmunt Bauman** (sinh 1925) đã nỗ lực đưa ra những tiên báo về một xã hội hậu hiện đại tương lai có thể ra sao. Cũng giống như Lyotard và **T.W. Adorno** (1903-69), Bauman phản đối kịch liệt các chương trình nghị sự mang tính chính trị của **Chủ nghĩa hiện đại** và giấc mơ về trật tự tổng thể của nó được chính quyền áp đặt với niềm tin ngây thơ của họ vào “sự tiến bộ” và “lý tính”. Chủ nghĩa hiện đại đang trên “con đường dài dẫn tới ngục tù”, sản sinh các xã hội “kiểu nhà tù panopticon¹” ở thế kỷ này. Các Nhà nước toàn trị (những môn đồ nhiệt thành nhất của Chủ nghĩa hiện đại) bây giờ hiện nguyên hình đối với chúng ta là những thực thể gây tai họa về sinh thái và ghê tởm về đạo đức.



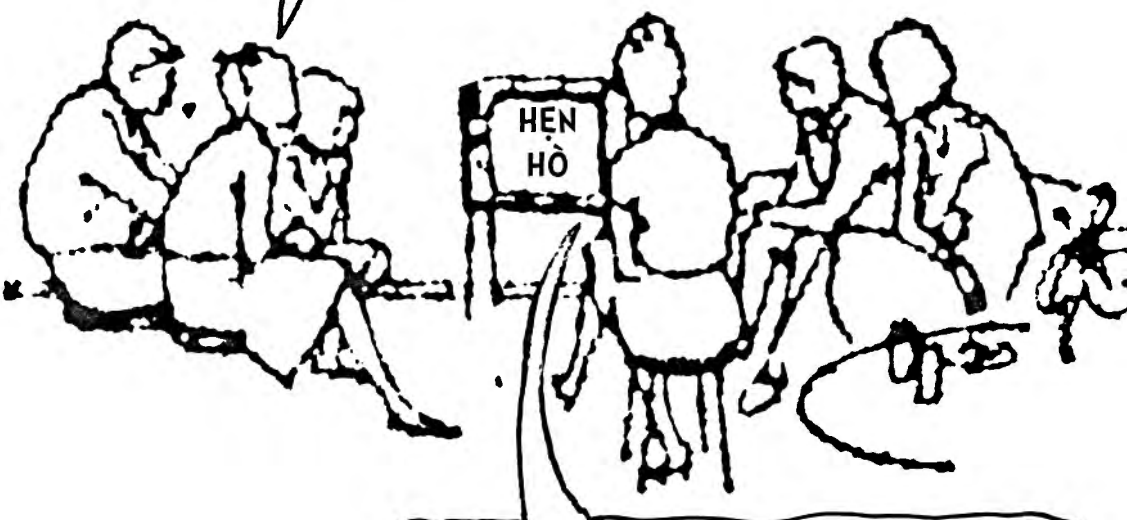
LUẬN ĐIỂM CỦA TÔI RẤT CHÍNH XÁC BỞI VÌ NHỮNG XÃ HỘI NÀY CÓ MỘT TÍN NIỆM VỮNG CHẮC VÀO TÍNH KHÁCH QUAN CỦA VIỆN KIẾN KHÔNG TƯỞNG NÊN CHÚNG TRỞ NÊN CHUYÊN CHẾ VÀ CƯỜNG BÁCH MỘT CÁCH KINH KHỦNG NHƯ THẾ.

1. Nhà tù xây tròn, ở giữa có chòi gác.

TRIẾT GIA LUÂN LÝ VÀ NHÀ LẬP PHÁP

Triết gia và những nhà trí thức lập pháp khác phải chịu trách nhiệm về những thảm họa của Chủ nghĩa hiện đại. Ước mơ tự tin của Plato về “các vị vua triết gia” có quyền hành tuyệt đối đã trở thành một hấp lực quyến rũ. Nhiều triết gia luân lý, như Kant, tin vào tính khách quan tuyệt đối của “lý tính” như là nguồn gốc thẩm quyền lập pháp của họ. Niềm tin về tính bất định đạo đức đã trở nên lan tỏa – nó góp phần củng cố thêm sự tự tin không thể bác bỏ của chính quyền trong việc nhận thức những điều tốt đẹp nhất cho quần chúng. Các triết gia hậu hiện đại không còn niềm tin vào “các triết lý cơ bản” kiểu này, và nhấn mạnh nhu cầu phải có nhiều niềm tin và lý giải chính trị cũng như luân lý.

NGÀY CÀNG CÓ VẺ NHƯ TRI THỨC CON NGƯỜI ĐƠN THUẦN KHÔNG THỂ CÓ “NỀN TẢNG” NÀO NỮA – MỘT ĐIỀU ĐẶC BIỆT ĐÚNG ĐỐI VỚI ĐẠO ĐỨC HỌC.



NHỮNG NGƯỜI THEO CHỦ NGHĨA HOÀI NGHI TRONG QUÁ KHỨ NHƯ ANTISTHENES CÓ LẼ ĐÚNG VÀ KHÔN NGOAN KHI ĐƯA RA NHỮNG CẢNH BÁO VỀ TÍNH BẤT KHẢ CỦA SỰ XÁC TÍN CON NGƯỜI.

CÁC XÃ HỘI HẬU HIỆN ĐẠI

Vì thế, hiện nay tất cả chúng ta đang sống trong một xã hội hậu hiện đại. Chúng ta không thể nào quay lui lại được. Và như Lyotard đã chỉ ra, thế giới hậu hiện đại của chúng ta đang trở nên ngày càng “nguyên tử hóa” nên các “đại tự sự” trí tuệ và chính trị đang mất đi vị thế tin cậy của mình. Có lẽ chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa tiêu thụ sẽ thống trị – một xã hội hậu hiện đại cần có sự đa dạng, yếu tố mà chủ nghĩa tư bản có khả năng đáp ứng rất tuyệt.

RẤT CÓ THỂ THÔNG QUA SỰ QUYẾN RŨ
CỦA TIÊU DÙNG MÀ NHÀ NƯỚC SẼ KIỂM
SOÁT ĐƯỢC CÁC CÔNG DÂN CỦA MÌNH...

MẶC DÙ NÓ CHẮC CHẮN SẼ DUY TRÌ
CÁC HÌNH THỨC KIỂM SOÁT ÁP CHẾ
KIỂU CHỦ NGHĨA HIỆN ĐẠI QUÁ HỦ
LẠI ĐỐI VỚI TẦNG LỚP KHÔNG TIÊU
THỤ CỦA GIAI CẤP CÙNG KHỔ MÀ
CUỘC SỐNG CỦA HỌ KHÔNG “ĐẠT
ĐẾN MỨC TỒN TẠI”.

PHÊN
HỒ

TỰ DO LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG RẤT CÓ THỂ
LÀM MẤT ĐI ĐẠO ĐỨC CHÂN CHÍNH HOẶC TỰ DO CHÍNH TRỊ.
499 KÊNH TI VI KHÁC THÌ CHIẾU GÌ NHỈ?

Bởi vì không còn bất kỳ đại tự sự luân lý hay chính trị nào, các tranh luận về đạo đức có thể tập trung ngày càng nhiều vào các chiến dịch chủ trương chính sách đơn nhất trong “ranh giới của sự hồ hững và vô cảm”, theo lời Bauman.

TÁC NHÂN LUÂN LÝ HẬU HIỆN ĐẠI

Nét đặc trưng quan trọng nhất của đạo đức học hậu hiện đại xét khía cạnh cá nhân, là sự thiếu vắng các giá trị đạo đức được chia sẻ ở mức phổ quát. Các triết gia đã sai lầm – làm gì có những chân lý đạo đức “xuyên địa phương” khách quan. Nghĩa là sẽ có nhiều thái độ lúng túng và bất định về đạo đức hơn. Những lựa chọn luân lý sẽ được con người quyết định mà không có đảm bảo nào của nền tảng triết học.

VÌ THẾ THẾ GIỚI HẬU HIỆN ĐẠI NÀY
SẼ SẢN SINH RA NHỮNG TỰ DO VÀ
TRỌNG TRÁCH LUÂN LÝ LỚN HƠN

ĐẠO ĐỨC HỌC THẬT
CHỈ SẼ TRỞ NÊN HIỆN
SINH HƠN BẢN THÂN NÓ
TỪNG LÀ.



LUÂN LÝ SẼ ĐƯỢC “TƯ NHÂN HÓA”.
NGÀY NAY CHÚNG TA ĐƯỢC TỰ DO TÌM HIỂU KỸ
ĐỂ LỰA CHỌN HỆ GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC MÀ TA
CẢM THẤY HỢP VỚI BẢN THÂN Ở BẤT KỲ
THỜI ĐIỂM NÀO.

Hoàn cảnh con người hậu hiện đại, hơn mọi thứ khác, là “một trạng thái tâm trí”. Bất kỳ ai phải có những lựa chọn luân lý sẽ không tìm thấy biển báo tin cậy nào chỉ ra con đường chính trực. Chúng ta sẽ phải dựa vào sự tự giám sát, tự đánh giá liên tục và thường xuyên “trau dồi” ý thức đạo đức của mình. Tức là sẽ có một điểm nhấn lành mạnh về sự tranh luận luân lý và sự khác nhau về đạo đức, và những vấn đề mới mẻ về quyền lợi và kỹ năng của chúng ta với tư cách là những tác nhân luân lý. Sẽ có sự phiêu lưu liêu lĩnh và bất định trong các vấn đề luân lý.

Chủ nghĩa hậu hiện đại có nghĩa là “tự do hứng khởi theo đuổi bất kỳ điều gì và sự bất định dị thường đối với những gì đáng được theo đuổi và nhân danh những gì mà con người có thể theo đuổi được”.

Theo Bauman, loại tự do luân lý cá nhân này có thể dẫn đến nhiều hướng. Nó có thể dẫn đến một xã hội khoan dung, cởi mở của những cá nhân thực dụng thường tham gia tranh luận đạo đức. Sự sợ hãi và ghê tởm của Bauman về những thế giới Không tưởng mang tính tập thể theo chủ nghĩa hiện đại thế kỷ 20 có nghĩa rằng ông lạc quan hơn so với một số người khác về những vận hội có thể được ban cho chúng ta trong một thế giới hậu hiện đại.

**ROUSER TURN UP
TRAUMA
TRUST**

**0898-
501489**

ENEMA-A-GO-GO

* 0898
741
* 945

IMMINENT
EMERGENCE
OF CHRIST
UPDATE
0898-196374

SHARES

**CUCUMBER
QUORUM**

IT'S PARTY TIME!

0898-
500491

JOCKSTRAP
JOKELINE

0898
113 256

Locker-room
Laughs!

VÌ THẾ, SỰ THIẾU VẮNG BẤT KỲ ĐẠI TỰ SỰ NÀO CÓ THỂ SẼ GÂY RA SỰ PHÂN MẢNH LỚN HƠN CỦA XÃ HỘI THÀNH MỘT LOẠT “CỘNG ĐỒNG TƯỢNG TƯỢNG” HOẶC “TÂN BỘ LẠC” TỰ TRỊ, MỖI LOẠI CÓ MỘT HỆ GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC MANG TÍNH CỤC BỘ VÀ HAY THAY ĐỔI CỦA RIÊNG MÌNH.

**ANOREXIC
COOKBOOK
0898501441**

**GLOBAL
GOB-IN
0890 115267**

SAUSAGE
SCH

$$\begin{array}{r} 147 \\ 431 \end{array}$$

431
HOT STUFF!

“Tân bộ lạc”, không như các bộ lạc truyền thống (mà quyền uy dựa trên sự áp bức và thế lực cha truyền con nối), sẽ gồm có những thành viên tự nguyện chia sẻ những “trò chơi ngôn ngữ” và những giá trị nhất định, đồng thời có một bản sắc bộ lạc dựa trên “sự tự nhận dạng”. Viễn cảnh về hàng loạt xã hội quy mô nhỏ tuy vậy cũng gây ra một số nguy hại. Những cộng đồng nhỏ hẹp có chung một số giá trị đạo đức có xu hướng loại trừ cũng như thù oán nhau, và rất có thể trở nên cạnh tranh và không khoan dung.



Nhưng tương lai dù có thế nào, chúng ta với tư cách là con người hậu hiện đại giờ nên ý thức sâu sắc hơn về việc tất cả mọi con đường dẫn đến miền đất hứa đạo đức nào cũng sẽ khó khăn, không như mong đợi và hão huyền.

ĐẠO ĐỨC HỌC XÃ HỘI

Những mục tiêu khiêm tốn hơn của triết học luân lý là trong kỷ nguyên hậu hiện đại có thể tập trung vào những gợi ý nhẹ nhàng hơn.



Hai triết gia chủ trương lối nhận thức này là John Rawls và Alasdair MacIntyre.

John Rawls (sinh 1921) là nhà triết học không quan tâm nhiều đến những đại “tự sự” luân lý mà ông chú trọng đến những thỏa ước pháp lý và xã hội nào cần thiết nhằm tạo ra một xã hội công bằng (những “yêu cầu tối thiểu” vốn đảm bảo sự cân bằng giữa các nhu cầu cá nhân và xã hội cũng được những nhà nghiên cứu khác về “lý thuyết trò chơi” tìm hiểu.) Nếu chúng ta thừa nhận triết lý của Rawls, nó có thể giúp cho một tương lai hậu Tư bản trông có vẻ ảm đạm trở nên nhân đạo hơn.

CỘNG ĐỒNG TƯƠNG LAI: MỘT KHẾ ƯỚC XÃ HỘI MỚI

Lý thuyết công bằng của Rawls nỗ lực xây dựng đạo đức học từ một loại khế ước xã hội mới. Rawls yêu cầu chúng ta hình dung một nhóm người phi lịch sử hơi kỳ lạ đến với nhau để thỏa thuận một cộng đồng tương lai mà họ và con cháu họ sẽ sống trong đó.



“Bức màn vô minh” này đảm bảo rằng những thành viên ít có đặc quyền nhất của xã hội này cũng sẽ được bảo vệ, bởi mọi người đều mong muốn tránh cho mình bị sống trong cảnh nghèo nàn có thể có trong tương lai. Rawls đề xuất rằng một nhóm như thế sẽ hình thành dựa trên hai nguyên tắc “tự do” và “khác biệt”. Mọi người ai cũng muốn tự do sinh sống nhưng họ còn có những mục tiêu khác nhau trong đời.

CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Trong vòng một vài năm nữa, một số cá nhân năng động và kinh doanh sẽ giàu có hơn người khác.

NHƯNG BẤT LUẬN ĐIỀU GÌ XẢY RA, NHỮNG THÀNH VIÊN NGHÈO NHẤT XÃ HỘI SẼ ĐƯỢC ĐẢM BẢO MỘT MỨC SỐNG TỐI THIỂU NHỜ CÓ KHẾ ƯỚC BAN ĐẦU.

"Ngài
Thành Đạt"



NẾU NHỮNG THÀNH VIÊN NGHÈO NHẤT XÃ HỘI NHẬN ĐƯỢC MỘT MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU, THÌ CÓ LẼ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN VÀ ĐẠO ĐỨC HỌC SẼ ĐƯỢC HÒA GIẢI.

Tuy nhiên, nếu số đông nhận được điều mà đôi khi gọi là "đẩy bát mới gạt xuống mâm", thì họ có thể cảm thấy đây là một thỏa thuận không đẹp. Chắc chắn là nhiều người sống trong các nền kinh tế tư bản phong cách Tây Âu, khi thấy mức sống và sự an ninh trong công việc nhanh chóng bị hạ thấp, có thể tán thành một xã hội kiểu Rawls đề nghị.

TÀI THAM VẤN ARISTOTLE

Vài năm trở lại đây, triết gia **Alasdair MacIntyre** (sinh 1929) đưa ra ý niệm rằng đạo đức học nên ít chú trọng vào cá nhân và những quyết định đạo đức riêng của họ mà nên tập trung bàn về cộng đồng, sức khỏe luân lý cũng như phúc lợi của nó. Những người theo học thuyết Tân Aristotle như MacIntyre, cho rằng đạo đức học nên tập trung nhiều hơn vào con người mà chúng ta hướng tới, chứ không phải những điều ta làm. Loại triết học luân lý này thường được gọi là “Thuyết Đức hạnh”.

MacIntyre nghĩ rằng đạo đức học hiện đại đã rơi vào khủng hoảng lớn. Ông phê phán nhiều triết lý đạo đức hiện đại bởi nó chỉ bao hàm sự luận chiến có hại cho cả hai phe Đạo lý học và thuyết Vị lợi, hoặc nó mang tính lý thuyết và phân tích không hề đồng cảm. Cách tiếp cận đạo đức học của MacIntyre mang tính lịch sử.



TRƯỚC TIÊN TÔI XEM XÉT NHỮNG NIỀM TIN CỦA NGƯỜI ATHENS VÀO “ĐỨC HẠNH” MÀ HỌ NGHĨ LÀ CẦN THIẾT CHO BẤT KỲ CÁ NHÂN NÀO MONG MUỐN TRỞ THÀNH CON NGƯỜI “THÀNH ĐẠT”.



NHỮNG ĐỨC HẠNH MÀ BAN ĐẦU CHÚNG TA XEM LÀ CƠ BẢN CHÍNH LÀ NHỮNG PHẨM TÍNH CỐT YẾU ĐỐI VỚI SỰ SINH TỒN CỦA NHỮNG CỘNG ĐỒNG NHỎ BỊ ĐE DỌA: SỨC MẠNH, ĐỨC CAN ĐẢM VÀ TÌNH BẰNG HỮU.

KHI XÃ HỘI HY LẠP TRỞ NÊN PHỨC HỢP HƠN, NHỮNG ĐỨC TÍNH KHÁC NHƯ CÔNG BẰNG, (PHÁP LÝ VÀ PHÂN PHỐI), TIẾT ĐỘ VÀ KHÔN NGUAN ĐƯỢC BỔ SUNG THÊM.

VÌ THẾ ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI ATHENS CHÚNG TA, NHỮNG TỪ NGỮ NHƯ “NGƯỜI TỐT” CÓ MỘT Ý NGHĨA XÁC THỰC VÀ RẤT CỤ THỂ.

TẠI SAO ĐẠO ĐỨC HỌC TRỞ NÊN RỐI RẮM VẬY?

Theo MacIntyre, loại xác tín đạo đức Hy Lạp này đã bị những triết gia trường phái hoài nghi như Hume và Ayer làm phai mờ đi. Kant thì biến đạo đức thành bài tập thực hành lý tính lạnh lùng và không đồng cảm, còn những người theo thuyết Vị lợi đã quy giản thành một tập hợp tính toán mạo khoa học không hiệu dụng. Tất cả những học thuyết trên, dù là “Kỷ nguyên Khai sáng” hay “Thời đại Victoria”, đều sai lầm khi cho rằng đạo đức học đặc thù của họ mang tính “khách quan”, trong khi đó chỉ là thứ đặc thù “vùng miền”.

SỰ XÓI MÒN LIÊN TỤC CÁC NIỀM TIN ĐẠO ĐỨC CUỐI CÙNG DẪN ĐẾN SỰ TRỐNG RỖNG CỦA CÁC TRIẾT THUYẾT NHƯ THUYẾT CẢM XÚC CỦA AYER VÌ NÓ KHÔNG TÍNH ĐẾN BẤT KỲ Ý NIỆM NÀO VỀ CỘNG ĐỒNG HOẶC NHỮNG GIÁ TRỊ CỘNG ĐỒNG.

MÁY TÍNH XÁCH TAY CỦA NGƯỜI HY LẠP CỔ.

ĐIỀU NÀY DẪN ĐẾN MỘT XÃ HỘI TRỐNG VẮNG CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRONG ĐÓ ĐÔI KHI CON NGƯỜI LÀ NHỮNG KẺ VỊ LỢI. LÚC THÌ TƯ DUY KIỂU KANT, RỒI THÌ PLATO, VÀ RỒI TRỞ NÊN RẤT LÚNG TÚNG.

Theo MacIntyre, chúng ta đang sống trong một thế giới của các “nhà quan liêu, nhà duy mỹ” và “nhà trị liệu”.

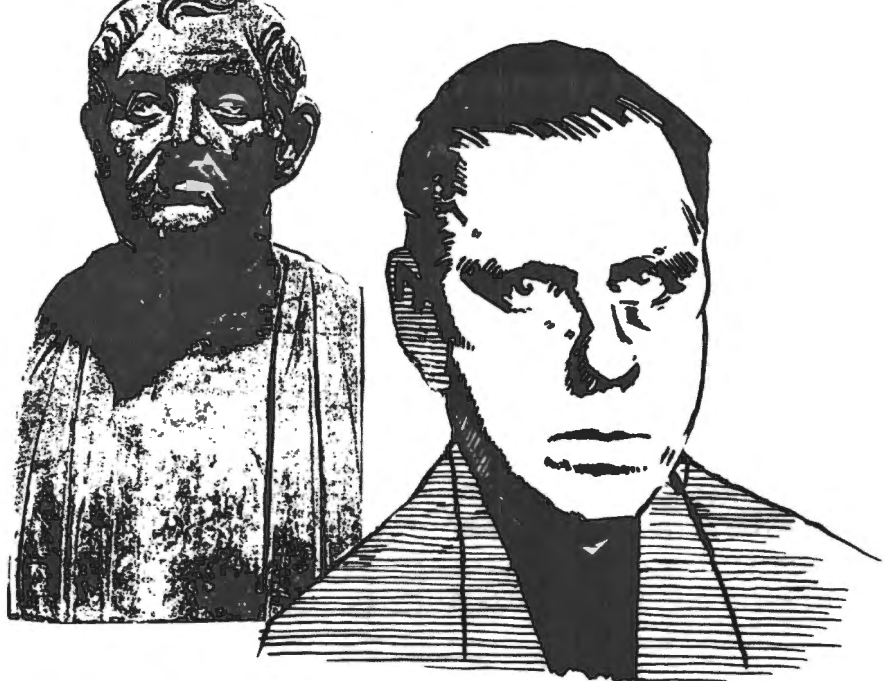
HY VỌNG VÀO NHỮNG TRUYỀN THỐNG

Đây là một cách nhìn bi quan về lịch sử triết học và đạo đức. Dù vậy, MacIntyre vẫn nhấn mạnh rằng chúng ta vẫn còn hy vọng. Con người vẫn luôn luôn có tư tưởng cộng đồng – nơi công sở, trên sân thể thao, với công việc thiện nguyện và trong mọi hình thức hoạt động con người. Đời sống cộng đồng được tổ chức dựa trên truyền thống và định hướng hay đức hạnh để các nhóm người cổ vũ khuyến khích thành viên của mình.

MỌI LUÂN LÝ ĐỀU LÀ KẾT QUẢ CỦA TRUYỀN THỐNG. THẬT LÀ PHÙ PHIẾM KHI CHO RẰNG CON NGƯỜI CÓ THỂ TỒN TẠI NHƯ MỘT LOẠI “CÁ NHÂN THUẦN TÚY” HAY HÌNH THÀNH MỘT HỆ THỐNG LUÂN LÝ VƯỢT THỜI GIAN. PHI TRUYỀN THỐNG DỰA TRÊN “LÝ TÍNH”.



Ông đề xuất rằng điều chúng ta cần là một loại triết học luân lý mới. Một trong những ý niệm trung tâm của Aristotle là chúng ta nên tập cho con người quen với những khuynh hướng tốt đẹp đối với người khác, để hành vi luân lý trở thành gần như bản năng chúng ta, chứ không phụ thuộc vào “các hệ thống” luân lý. MacIntyre không nêu rõ khuynh hướng hay đức hạnh đó sinh ra “hành vi đạo đức” là gì, mặc dù ông có gợi ý rằng “minh triết cổ” sẽ cho chúng ta biết điều đó.



NHÀ NƯỚC CỦA CHÚNG TA

Chắc chắn có một niềm tin ngày càng gia tăng của các triết gia luân lý và nhà bình luận chính trị rằng MacIntyre và Aristotle có thể nhận ra điều gì hệ trọng ở đây. Khi thiên niên kỷ mới đến gần¹, nếu chúng ta tin rằng cả đạo đức cá nhân và luân lý xã hội đang đổ vỡ, thì có lẽ các triết gia nên xem xét sâu xa hơn mối liên hệ giữa hai thành tố này. Tác phẩm gần đây nhan đề “Nhà nước của Quốc gia” của Will Hutton rõ ràng bàn rất tích cực về loại tư tưởng cộng đồng này.

Điều chúng ta cần đến là sự phát triển một quan niệm mới về phẩm chất công dân. Vương quốc Anh phải... trang bị cho mình một hiến pháp cho phép hình thành một hình hài mới của công dân chính trị, xã hội và kinh tế. Tư cách công dân kinh tế sẽ khai minh con đường cải cách những cấu trúc

doanh nghiệp và tài chính; phẩm cách công dân xã hội sẽ mang lại cho chúng ta cơ hội kiến thiết một nhà nước phúc lợi anh minh dựa trên tình đoàn kết tích cực; và phẩm chất công dân chính trị mở đường cho tính đa nguyên chính trị và sự hợp tác chân thành.

Nhà nước của chúng ta, Will Hutton, 1995

1. Cuốn sách được xuất bản lần đầu trước năm 2000, ý nói đến thiên niên kỷ thứ 3 tính từ năm 2000.

NHỮNG ĐỨC HẠNH ĐÓ LÀ GÌ?

Ít nhất có một vấn đề lớn mà những người theo phái Tân Aristotle phải giải quyết. Những đức hạnh sẽ là gì? Có phải đức hạnh tồn tại từ việc chúng ta chất lọc trong “minh triết cổ” và xiển dương nó? Những triết gia hậu hiện đại khác sẽ nghi vấn một cuộc “truy tầm khái niệm” như thế. Các nền văn hóa khác nhau chắc chắn luôn chủ trương những “đức hạnh” khác nhau mà họ thấy phù hợp với các thành viên của họ.

CHẮNG HẠN MỘT NGƯỜI THEO ĐẠO HỒI CHÍNH THỐNG CÓ THỂ CHO RẰNG TRÉ EM NÊN ĐƯỢC LÀM QUEN VỚI KHÁI NIỆM LÀ NHỮNG PHỤ NỮ PHẠM TỘI NGOẠI TÌNH SẼ BỊ NÉM ĐÁ TỚI CHẾT.

LOẠI ĐỨC HẠNH CẦN THIẾT CHO MỘT CỘNG ĐỒNG NƠI BIÊN CƯƠNG. VÍ DỤ SỰ CAN ĐÁM NHẮN TÂM, SẼ KHÔNG THÍCH HỢP VỚI MỘT XÃ HỘI VĂN MINH HƠN.

VÀ MỘT NHÀ PHÊ BÌNH MARXIST CÓ THỂ PHÁN RẰNG “MINH TRIẾT CỔ” ẤY BỊ TIÊM NHIỄM Ý THỨC HỆ NHIỀU HƠN NHỮNG GÌ MACINTYRE ĐƯỞNG NHƯ ĐÃ NGHĨ.



VÀ CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI SẼ DẪN ĐẾN ĐÂU?

Hãy còn quá sớm nên chúng ta chưa đủ tự tin dự đoán đạo đức học hậu hiện đại sẽ như thế nào. Có thể nó không tồn tại giống như một thực thể mà từ trước đến nay chúng ta vốn coi là “đạo đức học” tí nào. Lúc đó, có vẻ như nó là một sự kết hợp hơi kỳ lạ của một kiểu tư tưởng hoài nghi ăn mòn của những nhà Khuyển nho Hy Lạp Cổ đại và tư tưởng thực dụng lành mạnh của Aristotle. Nó có vẻ khôn ngoan khi khẳng định rằng không có những chân lý đạo đức to tát nào cả.

Các nhà hậu hiện đại dường như hợp lý khi họ nhấn mạnh chúng ta nên thận trọng với các triết gia và chính trị gia khi họ tuyên bố rằng cả hai tư tưởng đó đều tồn tại và họ có một số cách tiếp cận với chúng trên phương diện cá nhân.

CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI CÓ LẼ KHÔNG
THỂ BỎ QUA SỰ THẬT LÀ VỚI TƯ CÁCH CON
NGƯỜI, CHÚNG TA LÀ NHỮNG CÁ NHÂN PHẢI SINH
SỐNG THEO TẬP THỂ



VÀ NẾU CHÚNG TA PHẢI SỐNG ĐƯỢC VỚI
NHAU, CHÚNG TA SẼ LUÔN CẦN CÁC THỎA ƯỚC
CHUNG, CÁC BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ VỀ ĐẠO ĐỨC
- NGAY CẢ NẾU CHÚNG TA BIẾT RẰNG CHÚNG
KHÔNG CÓ MỘT “NỀN TẢNG” NÀO.

Aristotle luôn khẳng định rằng đạo đức học chỉ là một nhánh của chính trị học chứ không thuộc siêu hình học. Các học giả đa năng như Rawls, MacIntyre và Bauman dường như tán thành nhận định này.

THỜI ĐẠI CẦN MỘT NỀN ĐẠO ĐỨC HỌC NỮ QUYỀN MỚI

Một số triết gia bảo vệ nữ quyền như **Martha Nussbaum** (sinh 1947) tin rằng chính đàn ông sinh tạo ra “các hệ thống” chính thức trùu tượng trau chuốt mà rồi họ cố áp đặt nó vào thế giới bề bộn hơn của con người và các vấn đề luân lý của họ.

NHƯNG CÓ “ĐỨC HẠNH” ĐẶC THÙ CỦA PHỤ NỮ HAY KHÔNG?”

QUAN ĐIỂM GIA TRƯỞNG THỐNG SOÁI VỀ “BẢN CHẤT” THẬT SỰ CỦA PHỤ NỮ TRONG NHIỀU THẾ KỶ QUA LÀ HỌ CÓ NĂNG LỰC TRỰC GIÁC HƠN, PHI LÝ HƠN, NHẸ NHÀNG, THỤ NHẬN, VỊ THA VÀ ĐỒNG CẢM HƠN CÁNҺ ĐÀN ÔNG.

M-M-M MMM EM NẤU MÓN GÌ VẬY?

NHỮNG PHẨM TÍNH RÕ RÀNG NÀY THƯỜNG GIỚI HẠN PHỤ NỮ Ở PHẠM VI GIA ĐÌNH.



Mary Wollstonecraft (1759-97) đã công kích quan điểm về “bản chất” phụ nữ này với tư cách là một nỗ lực kiến tạo ý thức hệ mà ý đồ trên hết của nó là hợp thức hóa sự ưu việt của đàn ông trong cuộc sống công.



CÓ MỘT SỰ KHÁC BIỆT RÕ RÀNG GIỮA “GIỚI TÍNH” SINH HỌC CỦA PHỤ NỮ VÀ “GIỚI” MÀ XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA ĐỊNH HÌNH NÊN.



VÌ THẾ HỌC THUYẾT BẢN CHẤT LUẬN VỀ “BẢN TÍNH NỮ” LÀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỐI VỚI BẤT KỲ ĐẠO ĐỨC NỮ QUYỀN NÀO. NẾU “BẢN TÍNH NỮ” THẬT SỰ LÀ MỘT DẠNG KIẾN TẠO VỀ MẶT LỊCH SỬ VÀ XÃ HỘI.

Julia Kristeva (sinh 1941) nhấn mạnh rằng không có cái gọi là “phụ nữ đích thực”, bởi vì có những nghi vấn hậu hiện đại về chính khái niệm của bản thân “bản sắc”.

KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG VÀ RIÊNG TƯ

Nhưng một số người bảo vệ nữ quyền tin rằng có thể có yếu tố nào đó hấp dẫn về những “đức hạnh” giới tính truyền thống này tiến vào phạm vi đời sống công cộng.



Họ lập luận rằng một số “đức hạnh phụ nữ” truyền thống về hợp tác và chăm sóc diễn ra trong “không gian riêng tư” nên được ưu tiên thật nhiều hơn so với “không gian công” của đàn ông tàn bạo và nhấn tâm.

JAKE LÝ TRÍ VÀ AMY TÌNH CẢM

Một ví dụ điển hình về sự tiếp cận “bảo vệ nữ quyền” khác đối với nan đề đạo đức được “Amy” thể hiện trong nghiên cứu nổi tiếng về sự phát triển đạo đức của **Lawrence Kohlberg** nhan đề “**Triết lý về sự phát triển đạo đức**” năm 1981.

Hai đứa trẻ, “Jake” và “Amy” được ví dụ trong nan đề đạo đức

MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG NGHÈO CÓ NÊN
LÊN VÀO TIỆM THUỐC TRỘM THUỐC
MANG VỀ CỨU NGƯỜI VỢ ĐANG
HẤP HỐI KHÔNG?



Jake tỉnh tể (một người vị lợi hành động)
đã nói gì?

Đáng ngạc nhiên là
Amy trả lời như sau:



ÔNG CHỒNG NÊN ĐẾN GẶP VÀ BÀY
TỎ TÌNH CẢNH CỦA MÌNH CHO NGƯỜI
BÁN THUỐC NGHE.

ĐƯỢC CHỨ

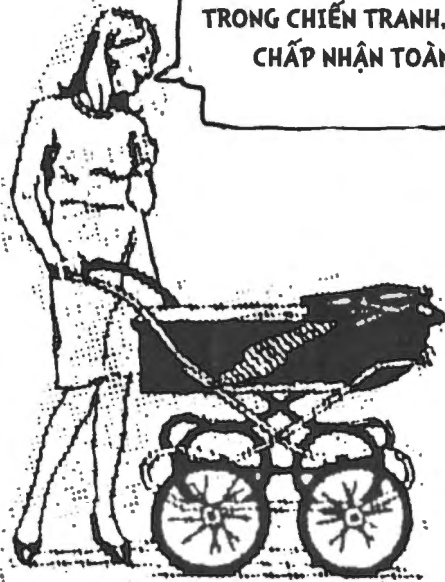
VÀ XEM THỬ NHƯ THẾ HAI NGƯỜI CÓ TÌM
RA MỘT CÁCH GIẢI QUYẾT NÀO KHÔNG.

Vì thế, có lẽ Jake đã sai khi cho rằng vấn đề đạo đức có thể được “giải quyết” bằng cách một cá nhân cô độc hung hăng sử dụng một “hệ thống” luân lý. Kết luận là phụ nữ xem xét những khía cạnh đặc thù của mối quan hệ và những tình cảm liên quan trong nan đề luân lý này và rồi cố gắng đàm phán.

Nhưng vẫn không rõ ràng là có những sự khác biệt có thể dự đoán được trong phương pháp tiếp cận vấn đề đạo đức của nam và nữ giới. Việc cho rằng phụ nữ kém “duy lý” hơn và có “trực giác” hơn có thể dễ được mô tả là một điểm yếu chứ không phải là một thế mạnh. Nhiều triết gia tin rằng một đặc trưng chính của đạo đức học là tính phổ quát của nó, và sẽ lo lắng về khái niệm “đàm phán” trong những vấn đề khó giải quyết về đạo đức (Chẳng hạn, giả sử Amy không giỏi về đàm phán thì sao?)

NHỮNG ƯU TIÊN ĐẠO ĐỨC KHÁC NHAU

Có lẽ một cách tốt hơn nhằm tìm hiểu sự khác biệt này không phải là tuyên bố rằng phụ nữ nghĩ về các vấn đề đạo đức theo những cách khác nhau, mà để chỉ ra những ưu tiên lựa chọn đạo đức của họ khác nhau ra sao.

A black and white illustration of a woman in a dress pushing a stroller. She is looking down at the stroller.

VÌ THẾ, CHẮNG HẠN, NHỮNG PHỤ NỮ TRÁI QUA THỜI KỲ THAI NGHÉN RỒI SINH ĐỂ CÓ LẼ MIỄN CƯỜNG HƠN KHI CHẤP NHẬN SỰ THƯƠNG VONG TRONG CHIẾN TRANH, VÀ VÌ THẾ MÀ KHÔNG CHẤP NHẬN TOÀN BỘ CUỘC CHIẾN.



PHỤ NỮ ĐÃ TỪNG CHĂM SÓC TRẺ CÓ THỂ CÓ XU HƯỚNG ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC VÀ CHĂM SÓC CAO HƠN VÀ CÓ NHU CẦU NHIỀU HƠN VỀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ THỂ CHẤT LÀNH MẠNH.

Nhưng thực tiễn nuôi dạy trẻ em cũng mang tính văn hóa nhiều như “tính sinh học”, và thật khó nhìn nhận chúng được sử dụng như thế nào với tư cách là nền tảng cho một hệ mới triệt để các “đức hạnh” luân lý phổ quát, trung hòa về giới vốn có thể được khích lệ phát triển ở mọi người.

LÀNH MẠNH. NHÂN ĐẠO. SINH THÁI (S.H.E)

Có một sự thật được thừa nhận rộng rãi là những học thuyết và hệ thống đạo đức đều được nảy nở từ những xã hội xem phụ nữ ở vị thế phụ thuộc. Nếu những động thái quan tâm và hoạt động có liên quan theo truyền thống với phụ nữ được ban cho một vị thế cao đối với những bình diện thường được liên quan đến nam giới, thì những ưu tiên đạo đức có thể đã trở nên rất khác nhau.

MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ TỰ NHIÊN CÓ THỂ LÀNH MẠNH HƠN NHIỀU VÀ CUỘC SỐNG CON NGƯỜI SẼ HẠNH PHÚC HƠN.

Mrs. Pots the Painter's Wife



Mrs. Pots the Painter's Wife

Mrs. Bones the Butcher's Wife



Mrs. Bones the Butcher's Wife

Mrs. Chip the Carpenter's Wife



Chip the Carpenter's Wife

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HẬU KỲ SẼ PHẢI TÌM RA MỘT SỰ HÀI HÒA TỐT HƠN GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ LÒNG THAM LỢI NHUẬN CÙNG VỚI NHỮNG NHU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

Giải pháp mong đợi rất có thể là một xã hội S.H.E. (Lành mạnh. Nhân đạo. Sinh thái)

ĐẠO ĐỨC HỌC MÔI TRƯỜNG

Một vấn đề luân lý thật sự duy nhất đối với thời đại của chúng ta là vấn đề quan hệ của con người với môi trường tự nhiên. Vấn đề này nảy sinh một phần là do sự bùng nổ dân số con người đến mức giết mình trong những năm gần đây và sự tăng trưởng đáng báo động của các xã hội công nghiệp mới, hình thành đầu tiên ở phương Tây rồi hiện nay lan sang vùng Viễn Đông. Cả hai khu vực đều gây ra ô nhiễm cho hành tinh trên quy mô khó mà lường nổi.

NHIỀU DẠNG THỨC SỐNG ĐÃ BỊ HỦY DIỆT, MÔI SINH CỦA CÁC GIỐNG LOÀI KHÁC BỊ NHIỄM ĐỘC VÀ PHÁ HỦY.

SỰ TOÀN VỆ CỦA CHÍNH SINH QUYỂN BỊ ĐE ĐỌA DO TÌNH TRẠNG ẤM LÊN CỦA ĐỊA CẦU VÀ TẦNG Ô ZÔN BỊ HỦY HOẠI.



LOÀI NGƯỜI CHÚNG TA SINH SÔI NẢY NỔ VỀ SỐ LƯỢNG VÀ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH TỰU LỚN LAO, NHƯNG ĐIỀU CẤP THIẾT HIỆN NAY LÀ CẦN CÓ MỘT ĐẠO ĐỨC HỌC MÔI TRƯỜNG MỚI.

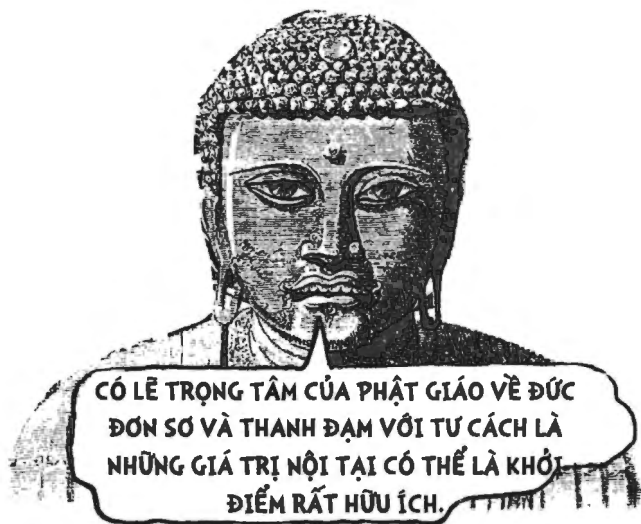
Chúng ta cần đồng thuận về những hành vi ứng xử đối với hành tinh mình, thậm chí còn hơn là chúng ta cần đến những thông tin khoa học chi tiết về những sự hủy hoại do ta gây nên. Chúng ta phải tìm ra những ý thức hệ văn hóa, chính trị và kinh tế thay thế vốn rất khác với những gì ta hiện nay đang tán thành.

ĐẠO ĐỨC HỌC DĨ NHÂN VI TRUNG

Hiện tại không ai hoàn toàn biết chắc ý nghĩa hay hình dáng của “đạo đức học môi trường” trông như thế nào. Các học thuyết đạo đức truyền thống lấy con người làm trung tâm một cách ích kỷ.



Chúng ta phải có khả năng hòa giải giữa một loạt phức hợp sự kiện hành tinh thực nghiệm và các giá trị cũng như ý thức hệ con người. Để có thể thực hiện điều này ta không thể trông chờ nhiều vào kho tàng triết lý đạo đức trong quá khứ.



TRƯỜNG HỢP THÀNH PHỐ NEWBURY

Ngày nay ít người tin rằng sự sung túc vật chất và công việc phải được theo đuổi đến cùng bất chấp những cái giá phải trả về môi trường. Xét về khía cạnh này, có lẽ các chính phủ gặp phải nhiều thách thức về đạo đức hơn là dân thường. Chính phủ Anh hiện tại vẫn đặt nặng cam kết về “văn hóa xe hơi” mặc dù cuối cùng các chính trị gia bắt đầu nhận ra thiệt hại mà xe hơi và xe tải gây nên cho các miền quê và cuộc sống công dân trong môi trường đô thị.



Khu đất công và các dòng sông là “các địa điểm đặc biệt của khoa học đặc thù”. Con đường mới có thể sẽ phá hủy hay xâm hại nghiêm trọng một quần thể chim cú muỗi địa phương quý hiếm và thậm chí cũng có khả năng gây tuyệt chủng cho một loài ốc hiếm ở đây khi chuyển hướng dòng sông.

ĐIỀU NÀY HỀ TRỌNG KHÔNG?

MỘT LÝ LUẬN THEO THUYẾT VỊ LỢI

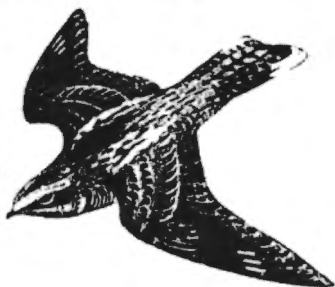
Một lập luận về môi trường và đạo đức thông thường là thuyết Vị lợi dành cho con người.

Kiểu lý luận theo thuyết Vị lợi quen thuộc này rất có trọng lượng nhưng vẫn đặt trọng tâm cho hạnh phúc con người. Chim cú muỗi và thực vật chỉ có giá trị đạo đức chừng nào mà nó mang lại **sự thích thú** cho con người.

SNELSMORE LÀ MỘT NƠI
TUYỆT ĐẸP. ĐỐI VỚI NHIỀU
NGƯỜI NÓ CHÍNH LÀ NƠI ĐỂ
THAM QUAN VÀ VUI CHƠI
GIẢI TRÍ.



VIỆC HỦY HOẠI MÔI SINH NÓ SẼ GÂY
NÊN KHÁ NHIỀU HỆ LỤY KHÔNG CHỈ
ĐỐI VỚI CÁC THỂ HỆ HIỆN TẠI MÀ CẢ
TƯƠNG LAI.



CÓ LẼ CHÚNG TA NÊN NGHĨ VỀ BẢN THÂN NHIỀU
HƠN VỚI TƯ CÁCH LÀ NGƯỜI PHỤC VỤ MÔI
TRƯỜNG CHỨ KHÔNG PHẢI NGƯỜI SỬ DỤNG
MÔI TRƯỜNG.



Một kiểu lập luận môi trường-đạo đức khác đề cập đến quyền đạo đức của cú muỗi và con lửng là theo đuổi những “quyền lợi” của chúng, điều mà chúng không thể có nếu môi trường sống bị hủy hoại nghiêm trọng. Có thể đó là lập luận “vị lợi khai sáng” – nó công nhận giá trị nội tại của sinh vật sống khác hơn là chính chúng ta. Lập luận này sẽ nhấn mạnh môi sinh động vật là một **nhu cầu**, trong khi xa lộ của con người chỉ là một **y muốn**.

Thế còn những thực thể vô sinh như cây cối và đá thì sao? Một người vị lợi tương đối phi chính thống và khai sáng cực đoan có thể khẳng định rằng cây cối cũng có “những quyền lợi” đặc thù – thảo mộc cần một môi trường để sinh trưởng phát triển khỏe mạnh mà điều này sẽ bị hủy diệt hay phá hoại nếu có bất cứ sự ô nhiễm trực tiếp nào.



TUY NHIÊN, ĐỐI VỚI NHIỀU TRIẾT GIA, CÁC LẬP LUẬN ĐẠO ĐỨC THEO TƯ TƯỞNG VỊ LỢI DƯỠNG NHƯ KHÔNG THUYẾT PHỤC Ở ĐIỂM NÀY.

KHÓ MÀ NHẬN THẤY CÂY CỐI HAY ĐÁ CÓ THỂ CÓ “QUYỀN LỢI” NẾU NÓ KHÔNG CÓ CÁCH NÀO “CẢM NHẬN ĐƯỢC” THẾ GIỚI.

ĐẠO ĐỨC HỌC CHÍNH THỂ LUẬN

Một người theo thuyết Vị lợi sẽ không có vấn đề gì khi thừa nhận cây cối, thậm chí đất đá và nước thuộc phạm vi đạo đức, nhưng thật sự chỉ vì các dạng sống hữu tình mà chúng dưỡng trợ. Đạo đức học theo phái chính thể luận sẽ xem trọng vai trò đạo đức của những thực thể vô tri như đá và cây cối trên một nền tảng tư duy khác bằng cách trích dẫn những giá trị nội tại của chúng về “đa dạng”, “tương quan”, và “phong phú sinh thái”, tất cả những giá trị độc lập với sự hữu dụng của nó đối với chúng ta hay với các dạng sống hữu tình khác.



CÓ LẼ MỘT CÁCH HIỂU ĐẠO ĐỨC HỌC NHƯ NÀY SẼ HÌNH DUNG RA NHỮNG HẬU QUẢ CỦA VIỆC KHÔNG HIỂU BIẾT ĐIỀU ĐÓ.

HÃY NGHĨ VIỄN CẢNH KHỦNG KHIẾP CỦA HÀNH TINH CHÚNG TA KHI RỐT CUỘC SẼ BỊ TỐI GIẢN THÀNH MỘT LOẠT THÀNH PHỐ VỚI CÁC BÊ TÔNG ĐỒ SỘ NHẦM CHÁN CHỈ ĐƯỢC LIÊN KẾT VỚI NHAU THÔNG QUA CÁC TRANG TRẠI THÔ KỊCH VÀ TẬP ĐOÀN NÔNG NGHIỆP ĐƠN ĐIỀU VỀ VĂN HÓA.

KHÔNG CÒN RỪNG NHIỆT ĐỚI, RỪNG RẬM VÀ ĐỘNG VẬT GÌ MÀ CHỈ CÒN NHỮNG LOÀI ĐƯỢC NUÔI TRỒNG LÀM NGUỒN THỰC PHẨM CHO CON NGƯỜI.

Một hành tinh như thế ra đời thực sự quái đản ngoài sức tưởng tượng. Có lẽ để trở thành con người toàn diện, cần phải có các khu vực hoang dã để đòi hỏi khi chúng ta có thể thoát khỏi môi trường thuần túy sản xuất nơi ta chỉ thấy người và người.

CHÚNG TA KHÔNG PHẢI LÀ KẺ NGOÀI CUỘC

Sự thất bại của loại những lập luận Vị lợi truyền thống nhằm đưa ra những giải pháp đạo đức làm cho một số người nghĩ rằng chúng ta cần một hình đạo đức sinh thái mới hơn, phức tạp hơn mang tính “chủ toàn” triệt để hơn. Chúng ta sẽ thấy khó mà nắm bắt được kiểu đạo đức mới này, bởi nó phải cần đến một năng lực tưởng tượng không hề nhỏ và một tinh thần sẵn sàng loại bỏ những dự vọng vật chất trước mắt để vun đắp một cái gì đó xa xôi và lớn lao hơn. Đạo đức học truyền thống không lý giải điều này với tư cách là một hoạt động tất yếu hướng tới con người. Theo những gì chúng ta biết, cú muỗi và thảo mộc không được đếm xỉa đến trong hệ thống này.

NHƯNG ĐIỀU NÀY KHÔNG CÓ NGHĨA RẰNG CON NGƯỜI LUÔN PHẢI DÀNH QUYỀN ƯU TIÊN ĐẠO ĐỨC CHO TẤT CẢ MỌI SINH VẬT KHÁC MÃI MÃI NHƯ THẾ.

ĐÃ TỪ LÂU, CHÚNG TA - NHỮNG CON NGƯỜI - ĐÃ XỬ SỰ NHƯ THỂ VÔ TÌNH TA “ĐỨNG NGOÀI” MÔI TRƯỜNG SINH THÁI CỦA MÌNH MỘT NIỀM TIN VỐN ĐƯỢC CÁC TRIẾT GIA CỔ VŨ.



NHƯNG TA KHÔNG “ĐỨNG NGOÀI”. CHÚNG TA CẦN ĐẠO ĐỨC CHO PHÉP VÀ THẬM CHÍ BƯỚC MÌNH PHẢI HỢP NHẤT VỚI TỔNG THỂ THẾ GIỚI TỰ NHIÊN, TRONG ĐÓ CÓ CHÚNG TA.

Chúng ta là thành viên của một sinh quyển phức hợp có tính ổn định, khỏe mạnh và toàn vẹn. Sinh quyển đó phải nằm trong tinh thần quan tâm của chúng ta để được giữ gìn và không bị đe dọa.

Đạo đức môi trường sẽ phải nhấn mạnh việc cách chúng ta nhìn nhận bản thân với tư cách là sản phẩm và có thể là người bạn tin cậy của hành tinh này, chứ không phải kẻ kiểm soát và khai thác nó.

Thuyết “Gaia” nổi tiếng hiện nay của James Lovelock cho rằng hành tinh đang cư mang chúng ta thực chất là một cơ chế sinh học khổng lồ tự điều tiết bất tận. Điều này có nghĩa rằng nó không hề cam kết bảo tồn đời sống con người. Vì vậy, có lẽ chúng ta phải rất thành tâm thuyết phục vị chủ hành tinh rằng chúng ta xứng đáng tồn tại với tư cách là những vị khách tận tâm gìn giữ môi trường.

1. Gaia là Nữ thần Đất Mẹ trong thần thoại Hy Lạp và La Mã, Thuyết Gaia là nhóm các lý thuyết khoa học về phương thức mà sự sống trên Trái Đất điều hoà sinh quyển của hành tinh để khiến nó thân thiện với sự sống. Cũng được gọi là khoa học hệ thống Trái Đất.



ĐẠO ĐỨC HỌC VÀ ĐỘNG VẬT

NHỮNG TRIẾT GIA PHẢI PHÍ BẢNG

Động vật, ở Snelsmore Common và những nơi khác, là sinh vật chuyển động – một lớp động vật gồm mọi loài từ trùng amip đến tinh tinh. Chúng ta ăn thịt động vật, sử dụng như dạng lao động không trả lương, làm phương tiện chuyên chở, trò vui tiêu khiển và để các nhà khoa học thí nghiệm. Hầu hết mọi triết gia đều không ưu ái gì động vật. Aristotle cho rằng động vật thường bắt chước hành động con người...

NHƯNG CHÚNG KHÔNG THẬT SỰ "LÀM" NHỮNG ĐIỀU NÀY BỞI KHI HÀNH ĐỘNG CHÚNG ĐÂU CÓ TƯ DUY GÌ.

Decartes khẳng định rằng động vật là những bộ máy không thể suy nghĩ hay cảm nhận sự đau đớn...

TIẾNG KÊU ĐAU ĐỒN CỦA ĐỘNG VẬT GIỐNG NHƯ TIẾNG CHUÔNG ĐỒNG HỒ NGÂN VANG.



Kant thì cho rằng đối xử không tốt với động vật là điều sai lầm.

ĐƠN GIẢN BỞI VÌ THÁI ĐỘ TÀN ÁC NÀY CÓ THỂ LÀM CHO CON NGƯỜI TRỞ NÊN THÔ BẠO VÀ VÌ THẾ LÀM CHO HỌ CŨNG ĐỐI XỬ TÀN BẠO VỚI CON NGƯỜI.



Wittgenstein khẳng định rằng việc tư duy là bất khả thi nếu không sử dụng một dạng ngôn ngữ nào đó.

VÌ THẾ ĐỘNG VẬT KHÔNG THỂ NÀO "CÓ Ý THỨC" ĐƯỢC.



QUYỀN CỦA ĐỘNG VẬT

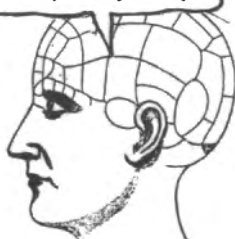
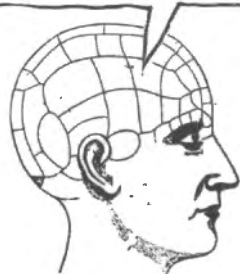
Nhiều nhà hoạt động bảo vệ động vật nghĩ rằng động vật có “quyền” tự nhiên hoặc đạo đức mà con người cần phải tôn trọng. “Tuyên ngôn về quyền” được kẻ yếu đuối sử dụng để tự vệ trước kẻ mạnh mẽ hơn. “Kẻ yếu” có thể là dân thường phản kháng lại chính quyền độc đoán, nhóm người thiểu số tìm cách bảo vệ mình trước đa số thù địch, hoặc trong trường hợp này, những nhà bảo vệ động vật muốn ngăn chặn các hành động ngược đãi động vật. Quyền hợp pháp hay đạo đức thường được hậu thuẫn bằng các học thuyết cơ bản về khế ước. Công dân sẽ đồng ý tuân thủ luật lệ hợp lý, nếu chính quyền không trở nên bạo ngược.

VÌ THẾ MÀ HAI BÊN ĐỀU CÓ NHỮNG QUYỀN LỢI THỤ HƯỞNG VÀ NGHĨA VỤ BẮT BUỘC.

NHUNG ĐỘNG VẬT LÀM SAO MÀ KÝ THỎA THUẬN ĐƯỢC!

BỚÍ VÌ MỘT CHÚ VOI KHÔNG THỂ NÓI NÊN LỜI NHỮNG QUYỀN LỢI CỦA NÓ LÀ GÌ, THÌ NÓ ĐÂU CÓ QUYỀN.

“TUYÊN NGÔN VỀ QUYỀN” DƯỞNG NHƯ CŨNG KHÔNG GIÚP ÍCH GÌ CHO ĐỘNG VẬT ĐƯỢC.



CHÚNG TA CÓ THỂ CHỨNG TỎ ĐỘNG VẬT CÓ QUYỀN KHÔNG?

Đã có nhiều nỗ lực của con người nhằm vượt qua vấn đề “quyền và khế ước” này. Bạn có thể cho rằng những người bảo vệ động vật đại diện cho nó mà thực hiện các thỏa ước – cũng như người lớn giám hộ trẻ em chưa trưởng thành và chưa có khả năng tự diễn đạt. Bạn có thể tuyên bố rằng động vật bẩm sinh đã có quyền của nó, nhưng điều này hơi khó chứng minh. Bạn có thể tuyên bố những quyền như thế được xét về trực giác là hiển nhiên đối với bất kỳ sinh vật có lý trí nào – một tuyên ngôn rất có thể bị bất kỳ nông dân nuôi gà nhốt chuồng nào phản bác. Thuyết phục hơn, bạn có thể đưa ra một tuyên bố mang tính mục đích luận rằng động vật có một số chức năng nhất định vì thế nó phải có quyền thực hiện.



Lập luận này nêu rằng chức năng và quyền có cùng ý nghĩa, nhưng thực tế thì không phải vậy. Một anh chàng có đủ bộ phận cần thiết để truyền giống cho phụ nữ, nhưng điều này không cho phép anh ta có quyền làm điều đó.

LẬP LUẬN THEO THUYẾT VỊ LỢI

Xét tổng thể, dường như tốt nhất là bỏ đi mọi “tuyên ngôn về quyền” tự nhiên và đạo đức. Các quyền pháp định thì dễ bảo vệ hơn nhiều, đơn giản bởi vì chúng ta biết chính xác mình đề cập điều gì. Đàn chó xé xác con lửng ra thành từng mảnh là phi pháp hay không phi pháp, trong trường hợp này con lửng có một số quyền tối thiểu nhất định. Việc liệu con lửng có thật sự được bảo vệ thỏa đáng hay không trong luật pháp lại là một chuyện khác.

Một cách nhìn triết lý khác về việc bảo vệ động vật là lập luận theo thuyết Vị lợi. Như chúng ta đã biết, những người theo thuyết Vị lợi ủng hộ việc mang lại hạnh phúc nhiều nhất cho nhiều người nhất.

VIỆC ĐỘNG VẬT CÓ KHẢ NĂNG TRẢI NGHIỆM HẠNH PHÚC TINH TẾ NHƯ CHÚNG TA CÓ THỂ CẢM NHẬN LÀ ĐIỀU DƯỠNG NHƯ KHÔNG TƯỞNG...

...NHƯNG CHÚNG CHẮC CHẮN CÓ NHỮNG NHU CẦU CẤP THIẾT LIÊN QUAN ĐẾN SỰ SINH TỒN.

BÁC KHÔNG VÔ TÍCH SỰ MÀ BÁC LÀ CHÓ SĂN.

NGƯỜI TA BẢO LOÀI CHÓ CHÚNG TÔI CŨNG CÓ NHỮNG NHU CẦU VÀ QUYỀN LỢI - NHƯ VIỆC THỰC HIỆN ĐƯỢC NHỮNG BẢN NĂNG TỰ NHIÊN CỦA MÌNH.

Thỏa mãn được nhu cầu, mong muốn và quyền lợi của mình có lẽ sẽ làm cho động vật hạnh phúc theo kiểu riêng của chúng.

ĐỘNG VẬT VÀ NỠI ĐAU

Chúng ta không thể chứng minh được rằng động vật biết cảm giác đau, nhưng ta cũng không thể chứng tỏ được người khác ngoại trừ chính ta cũng cảm nhận sự đau đớn. Tuy nhiên, chúng ta sẽ ngạc nhiên nếu chúng không cảm nhận được nỗi đau.

ĐỘNG VẬT CŨNG PHÁT RA ÂM THANH KHI CHÚNG MUỐN BIỂU THỊ SỰ ĐỒN ĐAU VÀ CHÚNG CŨNG CÓ HỆ THẦN KINH TƯƠNG TỰ NHƯ TA

...VÌ THẾ THẬT HỢP LÝ KHI CHÚNG TA TIN LUÔN RẰNG ĐỘNG VẬT CÓ CẢM NHẬN ĐƯỢC NỠI ĐAU.



NIỆM TIN RẰNG SỰ ĐAU ĐỒN CỦA ĐỘNG VẬT Ở MỘT MỨC ĐỘ KÉM HƠN CON NGƯỜI NHẠY CẢM CŨNG KHẢ LẪM TA NGHĨ NGỜ.

ĐÓ ĐÃ TỪNG LÀ LẬP LUẬN CỦA MỘT SỐ NGƯỜI MỸ VỀ NHỮNG NÔ LỆ DA ĐEN.

Sự đột phá chính của những người theo thuyết Vị lợi là thay đổi cách nhìn nhận vấn đề động vật. Những triết gia duy lý tranh cãi về khả năng lý trí và ngôn ngữ ở động vật trong một nỗ lực cho thấy liệu chúng có quyền hay không. Bentham phát biểu: "Câu hỏi không phải là: "Động vật có lý luận không?" hay "chúng nó có nói được không?" mà là, chúng nó có chịu đòn đau hay không?".

Động vật không phải là đồ vật. Về mặt luân lý, động vật quan trọng vì nó là loài hữu sinh hữu tình. Con người có thói quen rất tệ là tước bỏ công lý đối với một số chủ thể mà trí tưởng tượng nghèo nàn của họ cho là “ngoại giới”. Đối với người Athens cổ, bất kỳ ai không phải người Athens thì chẳng có chút quan trọng nào về mặt đạo đức. Rồi cực chẳng đã một số người Athens đã dung nhận tất cả những ai nói tiếng Hy Lạp.

TRONG THẾ KỶ 18, MỘT SỐ NGƯỜI ÂU CHÂU ĐƯỢC KHAI SÁNG CHO RẰNG CÓ LẼ TẤT CẢ CON NGƯỜI XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG.



CUỐI CÙNG, TÔI CÓ Ý KIẾN RẰNG MỌI SINH VẬT HỮU TÌNH ĐỀU XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC XEM TRỌNG VỀ LUÂN LÝ Ở MỘT DẠNG NÀO ĐÓ.

PHẢI VẬY CHỨ!

Nhưng không nhiều người vị lợi cho rằng động vật có vị thế luân lý y hệt con người. Họ thường khẳng định rằng cuộc sống và hạnh phúc con người phức tạp hơn và vì thế quan trọng hơn hạnh phúc động vật.

THÍ NGHIỆM ĐỘNG VẬT

Một người theo thuyết Vị lợi có nghĩa vụ nhận ra hiện thực và sự đau đớn mà động vật phải chịu khi quyết định “đúng” và “sai” trong việc thí nghiệm bằng động vật. Hàng năm, có hàng triệu động vật khắp nơi trên thế giới bị chọc mù mắt, thiêu cháy, làm tê liệt, kích điện, cho bị ung thư, làm hại não và bị giết chết.



Hành vi thường được xem là kinh tởm thì lại được chấp nhận nếu nó được thực hiện bởi các nhà khoa học mặc áo choàng trắng cùng với chương trình thực nghiệm khoa học cụ thể. Một số khoa học gia khẳng định con người luôn được phép tự bảo vệ mình thậm chí điều đó có thể gây thiệt hại đến các loài hữu sinh khác – ngay cả nếu mối nguy xuất phát từ một nhãn hiệu mỹ phẩm mới!

Một số nhà hoạt động bảo vệ động vật phản ứng rằng rằng động vật là hữu thể bình đẳng về luân lý với chúng ta và rằng việc thí nghiệm trên những con vật bốn chân bất lực yếu đuối thì luôn luôn sai lầm. Họ chỉ ra rằng động vật thường là vật thay thế tội nghiệp cho con người – nhưng đồng thời điều họ nhấn mạnh nghịch lý rằng DNA của người và các loài linh trưởng rất giống nhau.

NHÀ KHOA HỌC TẬN TÂM VÀ MỘT SỐ HƯỚNG DẪN LUÂN LÝ KHẢ THI

Một nhà khoa học theo thuyết Vị lợi quan tâm thật lòng đến con người và động vật có thể phát biểu như thế này...

Các thí nghiệm trên động vật có thể được biện minh chỉ trên cơ sở y khoa. Bất kỳ nhà khoa học nào mong muốn thí nghiệm trên động vật phải tuyên bố rõ ràng nghiên cứu của mình sẽ mang lại những lợi ích y tế gì. Nhà khoa học phải chứng tỏ cho chúng ta rằng nghiên cứu của mình không thể được thực hiện trong bất kỳ cách nào khác (như áp dụng cấy tế bào người, khảo sát dân số, mô hình trên máy tính, v.v...).



Các khoa học gia phải thuyết phục chúng ta những ích lợi từ nghiên cứu phải lớn hơn sự đau khổ mà động vật được dùng thí nghiệm phải chịu. (Vì thế bạn có thể biện minh cái chết của 1000 chú chuột nếu bạn cứu sống 100.000 trẻ em bằng kết quả nghiên cứu của mình.)

Nhà khoa học phải thông báo công khai rằng mình sẽ chuẩn bị tiến hành các thí nghiệm tương tự trên những trẻ sơ sinh bị tổn hại thương não. (Điều này trắc nghiệm rằng chúng tỏ rằng nhà khoa học tin chắc sự nghiêm túc của những gì mình đang làm mà không phải là người theo “chủ nghĩa giống loài” – nghĩa là tư tưởng đối xử với động vật như vật dụng.)”

Một số nhà khoa học sẽ phản đối rằng những luật lệ khắt khe như thế có thể chấm dứt những nghiên cứu “thuần túy”. Các nhà khác sẽ cho rằng cái giá mà động vật phải trả để thỏa mãn sự hiếu kỳ của con người là quá cao.

LẬP LUẬN NHÂN THÂN

“Lập luận nhân thân” thì khác. Từ “nhân thân” được các triết gia sử dụng nhằm tránh sự mơ hồ và nhầm lẫn gây ra do những thuật ngữ như “con người” trong tranh luận luân lý đạo đức. Khi ai đó nói rằng một bệnh nhân bị hôn mê đã bất tỉnh được ba năm và giờ không còn là “con người” nữa, họ không có ý nói rằng bệnh nhân ấy đã từ từ biến thành một chú hươu cao cổ, mà người ấy không còn là “một nhân thân” hay là người nào đó có một tiểu sử.

NHỮNG THỨ TẠO NÊN MỘT “NHÂN THÂN”
LÀ HOÀN TOÀN KHÔNG RÕ RÀNG.

MỘT VỊ BÁC SĨ.



LÀ MỘT “NHÂN THÂN”, NGƯỜI TA SẼ PHẢI CÓ LÝ TRÍ,
KHẢ NĂNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ, CÓ THỂ HOẠCH ĐỊNH
MỤC TIÊU, GIAO TIẾP ĐƯỢC VỚI NGƯỜI KHÁC, CÓ
MỘT SỐ KHẢ NĂNG TỰ NHẬN THỨC VÀ GHI NHỚ, CÓ
THỂ ĐƯA RA NHỮNG LỰA CHỌN VÀ VẤN VẤN.

Mặc dù chúng ta có lẽ sẽ xem một người mất hết trí nhớ và không chịu trò chuyện vẫn là một nhân thân, một người mà không có bất kỳ thuộc tính nào nói trên, nhưng có khả năng chúng ta xem họ không tồn tại như một con người.

(Có lẽ bởi vì họ ở trong tình trạng hôn mê giai đoạn cuối.)

TINH TINH CÓ PHẢI NHÂN THÂN HAY KHÔNG?

Dùng những tiêu chí như thế, chúng ta sẽ xem xét một sinh vật ngoài hành tinh giả tưởng là “một nhân thân” ngay cả mặc dù sinh vật ấy không phải là người. Điều quan trọng hơn, những nhân thân sẽ bao gồm một số loài có vú bậc cao – như vượn lớn, cá voi, cá heo và những loài khác. Có một số bằng chứng chắc chắn cho thấy một số loài vượn lớn có khả năng tự ý thức, lý trí, có thể lên kế hoạch, và thậm chí là sinh vật sử dụng ngôn ngữ theo một kiểu cách hạn chế nhất định.

ĐIỀU NÀY CÓ NGHĨA LÀ TINH TINH VÀ
KHÍ ĐỘT LÀ NHÂN THÂN.



Nếu chúng ta nhấn mạnh sự thật rằng là con người chúng ta có khác với động vật chỉ ở mức độ chứ không phải ở hạng loại, thì có lẽ có thể có một tập hợp thái độ khác trong mối quan hệ của chúng ta với chúng. Vì những lý do này mà hiện nay có một chiến dịch tâm cơ muốn ban cho vượn lớn những quyền con người đầy đủ.



ĐẠO ĐỨC HỌC VÀ CÁI CHẾT ÊM ÁI

TRƯỜNG HỢP BÁC SĨ COX VÀ BÀ BOYES

Năm 1992, Bác sĩ Nigel Cox bị đưa ra tòa xử vì đã chấm dứt cuộc sống của Bà Lillian Boyes. Bà Boyes là một trong những bệnh nhân đồng thời cũng là bạn thân của ông trong 13 năm.

BÀ ẤY CHỊU ĐAU ĐỚN VÌ ĐAU VIÊM KHỚP NẶNG. TRƯỚC KHI MẤT NĂM NGÀY, BÀ BOYES YÊU CẦU TÔI NGỪNG CƠN ĐAU CỦA BÀ ẤY BẰNG CÁI CHẾT ÊM ÁI.



Bác sĩ Cox đã cố gắng thực hiện nguyện vọng đó bằng cách cho bà Boyes dùng heroin liều cao, nhưng cách này dường như làm cho cơn đau đớn càng thêm dữ dội. Cuối cùng ông tiêm cho bà kali clorua để kết thúc cuộc sống của bệnh nhân. Cả hai người con trai của bà đã đồng ý với cách xử lý của Bác sĩ Cox, và tin rằng ông đã “chăm sóc mẹ chúng tôi với tất cả lòng yêu thương”.

PHIÊN TÒA

Cảnh sát đã bắt Bác sĩ Cox và đưa ra tòa xử tội sát nhân. Cuối phiên tòa, Ngài Thẩm phán Ognall bảo ông rằng...

NHỮNG GÌ ÔNG ĐÃ LÀM KHÔNG CHỈ PHẠM TỘI, MÀ CÒN LÀ SỰ PHẢN BỘI HOÀN TOÀN TRỌNG TRÁCH RÕ RÀNG CỦA ÔNG VỚI TƯ CÁCH LÀ MỘT THẦY THUỐC.



Bác sĩ Cox đã bị tuyên án 12 tháng tù treo. Tuy nhiên, ông không bị Hội đồng Đa khoa xóa tên trong sổ sách y khoa, và vẫn tiếp tục hành nghề y. Ông vẫn nghĩ rằng mình đã làm điều đúng cho bà Boyes.

ĐÓ LÀ MỘT HÀNH ĐỘNG TRUNG THỰC NGAY THẮNG MÀ CHỈ PHỤC VỤ CHO QUYỀN LỢI CỦA BÀ BOYES. DƯỠNG NHƯ HƠI KHẮC NGHIỆT KHI XEM TÔI LÀ TỘI PHẠM CHỈ VÌ TÔI ĐÃ GẮNG HẾT SỨC TRONG CÁI GỌI LÀ TÌNH HUỐNG KHÁ NGOẠI LỆ.



Bác sĩ Cox rõ ràng đã thực hiện một hành vi phi pháp, nhưng có phải điều ông đã làm là sai về mặt luân lý không?



CÁI CHẾT ÊM ÁI CÓ ĐƯỢC CHẤP NHẬN KHÔNG?

Vụ án nổi tiếng này giờ đây minh họa một số nét chính nan đề đạo đức của cái chết êm ái – “mang lại một cái chết nhẹ nhàng dễ chịu, đặc biệt là trong trường hợp bệnh nhân bị một căn bệnh đau đớn vô phương cứu chữa”. Tự tử không còn là bất hợp pháp ở Vương quốc Anh, nhưng với cái chết êm ái thì là phi pháp, cơ bản bởi vì nó không chỉ liên quan đến một cá nhân – thường là thân nhân họ hàng và/hoặc thành viên trong y giới. Về chủ đề này có rất nhiều ý kiến trái chiều.



Con người hầu như ai cũng trân trọng sự sống, vậy mà đồng thời lại muốn giúp đỡ bất kỳ ai đó bị đau đớn quá mức. Không dễ gì đưa ra một cách ứng xử thỏa đáng.

Cái chết êm ái là một vấn đề rất đau đầu về luân lý chính yếu đối với bác sĩ, bệnh nhân và nhiều người có liên quan. Vài người nghĩ một cách nghiêm túc rằng tất cả bệnh nhân bị hôn mê trường kỳ phải được duy trì sự sống bằng máy mãi mãi (mặc dù một số là như vậy), và một số ít người tin rằng một bệnh nhân buộc phải chịu đựng những cơn đau khủng khiếp không dứt được trong thời gian lâu nhất (mặc dù một số như vậy). Một số bác sĩ và triết gia sẽ nói rằng công việc của họ là cứu người và gìn giữ sự sống chứ không lấy đi sự sống ấy.

CHÚNG TÔI TIN RẰNG MỘT BỆNH NHÂN NHẬP VIỆN PHẢI CÓ LÒNG TIN TUYỆT ĐỐI VÀO NHÂN VIÊN Y TẾ.



BẠN CÓ MUỐN ĐƯỢC MỘT BÁC SĨ CHỮA TRỊ, NGƯỜI MÀ BẠN BIẾT ĐÃ GIẾT MỘT VÀI BỆNH NHÂN CỦA MÌNH BỒI VÌ LÒNG TỐT CỦA BÁC SĨ?.



TUY NHIÊN, BẠN CÓ KHÓ CHỊU KHÔNG KHI BIẾT RẰNG ĐÂY LÀ MỘT LÝ DO CHÍNH ĐÁNG ĐỂ HOÀN TOÀN BỎ BỎ CÁI CHẾT ÊM ÁI?.



BẠN CẢM THẤY THẾ NÀO NẾU BIẾT RẰNG BÁC SĨ TRONG MỘT BỆNH VIỆN SẼ KHÔNG BAO GIỜ ĐỒNG Ý GIÚP BẠN CÓ CÁI CHẾT ÊM ÁI, NGAY CẢ MẶC DÙ BẠN ĐANG Ở TRONG TÌNH TRẠNG ĐAU ĐÓN THẤU TRỜI?.



NHỮNG LẬP LUẬN CHỐNG LẠI CÁI CHẾT ÊM ÁI

Những lập luận chống lại cái chết êm ái khá mạnh mẽ. Hầu hết mọi người tin rằng giết người về cơ bản là xấu xa độc ác. Một số người khẳng định rằng cuộc sống là “thiên liêng” và chỉ có Chúa hay Tạo hóa mới có quyền chấm dứt cuộc sống. Lập luận “trượt dốc” cũng có quan điểm này.

MỘT SỐ NGƯỜI KHÔNG CẦN NHIỀU
BIỆN MINH ĐỂ GIẾT NGƯỜI KHÁC
VÀ CÁI CHẾT ÊM ÁI LÀ MỘT LỜI
BÀO CHỮA NHƯ THẾ

NƯỚC ĐỨC QUỐC XÃ LÀ
MỘT VÍ DỤ.

NẾU BẠN CHO PHÉP CÁI CHẾT ÊM ÁI
ĐỐI VỚI NHỮNG BỆNH NHÂN HỒN MÊ VÔ
PHƯƠNG PHỤC HỒI, THÌ CUỐI CÙNG CÓ
THỂ BẠN CŨNG CHẤP NHẬN VIỆC GIẾT
HẠI NHỮNG NGƯỜI “KHÔNG
THUẦN KHIẾT VỀ CHỦNG TỘC”.

Một khi đời sống con người được xem là đáng bỏ đi hay rẻ rúng, thì những giá trị đạo đức văn minh sẽ gặp nguy hiểm.

NHỮNG LẬP LUẬN BẢO VỆ CÁI CHẾT ÊM ẢO

Những người khác lập luận rằng cái chết êm ả là “một phương cách giải thoát dễ chịu”. Nó có thể làm giảm đi những nghiên cứu về việc giảm đau, những phương thức chữa trị ung thư, v.v.... Một số người lập luận rằng bác sĩ và y tá có thể trở nên hung bạo hay bị tổn thương tâm lý nếu như họ được bệnh nhân yêu cầu kết liễu cuộc sống, và vì thế các bệnh nhân khác có thể sợ y tá, bác sĩ.

NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ MỘT SỐ HÌNH THỨC CÁI CHẾT ÊM ẢO CHO RẰNG CHÍNH HỌC THUYẾT QUỐC XÃ VỀ SỰ THUẦN KHIẾT CHỦNG TỘC ĐÃ DẪN ĐẾN NHỮNG TRẠI TẬP TRUNG TỬ THẦN CHỨ KHÔNG PHẢI NHỮNG LUẬT VỀ CÁI CHẾT ÊM ẢO TỰ DO.

NẾU CON NGƯỜI BAN HÀNH NHỮNG LUẬT LỆ DỄ HIỂU NHƯ “LUẬT CÁI CHẾT ÊM ẢO ROTTERDAM” MÀ HIỆN NAY CÁC BÁC SĨ HÀ LAN ĐANG LÀM THEO, THÌ CŨNG KHÔNG CÓ TRƠN HAY TRƯỢT THEO CÁI XẤU NỮA.

CŨNG THẬT KỲ LẠ KHI ÁM CHỈ RẰNG VIỆC CHO PHÉP THỰC HIỆN CÁI CHẾT ÊM ẢO SẼ ĐƯƠNG NHIÊN NGĂN CẢN VIỆC NGHIÊN CỨU Y KHOA.



BỆNH NHÂN HÔN MÊ

Trong trường hợp cái chết êm ái **không tự nguyện**, trách nhiệm thuộc về bác sĩ, thân nhân và những người quyết định thay cho bệnh nhân không còn ý thức, hoặc trẻ mới sinh – tất cả những ai không có khả năng lựa chọn.

MỘT VẤN ĐỀ ĐÓ LÀ RANH GIỚI GIỮA “SỰ SỐNG” VÀ “CÁI CHẾT” RẤT KHÓ ĐỂ QUYẾT ĐỊNH...



...MẠC DÙ SỰ PHÂN BIỆT NÀY LÀ VẤN ĐỀ MANG TÍNH KHOA HỌC NHIỀU HƠN VÀ KHÔNG PHẢI LÀ VẤN ĐỀ CỦA CÁC TRIẾT GIA LUÂN LÝ.

HẦU HẾT BÁC SĨ MIỄN CƯỜNG CHẤP NHẬN THEO TÌNH TRẠNG CỦA NÃO BỘ.

Trong những trường hợp này, triết gia đôi khi sẽ cố gắng phân biệt giữa một người “đang có một cuộc sống” và “đang tồn tại” – sự phân biệt giữa tiểu sử lý lịch và sinh học. Các triết gia khác thích bàn về “nhân thân”.

Bạn có thể nỗ lực quyết định làm gì bằng cách sử dụng cơn đau theo quan điểm vị lợi và “tổng” niềm vui. Tuy nhiên, đối với bệnh nhân hôn mê có rất ít cơ hội phục hồi, những xem xét theo hướng vị lợi chuẩn mực về đau đớn và vui thú dường như không phù hợp.

VÌ THẾ BẠN PHẢI ĐÁNH GIÁ, KHÔNG PHẢI NỖ ĐAU HAY NIỀM VUI TƯƠNG LAI CỦA BỆNH NHÂN. MÀ THAY VÌ THẾ HÃY SUY XÉT LIỆU HỌ VẪN LÀ “NHÂN THÂN” CÓ KHẢ NĂNG “SỐNG ĐỜI XỨNG ĐÁNG” HAY KHÔNG.



Ở ĐÂY, RÕ RÀNG CÓ NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH SAU:
LÀM SAO BẠN XÁC ĐỊNH NHỮNG TIÊU CHUẨN
MƠ HỒ NHƯ “NHÂN THÂN” VÀ “CUỘC SỐNG
XỨNG ĐÁNG” - VÀ AI CÓ QUYỀN
QUYẾT ĐỊNH?

HÃY ĐỂ TỰ NHIÊN VẬN HÀNH THEO CÁCH CỦA NÓ

Học thuyết Hành động và Từ bỏ thường được áp dụng trong những tình huống dưới đây.



Chỉ dẫn Hành động và Từ bỏ là một phân biệt pháp lý chứ không phải luân lý. Bỏ mặc một người đang chết đuối khó mà mang tính luân lý đạo đức hơn việc cố tình nhấn chìm người đó. Điều đó thường cũng không rõ ràng khi chủ động giết một người đang đau đớn dữ dội liệu có phải là vô đạo đức hay không, hơn là để người đó chết từ từ bằng cách không điều trị nữa. Thực hiện cách thứ hai ít nhất sẽ giúp bác sĩ không phải hầu tòa.



HÃY ĐỂ BỆNH NHÂN QUYẾT ĐỊNH

Cái chết êm ái **tự nguyện** là khi bệnh nhân hoàn toàn có ý thức và khả năng yêu cầu được ra đi.

THƯỜNG LÀ BỞI VÌ HỌ ĐANG BỊ
MỘT CĂN BỆNH GIAI ĐOẠN CUỐI
VÀ RẤT ĐAU ĐỚN, NHƯNG KHÔNG
THỂ TỰ TỬ ĐƯỢC.

ĐIỀU KIỆN Y TẾ VÀ LÝ TRÍ CỦA
NGƯỜI BỆNH CHẮC CHẮN SẼ ĐÓNG
MỘT VAI TRÒ LỚN TRONG VIỆC
QUYẾT ĐỊNH LIỆU VIỆC YÊU CẦU ĐÓ
CÓ ĐƯỢC ĐÁP ỨNG HAY KHÔNG.



HAI ĐIỀU ĐÓ PHẢI ĐƯỢC HAI BÁC SĨ VÀ
HAI NGƯỜI LÀM CHÚNG ĐỘC LẬP ĐÁNH GIÁ.

CÁC TRIẾT GIA NÓI GÌ?

KANT

Kant và những người ủng hộ triết lý của ông đưa ra lời khuyên trái ngược nhau ở điểm này. Một bác sĩ theo tư tưởng Kant – người không tán thành thái độ buông thả về đạo đức của người chọn tự tử, cho rằng khó mà từ chối quyền tự do lựa chọn của bệnh nhân khi quyết định số phận bản thân: Kant đề cao giá trị tự chủ ở điểm này. Ông cho rằng việc tự tử là sai lầm, mặc dù các lập luận của ông chống lại việc này rất có sức thuyết phục.



VIỆC CHO PHÉP CÁI CHẾT ÊM ÁI Ở MỨC PHỔ QUÁT SẼ HỦY HOẠI SỰ HIỂU BIẾT NHỮNG GIÁ TRỊ NỘI TẠI CUỘC SỐNG CON NGƯỜI CỦA CHÚNG TA.

Nhưng một vài triết gia hiện đại không đồng ý: Họ lý luận rằng cái chết êm ái về mặt đạo đức vẫn có thể được chấp nhận dựa trên nền tảng Kant.

NẾU CHÚNG TA CHO PHÉP CHỈ MỘT ÍT NGƯỜI ỒM QUÁ NẶNG VÀ ĐAU ĐÓN CHỌN CÁI CHẾT ÊM ÁI, ĐIỀU NÀY SẼ KHÔNG HỦY ĐI KHÁI NIỆM “CÁI CHẾT ÊM ÁI” HOẶC “CUỘC SỐNG” TRONG TÂM TRÍ MỌI NGƯỜI NHƯ KANT ĐÃ KHẲNG ĐỊNH.

VÌ THẾ VIỆC CHO PHÉP CÁI CHẾT ÊM ÁI TRONG MỘT SỐ ÍT TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG “PHI LÝ” HAY “VÔ LUÂN” GÌ CẢ.



NHỮNG NGƯỜI THEO THUYẾT VỊ LỢI

John Stuart Mill cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cho phép các cá nhân tự do lựa chọn làm gì trong đời sống họ, miễn là không ai vì thế mà chịu đau khổ. “Lập luận tự do” này là một quan điểm rất quan trọng đối với những người theo thuyết Vị lợi.

MILL VÀ TÔI THƯỜNG XEM VIỆC TỰ TỬ LÀ MỘT HÀNH VI “KHÔNG CÓ NẠN NHÂN” VÀ CHÚNG TA SINH RA ĐÃ CÓ TÍNH ĐỒNG CẢM VỚI NGUYÊN NHÂN CỦA CÁI CHẾT ÊM ÁI.

TRÊN GIƯỜNG BỆNH THẬP TỬ NHẤT SINH BENTHAM ĐÃ YÊU CẦU ĐIỀU NÀY!

TÔI ĐÃ ĐỔI Ý RỒI NHA!

Những người theo thuyết Vị lợi dường như đóng góp được nhiều nhất trong nỗ lực làm rõ, nếu không muốn nói là giải quyết, vấn đề cái chết êm ái. Họ suy xét rất kỹ về các hậu quả của cái chết kiểu này đối với bệnh nhân, thân nhân và bạn bè của bệnh nhân, y giới và danh tiếng nghề y trước công luận.

Một bác sĩ theo thuyết vị lợi, người quyết định cho phép thực hiện cái chết êm ái hay không, sẽ bước vào khu vực nguy hiểm.

HẠNH PHÚC TƯƠNG LAI CỦA BỆNH NHÂN SẼ
RẤT KHÓ MÀ ĐO LƯỜNG



MẶC DÙ MỘT BÁC SĨ TÂM TỐT
CÓ LẼ ĐOÁN TRƯỚC ĐƯỢC RẤT
CHÍNH XÁC BAO NHIÊU "HẠNH
PHÚC" HAY ĐAU ĐỚN MÀ MỘT
NGƯỜI BỊ UNG THƯ SẮP TỬ VONG
SẼ TRẢI NGHIỆM.

Hãy hình dung những khó khăn mà một bác sĩ theo thuyết vị lợi đối mặt phải nói với ai đó đang chịu đau đớn khủng khiếp....

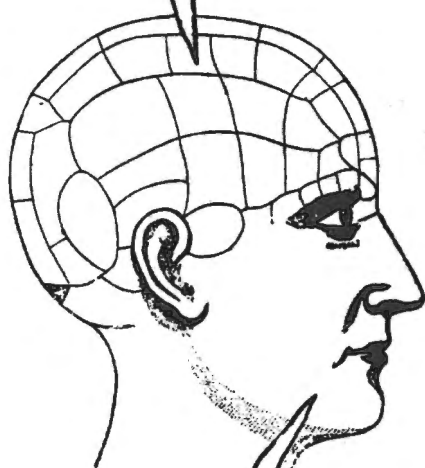


XIN LỖI. TÔI KHÔNG THỂ GIÚP NGÀI...
NÓ CÓ THỂ LÀM BĂNG HOẠI DANH
TIẾNG NGÀNH Y VÀ NGĂN NHỮNG NGHIÊN CỨU
VỀ BỆNH CỦA BẠN CŨNG NHƯ VỀ GIẢM ĐAU NÓI
CHUNG. NGÀI PHẢI CHỊU MỌI ĐAU ĐỚN NÀY
BỞI VÌ CÓ NGUY CƠ CỦA VIỆC TRƯỢT
DÀI ĐẾN NHIỀU ĐIỀU XẤU KHÁC.

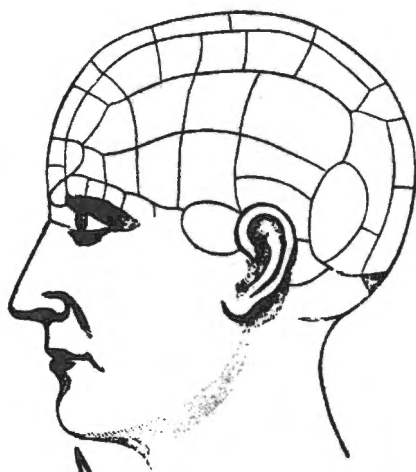
LẠI NÓI VỀ THUYẾT ĐỨC HẠNH

Cái chết êm ái là một trường hợp tốt cho “thuyết đức hạnh” và cho việc nó có thể giúp chúng ta đưa ra những quyết định đạo đức. Chính bởi vì lời khuyên mâu thuẫn rõ ràng của người theo thuyết vị lợi và người theo tư tưởng Kant cho chúng ta trong những tình huống như thế này mà một số triết gia nêu rằng cái chết êm ái “không thể giải quyết” bằng cách viện đến “các hệ thống” đạo đức.

CÓ LẼ NHỮNG GÌ TA NÊN THỰC HIỆN LÀ XEM XÉT “MỘT NGƯỜI TỐT” SẼ LÀM GÌ HOẶC CHÚC NẰNG HAY MỤC ĐÍCH CỦA BỆNH NHÂN ĐANG MANG TỬ BỆNH.



MỘT CÁCH GIẢI QUYẾT NHƯ THẾ SẼ MANG TÍNH TÌNH HUỐNG VÀ TƯƠNG ĐỐI - MỖI TRƯỜNG HỢP SẼ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ DỰA TRÊN NHỮNG ƯU ĐIỂM CỦA NÓ.



CÁI CHẾT ÊM ÁI CÓ THỂ ĐƯỢC CON NGƯỜI CHẤP NHẬN TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP. CÁC TRƯỜNG HỢP CÒN LẠI THÌ KHÔNG, TÙY THUỘC VÀO BỆNH NHÂN. BÁC SĨ VÀ NHỮNG NGƯỜI KHÁC - TẤT CẢ ĐỀU ĐƯA RA ĐÁNH GIÁ CỦA HỌ TRONG PHẠM VI NHỮNG HƯỚNG DẪN RÕ RÀNG.

Mặc dù vậy, việc luật pháp có thể hiện diện trong những nỗ lực giải quyết như thế, là rất khó xảy ra, làm cho một số người theo tư tưởng Aristotle cho rằng có lẽ cái chết êm ái đơn thuần không phải là thứ mà luật pháp nên dính líu vào. Người ta băn khoăn không biết Bác sĩ Cox có thể nói gì.

CHÚNG TA KẾT LUẬN GÌ?

Đạo đức học là lĩnh vực khó triển khai và có lẽ sẽ luôn như vậy. Một phần nó xuất phát từ bản tính con người – ngay cả nếu phần lớn nó chỉ là một hư cấu khả dụng. Thường thì những nỗ lực con người là làm cho đạo đức học trở nên khách quan và phổ quát, khi bằng chứng rõ ràng rằng có quá nhiều niềm tin về việc chúng ta nên xử sự thế nào với nhau.

NHỮNG HỌC THUYẾT ĐẠO ĐỨC CỔ XƯA HƠN THÌ CHẮNG KHI NÀO BỊ KHAI TỬ VÀ BIẾN MẤT CẢ.

MỘT SỐ TRIẾT GIA VẮN TIN RẰNG LUÂN LÝ BÀN VỀ VIỆC TẠO RA VÀ BAN PHÁT HẠNH PHÚC.



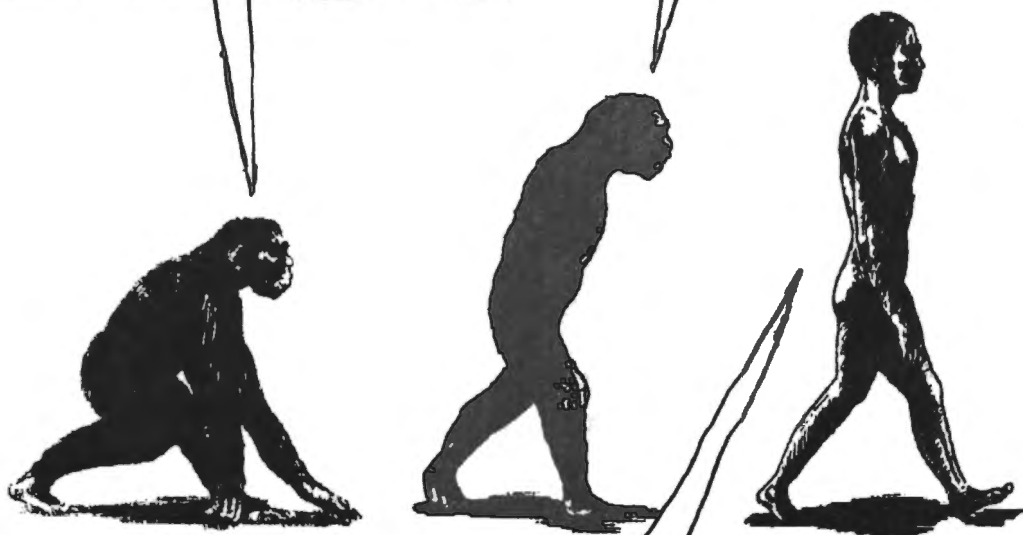
VÀ CHỦ NGHĨA VỊ LỢI VẮN ĐƯỜNG NHƯ LÀ MỘT HỆ THỐNG HỮU DỤNG GIÚP CON NGƯỜI PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ (NẾU KHÔNG GIẢI QUYẾT ĐƯỢC) NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC THIẾT THỰC VÀ PHỨC TẠP.

Cũng như Kant, các triết gia luân lý khác tin rằng có đạo đức nghĩa là hành động một cách hợp lý và nhất quán. Sự trở lại của “đạo đức học phẩm hạnh” có thể giúp tránh được những hậu quả không mong muốn của hai học thuyết kia nhưng chính nó có thể trở nên mơ hồ một cách hổ thẹn về việc các cá nhân “nhảy cảm tình hướng” đưa ra những quyết định đạo đức như thế nào để đảm bảo nguyên tắc nhất quán và có cam kết.

Chủ nghĩa hậu hiện đại góp phần làm trầm trọng thêm sự khủng hoảng nhận thức luận của chúng ta. Ngày nay thật khó tự tin về tính chắc chắn của bất kỳ tri thức nào của con người, nhất là tri thức về chính con người. Dường như rất khó có khả năng chúng ta sẽ phát hiện những chân lý đạo đức khách quan và phổ quát. Sự phát hiện những chân lý như thế thậm chí có vẻ kém khả thi hơn sự phát hiện một điều gì đó đã hiện hữu trước cả vụ nổ Big Bang.

Niềm tin rằng loài linh trưởng lớp thấp có thể đã từng phát hiện ra những thực thể siêu hình như thế giờ có vẻ cao ngạo, nguy hiểm và hơi kỳ cục.

Nhưng sự hồ nghi có cơ sở này có thể là một điều tích cực.



Nó sẽ làm cho chúng ta nghi ngờ những bậc thầy uy tín, những vị lãnh tụ chính trị có khả năng kích động quần chúng và tất cả những ai tuyên bố con đường tiếp cận chân lý đạo đức.

Bởi vì chúng ta chỉ có thể thực hiện những bước tiến thử nghiệm nhỏ bé hướng đến những hình thái phát triển đạo đức con người chủ quan và giới hạn, không có nghĩa một thành tựu như thế là bất khả.



Với tư cách là một giống loài, chúng ta đã và vẫn có khả năng phát minh, sáng tạo và mạo hiểm đến kỳ diệu. Nhưng dù có tạo ra lò vi sóng và máy tính, chúng ta vẫn ở giai đoạn rất sơ khai của sự phát triển đạo đức. Chủ nghĩa hậu hiện đại rất có thể đã hủy hoại tính chắc chắn của đạo đức, nhưng nghịch lý thay chính sự phá hoại này có thể giúp ta tiến bộ về luân lý.

NHỮNG THEO ĐUỔI KHÔNG NGỪNG
NGHỈ TÍNH CHẮC CHẮN CỦA CHÍNH
TRỊ, TÔN GIÁO VÀ ĐẠO ĐỨC QUA
NHIỀU THỜI ĐẠI ĐÃ HỦY HOẠI HÀNG
TRIỆU NHÂN MẠNG VÀ VẪN CÓ THỂ
CÒN TIẾP DIỄN.



CÓ LẼ NẾU CHÚNG TA TỪ BỎ VIỆC KIỂM
TÌM TÍNH BỀN VỮNG CỦA ĐẠO ĐỨC, THÌ
CHÚNG TA CÓ THỂ NỖ LỰC THỰC HIỆN
NHỮNG DỰ ÁN ÍT THAM VỌNG HƠN

...GIỐNG NHƯ CỐ GẮNG
HÌNH DUNG RA CÁCH ĐỂ CỐ
VỮ NHỮNG CỘNG ĐỒNG HÀI
HÒA VỀ LUÂN LÝ - NƠI MANG LẠI
NHỮNG CUỘC SỐNG ĐA DẠNG VÀ
ĐÁNG SỐNG CHO CÁC THÀNH
VIÊN CỦA MÌNH.

Điều này có thể có nghĩa là chúng ta nói cho cùng cũng sinh sống trong những “bộ lạc” nhỏ và tự chủ về đạo đức, hoặc trong những cộng đồng rộng lớn hơn mang tính đa nguyên và “cởi mở” một cách lành mạnh.

Một ý niệm được biết tới là “**Nguyên lý nhân học**” đã được các nhà vũ trụ học gần đây nêu lên. Nguyên lý này xem xét các vũ trụ “khả tồn” và đề xuất ý tưởng rằng vũ trụ chúng ta có cấu trúc đặc thù nhằm cho phép cuộc sống con người tiến hóa hoàn thiện. Nếu điều này là thật, thì chúng ta với tư cách con người đã may mắn đến mức khó tin tồn tại được trong những điều kỳ lạ bất khả của vũ trụ.

**SỰ ĐE DỌA LỚN NHẤT ĐỐI VỚI SỰ
TỒN VONG CỦA CHÚNG TA HIỆN NAY
LÀ CHÍNH CHÚNG TA.**



**CHÚNG TA CÓ THỂ HỦY DIỆT BẢN THÂN VÀ HÀNH
TÍNH CỦA MÌNH KHÁ DỄ BẰNG SỰ KẾT HỢP TÍNH
ÍCH KỶ NGU DỐT VÀ CÔNG NGHỆ GÂY
CHẾT NGƯỜI.**

Nếu chúng ta có thể đối mặt với sự thật rằng chúng ta chỉ là con người có khả năng nắm bắt giới hạn một mô “tri thức”, điều mà chúng ta có được thông qua một bộ công cụ khái niệm và tri giác không tin cậy, thì ta vẫn còn hy vọng. Chưa bao giờ chúng ta đạt được sự bền vững về đạo đức. Nhưng chúng ta có thể có ý thức hơn về đạo đức. Nếu với tư cách là một giống loài, chúng ta không làm được, thì đơn giản là chúng ta sẽ không làm được.

Đạo đức học nhất định vẫn là lĩnh vực gì đó đáng để chúng ta tiếp cận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Có khá nhiều tài liệu về đạo đức học. Tác phẩm này để cập trực tiếp những văn bản dưới đây:

Cộng hòa của Plato; Xã hội mở và kẻ thù của nó của K. Popper; Đạo đức học Nichomache của Aristotle; Leviathan của Hobbes; Emile hay là về giáo dục của Rousseau; Quân vương của Machiavelli; Thuyết vị lợi và Bàn về tự do của John Stuart Mill; Luật luân lý của Kant; Luận về bản chất con người của Hume; Ngôn ngữ, chân lý và logic của A.J. Ayer; Ngôn ngữ Đức lý của R. Hare; Chủ nghĩa hiện sinh là Chủ nghĩa nhân bản của J.-P. Sartre; Học thuyết Công bằng Xã hội của J. Rawls; Theo đuổi Đức hạnh của A. MacIntyre; Tri thức Tình yêu của M. Nussbaum; Những gọi báo tính Hậu hiện đại của Z. Bauman.

Những tác phẩm nhập môn khái quát hay về đạo đức học rất hữu dụng là:

Thách đố Đạo đức học, Paul Vardy và Paul Grosch (Harper-Collins 1994); **Triết học Luân lý**, D.D. Raphael (Oxford 1981); **Nguyên tắc luân lý và Giá trị xã hội**, J. Trusted (Routledge 1987); **Lược sử Đạo đức học**, A. MacIntyre (Routledge 1967); **Đạo đức học**, J.L. Mackie (Penguin 1977).

Một tác phẩm không “mang tính triết lý” nhưng khá hay là:

Bảy lý thuyết về Bản chất con người, L. Stevenson (Oxford 1974).

Có nhiều tác phẩm về các triết gia Hy Lạp, như: **Plato**, Nickolas Pappas (Routledge 1995); **Cộng hòa của Plato**, R. Cross và A.D. Woozley (Macmillan 1979); **Triết gia Aristotle**, J. Ackrill (Oxford 1981); **Đạo đức học của Aristotle**, J. Urmson (Blackwell 1988); **Lý thuyết Đạo đức của Aristotle**, W. Hardie (Oxford 1981).

Hai tác phẩm nhập môn ngắn hơn đối với bạn đọc ít thời gian tìm hiểu là:

Plato, R. Hare (Oxford Past Masters 1984); **Aristotle**, J. Barnes (Oxford Past Masters 1982).

Một tác phẩm nhập môn hay về Mill, Kant và Sartre là:

Ba nhà Đạo đức học Triết lý, G. Kerner (Oxford 1990).

Cầm nang trình bày rõ ràng và súc tích nhất về **triết học luân lý của Kant** vẫn là **Triết học Luân lý Kant**, H.B. Acton (Macmillan 1970).

Một tác phẩm khác viết khá rõ là **Nhập môn Đạo đức học Kant**, R. Sullivan (Cambridge 1994).

Tác phẩm nhập môn viết rõ ràng nhưng không phải khi nào cũng dễ đọc về triết học luân lý hiện đại lý thuyết là: **Triết học Luân lý hiện đại**, W.D. Hudson (Macmillan 1983); **Triết học Luân lý đương đại**, G.J. Warnock (Macmillan 1967).

Sách nhập môn hay về đạo đức học ứng dụng theo quan điểm Vị lợi khái quát là: **Đạo đức học thực hành**, P. Singer (Oxford 1993); **Đạo đức học ứng dụng**, ed. P. Singer (Oxford 1986).

Một tác phẩm nhập môn biện chứng hay về Triết học Vị lợi là **Chủ nghĩa Vị lợi: phản bác và tán thành**, J.J. Smart và B. Williams (Cambridge 1973). Một tác phẩm nhập môn hấp dẫn và toàn diện nhất về triết học chính trị có thể tìm đọc trong hai cuốn **Con người và Xã hội**, J. Plamenatz (Longman 1992); một tác phẩm nhập môn ngắn hơn mà thú vị là các tiểu luận trong **Các ý niệm Chính trị**, ed. D. Thomson (Penguin 1990).

Một lý giải rõ ràng về lý thuyết chính trị và luân lý gần đây hơn là trong các tác phẩm: **Triết học Chính trị hiện đại**, A. Brown (Penguin 1986); **Các tư tưởng gia Chính trị**, ed. D. Muschamp (Macmillan 1986); **Luân lý Công và Tù**, ed. S. Hampshire (Cambridge 1978).

Những tác phẩm khác về đạo đức học thực hành là: **Động vật và tại sao chúng lại quan trọng**, M. Midgley (Penguin 1983); **Giải phóng Động vật**, P. Singer (Cape 1976); **Gây nên Tử vong và Cứu lấy sự sống**, J. Glover (Penguin 1972).

Một tập hợp tiểu luận rất hay và cập nhật nhất về tất cả phong cách đề tài đạo đức thực hành và lý thuyết, lịch sử là **Sổ tay Đạo đức học**, ed. P. Singer (Blackwell 1993).

Triết học Ngày nay là một tạp chí xuất sắc, không quá nặng nề và có thể truy cập và tìm đọc được xuất bản theo quý và thường bao hàm những vấn đề luân lý đương đại. Có thể nhận tạp chí ở địa chỉ 226 Đường Bramford, Ipswich IP1 4AS.

LỜI CẢM TẠ

Tôi muốn nêu tác phẩm **Sổ tay Đạo đức học** vì nó đặc biệt hữu ích đối với tác giả, mặc dù, không hề ngạc nhiên là tôi bất đồng với mọi quan điểm trong hợp tuyển đó. Tôi cũng muốn bày tỏ lời cảm ơn đến người bạn đồng hành Judith của tôi về tính kiên nhẫn phi thường và tất cả những người bạn mà tôi yêu cầu đọc bản thảo ban đầu của tôi. Tôi cũng luôn biết ơn sinh viên tôi dạy đã làm tôi cười vui sướng khoái và gợi cho tôi một số ý tưởng rất độc đáo trong tác phẩm này. Tôi cũng hết lòng khâm phục Chris Garratt người đã giúp cho cuốn sách này sinh động vui hơn hình ảnh có thể có của nó. Tôi cũng ngỏ lời cảm ơn biên tập viên của tôi, Richard Appignanesi, người đã kiên nhẫn nhắc tôi dấu phẩy dùng để làm gì.

Cuối cùng, tôi trân trọng bày tỏ lời cảm tạ đến Giáo sư R.F. Atkinson đã dạy tôi rất nhiều, ở giảng đường và dạy riêng, về lĩnh vực triết học luân lý. Tôi muốn giới thiệu với mọi bạn đọc cuốn **Hạnh kiểm: Nhập môn Triết học Luân lý** (Macmillan 1969) của ông khi các bạn đã đọc xong cuốn này.

Trợ lý ảnh và minh họa

Diane Dalton

Sophie Garratt

Duncan Heath

DANH MỤC THUẬT NGỮ

- Aquinas, St. Thomas 49-50
Aristotle 4, 40-4, 49, 128
Ayer, A.J. 95
Bản chất con người 11-12, 104
 Bentham 71
 gien 16-17, 62-3
Bản năng 63
Barthes, Roland 117
Bauman, Zygmunt 119, 121, 123
Bentham, Jeremy 68-74, 167
Cá nhân luận, triết học 5
Cái chết êm ái 156-69
Cảm xúc, thuyết 95
Chân lý 22, 85
Chủ nghĩa đa Antisthenes 45
 nguyên 77
Chủ nghĩa duy lý 37
 Xem thêm Kant, Immanuel
Chủ nghĩa hậu hiện đại 111-15,
 121-5
Chủ nghĩa hiện đại 119-20
Chủ nghĩa hiện sinh 98, 122
Chủ nghĩa hiện thực 19
Chủ nghĩa nhân bản 51
Chủ nghĩa tư bản 65, 115-16, 127
Chủ quan luận 93, 104
Cộng đồng luận, triết học 5
Cộng hòa, tác phẩm 35-6
Dân chủ, nền 26-7
Đạo đức
 ý chí tự do 106-7
 tưởng tượng 86
Đạo nghĩa học, trường phái 81-2,
 85
Derrida, Jacques 111
Descartes, Rene 146
Di truyền học, vai trò 13-17
Động vật 146-55
Đức hạnh, thuyết 128, 169
Đúng và sai 34
Foucault, Michel 117
Freud, Sigmund 105-7
Giai cấp 66-67
Gien, quan điểm tất định 14
Gramsci, Antonio 116
Hạnh phúc 71-2, 75, 78-9
Hare, Richard 96
Hệ thống niềm tin 8
Hình thái 38
Hobbes, Thomas 54-7
Hume, David 88-94, 111
Hutton, Will 131
Hy Lạp cổ đại 25-47
Kant, Immanuel 79-86, 146
 cái chết êm ái 166
Khắc kỷ, phái 46
Khách quan, thuyết 93
Khế ước xã hội 55
Khoái lạc, phái 47
Khoái lạc-đau đớn, nguyên tắc
 Xem Bentham
Khoảng trống "Là-Nên" 89, 92
Khuyến nho, phái 45
Kitô giáo 9, 11-12, 48-9
 Xem thêm Kitô giáo
Kohlberg, Lawrence 137
Kristeva, Julia 135
Kropotkin, Peter 60
Lacan, Jacques 108
Lãng mạn, phong trào 57-9
Luân lý 3, 5, 8
 Hy Lạp cổ đại 25-47
 Plato 39
 và tôn giáo 9
Luận về bản chất con người, tác
 phẩm, 88
Luật tự nhiên 46, 50
Lý tính 111
Lyotard, Jean-Francois 111
Machiavelli, Niccolo 52-4
MacIntyre, Alasdair 128-31

Marcuse, Herbert 116
 Marx, Karl 64-7, 116-17
 Mệnh lệnh nhất quyết 84
 Mệnh lệnh, thuyết 96-7
 Mill, J.S. 68, 74-7, 79, 167
 Môi trường 15-17, 140-5
 Mục đích luận, quan điểm
 Nền văn minh 57
 Nghĩa vụ 81-3
 Ngôn ngữ 114
 Ngôn ngữ, chân lý và logic, tác phẩm 95
 Ngôn từ đạo đức, tác phẩm 96
 Nguyên lý nhân học 173
 Nhà nước 4
 Nhân thân, lập luận 154-5
 Nietzsche, Friedrich 113, 118
 Nô lệ, tình trạng 29
 Nữ quyền 134-9
 Nussbaum, Martha 134
 Phổ quát luận 19
 Plato 35-9
 Quân vương, tác phẩm 52-3
 Quy luật 9, 19-21, 84-5
 Quyền 147-9
 Rawls, John 125-7
 Rorty, Richard 118
 Rousseau, Jean-Jacques 57-9
 Sartre, Jean-Paul 98-102
 Sát thủ 8
 Socrates 4, 10, 30-5
 Thảm sát người Do Thái 109
 Thế chiến II 109-11
 Thuyết tuyệt đối 19-24
 Toán học 37
 Tôn giáo 10, 28
 Tri thức 37
 Trí tưởng tượng 86, 97
 Triết học 5, 27, 29
 Triết học Hy Lạp 128-9
 Triết học về phát triển luân lý, tác phẩm 137
 Tương đối, thuyết 17-18, 23-4

Tương hỗ, quy tắc 9
 Văn hóa, nền 20-1, 23
 Vị lợi, thuyết 68-77
 động vật 149, 151-3
 cái chết êm ái 167-8
 môi trường 143-5
 Vô thức 106-7, 108
 Williams, Bernard 78
 Wilson, Edward O. 60
 Wittgenstein, Ludwig 146
 Wollstonecraft, Mary 135
 Xã hội
 con người, tư cách 4
 đạo đức học 125
 công lý 127
 gien 62
 Xã hội bộ lạc 123-4
 Xấu xa, điều 114
 Ý chí tự do 15, 115, 121-3
 Xem thêm Sartre
 Ý thức sai lầm 66

TIỂU TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ BỎ TÚI

Bản chất/ Tùy thể/ Essence/ Accident: sự phân biệt giữa các thuộc tính, đặc tính hay phẩm chất của bản thể. Sự sở hữu các tính chất cơ bản của một vật là cần thiết cho sự tồn tại của cá thể đó, hoặc ít nhất, cho tư cách thành viên của nó trong một loại cụ thể. Ngược lại, các đặc tính tùy thể là những đặc tính mà sự vật chỉ tình cờ có mặc dù nó không cần đến. Ví dụ, lý tính có thể là một bản chất của bất kỳ con người nào, nhưng việc có khả năng tính nhẩm căn bậc hai một cách chính xác trong đầu thì chắc chắn là một tùy thể.

Cái ác của con người/ Human evil: sự chịu đựng do các chọn lựa sai của con người về mặt đạo đức. Sự ác do con người nhiều khi được phân biệt với sự ác trong thiên nhiên, hậu quả của những thiên tai như động đất. Từ “ác” được dùng (nhất là vào những thế kỷ đầu) đồng nghĩa với hình thức quá đáng về sai trái có liên quan đến đạo đức. Hiểu theo nghĩa đó sự phân tích sự ác là nhiệm vụ của triết học đạo đức trần gian.

Một vấn đề thường được thảo luận là người ta có chọn lựa sự ác vì sự ác một cách hợp lý không. Francis Hutcheson và Joseph Butler lập luận người ta không chọn sự ác vì sự ác, nhưng là lợi ích của họ, hay vì một lý tưởng nào đó mà họ đồng hóa với lợi ích đó, làm thiệt hại cho lợi ích của kẻ khác, và sự ác chỉ là phó phẩm trong những theo đuổi như vậy. Nhưng các kinh nghiệm của thế kỷ này cho thấy người ta có thể chọn lựa sự ác chỉ vì sự ác.

Cái chết êm ái/ Euthanasia: từ phát xuất từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là “cái chết tốt đẹp”. Sau đó từ này trở nên có hai ý nghĩa tách biệt nhau: (1) hành vi hay cách thực hiện đem lại cái chết không đau cho những người đau khổ trong điều kiện cuối cùng (cái chết êm ái tích cực); (2) cố tình không ngăn cản cái chết cho những người chịu đựng điều kiện cuối cùng (cái chết êm ái tiêu cực). Ý nghĩa thứ hai xuất hiện do tiến bộ của kỹ thuật trong ngành y giúp người ta có thể kéo dài cuộc sống nhưng không có hy vọng bình phục. Cuối cùng, yêu cầu của “điều kiện cuối cùng” cũng được bỏ đi trong rất nhiều định nghĩa được đề nghị.

Cảm quan chung/ Common sense: ý kiến chung, thường được mọi người công nhận. Nó chưa có giá trị triết học, nhưng có thể là khởi điểm cho suy tư triết học.

Chân lý/ Truth: sự tuân hợp của một mệnh đề với phương cách hữu thể của sự vật. Sự phân tích chính xác bản tính của chân lý là chủ đề của các thuyết ngữ nghĩa, dư thừa, thực dụng, mạch lạc và tương ứng của chân lý.

Chủ nghĩa duy lý/ Rationalism: thuyết dựa trên lý tính với tư cách là nguồn gốc tin cậy duy nhất để con người tri nhận thế giới. Trong hình thái áp dụng rộng rãi nhất của nó, thuyết duy lý đưa ra một lý giải khác mang tính tự nhiên luận đối với những cách tiếp cận lý giải tôn giáo về bản chất và hạnh kiểm con người. Cụ thể hơn, thuyết duy lý cho rằng tri thức có ý nghĩa về thế giới có thể đạt được tốt nhất thông qua con đường tiên nghiệm; vì thế nó đối ngược với thuyết duy nghiệm. Những nhà duy lý lỗi lạc thời hiện đại bao gồm Descartes, Spinoza và Leibniz.

Chủ nghĩa hậu hiện đại/ Postmodernism: Trong triết học, các nhà tư tưởng hậu hiện đại thường thể hiện những nghi vấn lớn về khả năng có được chân lý khách quan phổ quát, bác bỏ những phân chia rạch ròi giả tạo, và tâm đắc những lối châm biếm cổ hữu và tính đặc thù của ngôn ngữ và đời sống. Những chủ đề đa dạng và ngấm ý về tư duy hậu hiện đại được các nhà tư tưởng như Foucault, Derrida, Lyotard, Rorty, Haraway và Cixous khai phá.

Chủ nghĩa hiện đại/ Modernism: một trào lưu triết lý, cùng với những xu hướng và thay đổi văn hóa, nảy sinh từ những biến đổi sâu xa trong các xã hội phương Tây cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Trong những yếu tố kiến tạo nên chủ nghĩa hiện đại là sự phát triển của các xã hội công nghiệp hiện đại và sự phát triển nhanh chóng mạng lưới đô thị, theo sau biến cố khủng khiếp của Thế chiến I. Chủ nghĩa hiện đại cũng bác bỏ sự xác tín của tư duy thời kỳ Khai sáng, và nhiều nhà hiện đại luận đã bác bỏ tín niệm tôn giáo.

Chủ nghĩa hư vô/ Nihilism: sự bác bỏ hoàn toàn sự tồn tại của tri thức và giá trị con người và sự khước từ khả năng tạo ra bất kỳ sự phân biệt hữu ích nào giữa những sự vật.

Chủ nghĩa nhân văn/ Humanism: Niềm tin cho rằng con người cá thể là nguồn gốc cơ bản của mọi giá trị và có năng lực hiểu biết – và có lẽ còn kiểm soát – thế giới tự nhiên bằng cách ứng dụng cẩn trọng những quan năng lý tính của riêng mình. Suốt thời kỳ Phục hưng, những nhà nhân văn như Bruno, Erasmus, Valla, và Pico della Mirandola góp phần hướng sự quan tâm xa khỏi những tranh luận thần học bí ẩn để chú tâm vào những con đường nghiên cứu cổ điển và khoa học tự nhiên mang tính sáng tạo hơn.

Chủ nghĩa tương đối/ Relativism: niềm tin rằng những phán đoán của con người luôn được môi trường xã hội đặc thù của một người, thời gian hay không gian quy định. Các nhà tương đối luận đạo đức cho rằng không có chuẩn mực phổ quát nào về giá trị đạo đức, mà chỉ là những quy phạm văn hóa của những xã hội cụ thể.

Chủ quan/ Khách quan/ Subjective/ Objective: sự phân biệt giữa các mệnh đề hay phán đoán về phương cách sự vật và về việc con người tư duy thế nào hay cảm nhận sự vật thế nào. Chân lý của những tuyên bố khách quan được cho là hoàn toàn độc lập với những mối quan tâm chỉ mang tính cá nhân được phản ánh trong những biểu hiện chủ quan, mặc dù khó mà phân định điều này cho thật chính xác. Ví dụ, câu “Rau diếp màu xanh” mang tính khách quan, còn câu “Tôi thích rau diếp” mang tính chủ quan. Tuy nhiên câu “73% người dân Houston không thích rau diếp” dường như là một tuyên bố khách quan về những chủ thể nhất định.

Cộng đồng luận/ Communitarianism: một học thuyết chính trị thế kỷ 20 nhấn mạnh quyền lợi của các cộng đồng và xã hội hơn là của cá nhân. Mặc dù không nhất thiết đối địch với chủ nghĩa tự do (liberalism), nó chống lại các học thuyết cá nhân luận như chủ nghĩa tự do hoàn toàn (libertarianism (nhấn mạnh đến sự độc lập con người và tầm quan trọng của sự tự lực và tự do cá nhân)) và hầu hết những bình diện của chủ nghĩa bảo thủ hiện đại, một trào lưu biện hộ cho những ý niệm như xã hội dân sự.

Đạo đức học/ Ethics: nhánh triết học bàn về việc đánh giá hạnh kiểm con người. Các triết gia thường phân biệt các lĩnh vực đạo đức học như sau:

- Đạo đức học mô tả (descriptive ethics): nghiên cứu thực tế các chuẩn mực hay nguyên lý đạo đức của một nhóm người hay truyền thống.
- Đạo đức học quy phạm (normative ethics): sự phát triển lý thuyết định danh một cách hệ thống những hành vi đúng và sai.
- Đạo đức học ứng dụng (applied ethics): sử dụng những thuyết này nhằm đưa ra những phán đoán liên quan đến các trường hợp thực tiễn.
- Siêu đạo đức học (meta-ethics): phân tích cẩn trọng ý nghĩa và minh giải những tuyên ngôn đạo đức.

Đạo nghĩa học/ Deontology: sự nghiên cứu đạo nghĩa hay tính cần thiết luân lý. Một thuyết quy phạm nghĩa vụ học cho rằng giá trị đạo đức là một đặc điểm nội tại của hành động con người, được quyết định bằng các quy định chính thức về hạnh kiểm. Vì thế, các nhà đạo nghĩa học như Kant nêu rằng nghĩa vụ luân lý chỉ thuần túy dựa trên đạo nghĩa, mà không

cần quy chiếu gì đến các hậu quả thực tiễn mà hành động vì đạo nghĩa đó gây nên.

Giá trị/ Value: Cái giá của sự vật, tốt hay xấu, quý hay tiện, thiện hay ác, đúng hay sai. Tính cách của một vật đáng cho ta thích, ta yêu, có thể làm thỏa mãn khuynh hướng nào đó của ta. Vấn đề mang tính triết học khái quát nhất trong nghiên cứu giá trị (giá trị học) là giá trị nảy sinh từ các đặc tính kinh nghiệm khách quan hay chủ quan.

Hạnh phúc/ Happiness: sự an hạnh nói chung trong đời sống con người, một mục tiêu quan trọng đối với nhiều người và là vấn đề hệ trọng đối với những lý thuyết đạo đức học quy phạm. Aristotle không tán thành sự xác định hạnh phúc với niềm vui thể xác của Aristippus và những nhà chủ trương khoái lạc khác. Hầu hết các nhà vị lợi chấp nhận sự nhận diện này, nhưng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem xét hạnh phúc lớn nhất cho mọi người hơn là chỉ cho riêng mình.

Hợp thức hóa/ Legitimation: tiến trình theo đó quyền lực không những được định chế hóa mà quan trọng hơn là còn được đặt trên nền tảng luân lý. Sự hợp thức hóa chính là việc giải thích và biện minh cho toàn bộ trật tự định chế và truyền thống của một xã hội nhất định.

Hiểu biết/ Understanding: quan năng giúp con người hiểu biết bản chất thực tại. Trong thuyết tri thức của Plato, chúng ta lĩnh hội những sự thật toán học thông qua hiểu biết (giác tính). Đối với những triết gia hiện đại sau Descartes và Locke, hiểu biết (giác tính) là quan năng trí tuệ được quan niệm sâu rộng và khái quát hơn.

Luân lý - Đạo đức/ Morality: tính đạo đức dường như được sử dụng theo hai nghĩa tách bạch nhau: nghĩa mô tả và nghĩa chuẩn tắc. Cụ thể hơn, thuật ngữ “luân lý/đạo đức” có thể được sử dụng:

1. mô tả để chỉ những bộ luật hạnh kiểm được một xã hội hay nhóm người đề ra (chẳng hạn như một tôn giáo), hoặc được một cá nhân chấp nhận hướng dẫn hành vi của mình, hoặc
2. chuẩn tắc để chỉ một bộ luật hạnh kiểm mà, trong những điều kiện xác định, sẽ được mọi con người có lý tính đề ra.

Lý tính/ Reason: năng lực trí tuệ giúp con người hiểu được chân lý một cách có nhận thức, có thể ngay lập tức nhờ trực giác, hoặc thông qua một tiến trình suy lý.

Mệnh lệnh nhất quyết/ Categorical Imperative: Trong triết học đạo đức của Kant, có sự phân biệt giữa những cách thức mà ý chí sẽ có thể

được thực hiện. Một mệnh lệnh giả thiết (trong hình thức “Nếu bạn muốn điều X, hãy làm điều A.”) luôn luôn được quy định đối với điều gì khác, nhưng một mệnh lệnh nhất quyết (trong hình thức “Hãy làm điều A.”) thì có tính tuyệt đối và phổ quát. Đối với Kant, hành động luân lý luôn tuân thủ mệnh lệnh nhất quyết. “Hãy hành động sao cho châm ngôn của ý chí của bạn lúc nào cũng đồng thời có thể có giá trị như một quy luật phổ quát.”

Minh triết/ Wisdom: năng lực phán đoán tốt đối với chân lý trừu tượng hay những vấn đề lý thuyết (tương phản với sự khôn ngoan trong những công việc thực tế, cụ thể). Đối với Plato, trí tuệ là phẩm tính hợp với tâm hồn lý trí, và đối với Aristotle, đó là phẩm tính trí tuệ cao nhất.

Mục đích luận/ Teleological: Mục đích luận cố gắng giải thích những sự vật và tính chất của sự vật bằng cách nêu lên sự đóng góp của chúng cho những tình trạng tối ưu, hay cho sự hoạt động bình thường, hay sự đạt được những mục tiêu, của những toàn thể hay những hệ thống mà chúng thuộc về.

Nghĩa vụ/ Duty: cùng với những khái niệm “phải” và “bổn phận”, khái niệm nghĩa vụ diễn tả một hành động như được yêu cầu, như bị đòi buộc. “Luật luân lý”, Kant viết, đối với chúng ta là một “luật bổn phận, luật của ràng buộc của luân lý”. Cụm khái niệm này có mối liên hệ với cụm ràng buộc xoay quanh “sự thiện hảo” và “sự thể hiện giá trị”. Đối với một số nhà đạo đức học (gồm cả Kant), “nghĩa vụ và bổn phận” chỉ là những tên gọi “những quan hệ của chúng ta đối với luật luân lý. Đối với một số khác, nghĩa vụ của chúng ta, mặc dù bất khả lược thành các từ ngữ khác, chỉ có ý nghĩa nhằm tiết chế cuộc sống con người để hoàn thành mục đích tốt và để tôn trọng những hữu thể có lý trí và có cảm nhận.

Ngụy biện/ Sophism: một lập luận có vẻ hợp lý, nhưng thật sự là sai lạc, đặc biệt khi ai đó trình bày điều đó không trung thực như thể đó là lập luận chính đáng.

Nguyên lý nhân học/ Anthropic principle: niềm tin cho rằng sự tồn tại đời sống con người kéo theo những đặc trưng nhất định của thế giới vật lý. Trong một hình thức tối giản, quan điểm này chỉ nêu rằng chúng ta không thể có mặt nơi đây để quan sát những hiện tượng tự nhiên nếu nó không tương hợp với sự tồn tại của ta. Tuy nhiên, những phiên bản thuyết phục hơn của nguyên lý này dường như dựa trên ý niệm duy tâm rằng vũ trụ này sẽ không tồn tại nếu không có con người quan sát thông minh.

Nhân thân/ Person: một cá nhân có năng lực tác thành luân lý. Mặc dù chi tiết về các thuyết của họ về bản chất con người là rất khác nhau,

Descartes, Locke, Kant và Strawson đều chấp nhận một mô tả mang tính chức năng về nhân thân bao gồm những đặc trưng thể chất và tinh thần: việc quy trách nhiệm cho một tác nhân luân lý đòi hỏi vừa khả năng chọn lựa vừa khả năng hành động dựa trên sự chọn lựa đó.

Niềm tin/ Belief: sự khẳng định hoặc xác tín mạnh mẽ liên quan đến sự thật của một mệnh đề, cho dù người ta có minh chứng đủ để biện minh cho một mệnh đề được biết một cách xác tín.

Phái Khuyết nho/ Cynicism: niềm tin cho rằng mục đích toàn bộ của đời sống con người là sự thỏa mãn những nhu cầu tự nhiên cơ bản nhất của chúng ta mà không cần xem trọng những quy ước xã hội.

Quan điểm mô phỏng nhân hình/ Anthropomorphism: quy những thuộc tính con người cho những sự vật không phải con người. Vì thế, một tôn giáo mô phỏng nhân hình sẽ xem thần thánh như một hữu thể cá nhân, và những thuyết tự nhiên mô phỏng nhân hình có thể giả định rằng cây cối, động vật hoặc chính trái đất suy nghĩ và cảm nhận như phương cách mà chúng ta thực hiện.

Quyền/ Rights: những mong đợi được biện minh về những phúc lợi mà con người hay xã hội khác phải mang lại. Chúng ta có quyền theo nghĩa rằng người khác có một nghĩa vụ luân lý tôn trọng nó. Ở cấp độ cá nhân, nghĩa vụ hành động của tôi hướng đến bạn theo một cách thức nhất định kéo theo quyền tương ứng của bạn đối với sự thực hiện hành động đó của tôi.

Tiến định/Tất định luận/ Determinism: niềm tin rằng, bởi mỗi trạng thái tạm thời của thế giới kéo theo tất cả những trạng thái tương lai của nó, tất cả hẳn phải có thể (về nguyên tắc) đưa ra một lý giải nhân quả về mọi sự việc xảy ra. Khi ứng dụng giải thích hành vi con người, đôi khi người ta giả định tất định luận không tương hợp với sự tự do cần đến để con người thể hiện nghĩa vụ luân lý của mình. Hình thức cực đoan nhất của tất định luận trong bối cảnh này là vận mệnh thuyết.

Thuyết (Chủ nghĩa) hiện sinh/ Existentialism: một triết thuyết hiện đại, ông tổ là Kierkegaard nhằm mô tả đời sống hiện tại như hiện có. Có người muốn dùng danh từ *hiện hữu* để chỉ triết thuyết này. Tuy nhiên nội dung triết thuyết này là đời sống con người như có đấy nên gọi là hiện sinh.

Thuyết cảm xúc/ Emotivism: quan điểm cho rằng tất cả mọi sự khẳng định luân lý (như “X đã sai lầm” và “Y đã hành động sai”) không là gì cả mà chỉ là sự biểu hiện cảm xúc. Nó không thể là các phát ngôn thể hiện hiện thực khách quan.

Thuyết đa nguyên/ Pluralism: Quan niệm cho rằng thực tại tối hậu bao gồm nhiều loại sự vật khác nhau. Vì thế, trong đạo đức học, việc giả định rằng có nhiều nguồn gốc độc lập của giá trị, và trong đời sống chính trị, việc chấp nhận tính đa dạng của các nhóm người có những sự quan tâm đối kháng nhau. Thuyết đa nguyên nhận thức luận là một đặc trưng chung trong tư duy hậu hiện đại.

Thuyết duy nghiệm/ Empiricism: dựa vào kinh nghiệm để khơi nguồn cho ý niệm và tri thức. Cụ thể hơn, đây là một thuyết nhận thức luận mà thông tin đúng thật về thế giới phải lĩnh hội được thông qua phương tiện hậu nghiệm, để không gì có thể được tư duy mà trước tiên không được cảm nhận. Trong thế kỷ 20, những nguyên tắc duy nghiệm được mở rộng và ứng dụng nhờ các nhà thực dụng luận và duy thực nghiệm logic.

Thuyết/phái khắc kỷ/ Stoicism: trường phái triết học ở Athens thế kỷ 3 trước Công nguyên của Zeno ở Citium và Chrysippus. Những người khắc kỷ đưa ra một lối lý giải thống nhất về thế giới trong đó có logic hình thức, vật lý học duy vật và đạo đức học tự nhiên. Các nhà khắc kỷ La Mã sau này bao gồm Seneca, Epictetus và Marcus Aurelius nhấn mạnh dứt khoát hơn về sự phát triển những đề xuất một cuộc sống hài hòa với thế giới tự nhiên mà qua đó con người không có sự kiểm soát trực tiếp.

Thuyết Khế ước xã hội/ Social Contract Theory: niềm tin rằng các cấu trúc chính trị và tính chính đáng của nhà nước phái sinh từ một thỏa ước (ngầm dụ hay hiển minh) nhờ những cá nhân khi họ từ bỏ (một số hoặc toàn bộ) những quyền lợi riêng tư của mình để có được sự bảo vệ và ổn định một chính quyền hoặc tổ chức xã hội hiệu quả. Các triết gia như Hobbes, Locke, Rousseau và Rawls đã đề xuất các phiên bản khác nhau của lý thuyết xã ước.

Thuyết nguyên tử/ Atomistic: Mọi sự vật, hiện tượng đều có thể phân chia được nhỏ cho đến khi phải gặp những hạt vật chất không thể phân chia, đó chính là nguyên tử. Các đặc trưng: (1) là những hạt vật chất nhỏ nhất. (2) đặc, không thể phân chia tiếp. (3) không khác nhau về chất, không màu, không mùi, không vị, không âm thanh. (4) chỉ khác nhau về hình dạng, trật tự và tư thế. Các nguyên tử có đặc tính luôn luôn vận động. Điều kiện cho sự vận động là khoảng trống giữa chúng, tức là không gian. Các nguyên tử thông qua vận động để kết hợp hoặc tách rời nhau. Nhờ đó, các sự vật được hình thành hoặc hủy diệt.

Thuyết tự do/ Liberalism: thuyết tự do là một triết lý chính trị hay thế giới quan dựa trên các ý niệm tự do và bình đẳng. Trong khi chủ nghĩa tự do cổ điển nhấn mạnh vai trò tự do, chủ nghĩa tự do xã hội

TRIẾT HỌC LÝ THỨ ĐẠO ĐỨC HỌC BẰNG TRANH

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Lô 103, đường 30 tháng 4 – Hòa Cường Bắc – Đà Nẵng

ĐT: 0236.3797869 – 3797823; Fax: 0236.3797875

xuatban@nxbdanang.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: **TRƯƠNG CÔNG BÁO**

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập: **NGUYỄN KIM HUY**

Biên tập: Huỳnh Yên Trầm My

Trình bày: Zenbooks

Bìa: Thiên Thanh

Sửa bản in: Trúc Ly

Liên kết xuất bản

CÔNG TY CỔ PHẦN ZENBOOKS

Đ/C: 473/8 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10 - Tp HCM

ĐT: (028) 38682890 - 38620281

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty TNHH MTV in Song Nguyên.

Số 931/10 Hương Lộ 2, P. Bình Trị Đông A, Q. Bình Tân, TP Hồ Chí Minh.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số: 2666-2018/CXBIPH/02-139/ĐaN.

QĐXB số: 525/QĐ-NXBĐaN do NXBĐaN cấp ngày 07/08/2018.

Mã ISBN: 978-604-84-3373-4. In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.